

KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH NHƯ LAI MẬT NHƠN TU CHỨNG LIỄU NGHĨA CHƯ BỒ TÁT VẠN HẠNH THỦ LĂNG NGHIÊM – QUYỂN 8

---o0o---

Sa-môn Bát-thích Mật-đế người Trung Thiên Trúc dịch vào đời Đường.

Sa-môn Di-già Thích-ca, người nước Ô Thành dịch ngữ.

Sa-môn Hoài Địch, chùa Nam Lô, núi La Phù, chứng minh bản dịch.

Đệ tử Phòng Dung, thọ Bồ-tát giới, hiệu Thanh Hà, chức Tiền Chánh
Nghị Đại Phu đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự nhuận bút.



TUYÊN HÓA Thượng Nhân,

Vạn Phật Thánh Thành, Bắc Mỹ châu (Hoa Kỳ) lược giảng.

Đệ tử thọ Bồ-tát giới Phương Quả Ngộ ghi chép.

Thích Nhuận Châu, Tịnh Thất Từ Nghiêm Đại Tông Lâm dịch

---o0o---

Mục Lục

KHAI KINH KỆ	3
TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN	3
QUYỀN 08 - PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI	4
CÁC ĐỊA VỊ CỦA BỒ TÁT.....	19
THẬP TÍN	20
THẬP TRỤ	27
THẬP HẠNH	31
THẬP HỒI HƯỚNG	37
TỨ GIA HẠNH	43
THẬP ĐỊA	46
ĐẰNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC	50
TÊN KINH.....	54
THẤT PHẬN.....	58
PHẬN QUỶ	102
PHẬN THÚ	109
PHẬN NGƯỜI	115
PHẬN THẦN TIÊN	120
PHẬN CHƯ THIÊN	126

---o0o---

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp
Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa

*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.*

---o0o---

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

01. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.
02. Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.
03. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi nhưng lại chê bai kẻ khác.
04. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.
05. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.
06. Dịch giả phải dùng Trạch-pháp-nhãn để phán xét đâu là chân lý.
07. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch.
08. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.

---o0o---

QUYỂN 08 - PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

Kinh văn:

A Nan, như vậy chúng sinh trong mỗi mỗi loài, cũng đều đủ cả mười hai thứ điên đảo, cũng như dụi con mắt thì các thứ hoa đốm phát sinh ra.

Giảng giải:

A Nan, như vậy chúng sinh trong mỗi mỗi mười hai loài đã nói qua, cũng đều đủ cả mười hai thứ điên đảo. Tôi đã nói qua về các loại điên đảo, ở mỗi loại đều có sự liên quan đến mười hai loại điên đảo khác. Sự vọng niệm và tình trạng điên đảo đều khởi từ nhận thức sai lầm, **cũng như dụi con mắt thì các thứ hoa đốm phát sinh ra**. Nếu quý vị ấn, dụi đầu ngón tay lên mắt, quý vị sẽ thấy rất nhiều hoa đốm giả tạo chập chờn trước mắt, nếu buông ra, các hình ảnh ấy biến mất. Chỉ vì quý vị bám trước theo vọng niệm điên đảo nên không vượt thoát khỏi vòng luân hồi của mười hai loại chúng sinh. Nếu chúng ta đừng đuổi theo vọng niệm điên đảo, hãy quay trở lại với ánh sáng, với sự sáng nội tại và nhĩ căn để lắng nghe tự tánh – vậy quý vị sẽ phá vỡ vô minh, mọi hư giả sẽ biến mất.

Kinh văn:

Chân tâm diệu viên trong sạch sáng suốt mà điên đảo thì đầy đủ những loạn tưởng giả dối như vậy.

Giảng giải:

Từ nhận thức sai lầm sinh ra điên đảo, làm thành vọng niệm. Trong tự tính Như Lai tạng, vô minh nhóm khởi. Từ căn bản chân tinh sinh ra sai lầm, giả tạo. Tâm thanh tịnh và trong sáng trở nên đầy dẫy những vọng tưởng không chân thật.

Kinh văn:

Nay ông tu chứng Tam ma đề của Phật, vậy đối với tư tưởng càn loạn là nguyên nhân cội gốc của điên đảo, nên lập ra ba tiệm thứ mới diệt trừ được.

Giảng giải:

Nay ông tu chứng Tam ma đề của Phật, vậy đối với tư tưởng càn loạn là nguyên nhân cội gốc của điên đảo, nên lập ra ba tiệm thứ. Ông phải lập ra ba loại tiệm thứ và lần lượt tu tập, vậy mới diệt trừ được mọi loạn tưởng.

Kinh văn:

Cũng như bình đựng trong sạch, trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và các chất tro, chất thơm rửa sạch bình, sau đó mới đựng cam lồ.

Giảng giải:

Cũng như bình đựng trong sạch, trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và các chất tro, chất thơm rửa sạch bình. “Bình đựng trong sạch” có nghĩa vật thể có căn bản trong sạch, tượng trưng tính của Như Lai Tạng, vốn có trong tất cả chúng ta, không bao giờ diệt mất. “Mật độc” tượng trưng cho vô minh và phiền muộn của con người. “Nước nóng” biểu hiện Phật pháp sẽ làm trong sạch chúng ta. “Rửa sạch” là quay trở lại tự tánh của Như Lai Tạng. **Sau đó mới đựng cam lồ.** Có thể là trí tuệ chân thật của chúng ta, nó giúp chúng ta hướng đến đạo giác ngộ - nó còn tượng trưng “nước cam lồ”.

Kinh văn:

Thế nào gọi là ba loại tiệm thứ? Một là tu tập, trừ các trợ nhân. Hai là chân tu, gột sạch chính tính. Ba là tăng tiến, trái lại hiện nghiệp.

Giảng giải:

Thế nào gọi là ba loại tiệm thứ? Một là tu tập, trừ các trợ nhân, đây là các nguyên nhân tạo tác nghiệp. **Hai là chân tu, gột sạch chính tính,** tức dọn sạch những nghiệp chướng như tham, sân, si... **Ba là tăng tiến, trái lại hiện nghiệp.** Tiến trình tu tập của con người là không còn tạo thêm nghiệp mới trong cuộc sống hiện tại.

Kinh văn:

Thế nào là trợ nhân? A Nan, đây là mười hai loại chúng sinh trong thế giới không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà an trụ; nghĩa là nương theo đoạn thực, xác thực, tư thực và thức thực. Vậy nên Phật bảo tất cả chúng sinh đều nương vào cái ăn mà an trụ.

Giảng giải:

Thế nào là trợ nhân? Có những trợ nhân tạo nghiệp lành, có trợ nhân tạo nghiệp ác. Ở đây, Đức Phật nói đến các nhân dẫn đến nghiệp xấu. **A Nan, đây là mười hai loại chúng sinh trong thế giới, như đã nói qua, không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà an trụ.** Mọi người đều phải ăn để sinh tồn, **nghĩa là nương theo đoạn thực**, chia cắt thành từng miếng, từng phần để ăn. Đây là cách ăn của chư Thiên lục dục, của A tu la, con người và súc sinh. **Xúc thực** - Quỳ và thần ăn theo cách đung chạm thức ăn, vài loại ở cõi Trời cũng dùng theo lối này. **Tư thực** – cách dùng tư duy thiền định để ẩm thực, đây là cách chư Thiên sắc giới. **Và thức thực** – lấy thức làm thức ăn, đây là cách chúng vô sắc và chư Thiên phi tướng phi phi tướng. **Vậy nên Phật bảo tất cả chúng sinh đều nương vào cái ăn mà an trụ.** Sau khi Phật thành đạo, muốn phá lối nhịn ăn tu khổ hạnh, Ngài nói pháp: *“Tất cả các chúng sinh phải nương theo cách dụng thực mà an trụ, đây là chính giác chính ngữ”*. Các Tiên ngoại đạo cười, bảo: *“Đứa bé và cả người ngu đều biết, sao lại nói là chính giác chính ngữ?”*. Phật hỏi lại: *“Các ông biết dụng thực có bao nhiêu loại không?”*. Các ngoại đạo lặng im không đáp, nhân đó Phật nói về bốn cách dụng thực an trụ.

Kinh văn:

A Nan, tất cả chúng sinh, dùng thức ăn lành thì sống, ăn thức ăn độc thì chết. Vậy các chúng sinh cầu Tam ma đề, nên dứt bỏ năm loại rau cay trong thế gian.

Giải thích:

Bài văn này luận về giai đoạn thứ nhất, loại trừ đi trợ nhân – tức cái nhân giúp đỡ. Năm món cay nồng làm tăng thêm nghiệp xấu, vậy nên bước đầu phải loại bỏ điều này. **A Nan, tất cả chúng sinh, dùng thức ăn lành thì sống, ăn thức ăn độc thì chết.** “Tất cả chúng sinh”, bao hàm mười hai chủng loại. “Thức ăn lành” – nguyên văn “cam lồ”, chỉ thực phẩm, thức ăn không độc hại, có nhiều dinh dưỡng. “Thức độc” ở đây không phải là độc dược làm chết người, mà là chỉ năm loại rau cay, loại thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, làm giảm đi tuổi thọ, chứ không phai ăn vào là chết ngay. **Vậy các chúng sinh cầu Tam ma đề, nên dứt bỏ năm loại rau cay trong thế gian.** Giai đoạn đầu tiên là dứt trừ trợ nhân. Không dùng năm loại cay nồng: tỏi, hành, hẹ, kiệu, nén (Hưng cừ).

Kinh văn:

Năm loại rau cay này, ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì tăng thêm lòng giận.

Giảng giải:

Năm loại rau cay này, ăn chín thì phát lòng dâm. Ăn thịt cũng bị tác động như vậy. Đây là lý do tại sao người tu hành không nên ăn thịt. Năm món cay kích thích làm khởi lòng ham muốn, đặc biệt ở đây là chỉ sự ham muốn dâm dục, khoái lạc. **Ăn sống thì tăng thêm lòng giận.** Cách ăn như thế làm cho con người ngốc nghếch hơn. Lý trí và tính cách bị mất đi. Một khi không còn sáng suốt thì không sao phân biệt được phải trái. Các sự việc bất ngờ xảy ra, họ không nhận rõ sự thực. Các vấn đề trở thành chướng ngại, không giải quyết được, và cách duy nhất là tức giận. Ăn thịt cũng bị tác động, dễ sinh lòng giận giữ. Dùng càng nhiều năm loại rau cay, tính khí nóng giận càng tăng trưởng mạnh.

Kinh văn:

Như vậy trong thế giới, những người ăn rau cay đó, dù giảng nói được mười hai bộ kinh. Thiên tiên mười phương hiềm vì nó hôi nhớp nên đều tránh xa. Các loài ngả quỷ nhân lúc người kia ăn rau cay xong, bèn liếm môi mép người đó. Người ấy thường ở với quỷ một chỗ, phúc đức ngày càng giảm, hăng không được lợi ích.

Giảng giải:

Như vậy trong thế giới, những người ăn rau cay đó, dù giảng nói được mười hai bộ kinh. Thiên tiên mười phương hiềm vì nó hôi nhớp nên đều tránh xa. Đây là nói về những người ăn rau cay, hoặc uống rượu, ăn thịt. Nói khác đi, chư Thiên Thánh sẽ không hộ vệ người ăn uống như vậy. Thân thể họ sẽ bốc mùi các thức ăn thịt bò, hành, tỏi; nách tiết ra mùi hôi khiến không ai dám đến gần họ.

Có một số người giảng nói được mười hai bộ kinh như một bậc Đại trí tuệ, nhưng nếu họ dùng thức ăn không trong sạch thì lắng nghe họ chỉ có bọn quỷ, còn thần thánh thì không nghe. Quỷ đói và rất nhiều loại sinh vật cũng không dùng các thức ăn như thế. **Các loài ngả quỷ nhân lúc người kia ăn rau cay xong** – tức năm loại rau cay, **bèn liếm môi mép người đó.** Sau khi người đó ăn xong các thức ăn nặng mùi, mùi vị tăng nồng ấy kích thích các quỷ tiến tới, bọn chúng sẽ ngửi và thưởng thức năm vị nồng của rau. Quỷ ăn bằng cách xúc chạm, như chúng ta đã học qua, chúng sẽ chụm lại quanh người dùng thức ăn bất tịnh và dùng tay sờ soạng vào người ấy.

Quý vị không nhìn thấy, nhưng thực sự là chúng hành động như vậy. **Người ấy thường ở với quý một chỗ, phúc đức ngày càng giảm, hằng không được lợi ích.** Rất rõ ràng và đơn giản, đoạn này ác định người ăn năm loại rau cay cuối cùng cũng hợp chung với quý. Quý thường xuyên bám theo, mặc dù mọi người không để ý tới sự thực ấy. Phúc và đức cũng vì vậy mà giảm đi nhiều.

Kinh văn:

Người ăn rau cay đó tu pháp Tam ma đề, Bồ tát, Thiên tiên, mười phương Thiện thần, chẳng đến giữ gìn, ủng hộ. Đại lực Ma Vương được phương tiện đó, hiện làm thân Phật, đến thuyết pháp cho người ấy, chê phá giới cấm, ngợi khen dâm dục, nóng giận, si mê.

Giải thích:

Người ăn rau cay đó tu pháp Tam ma đề, Bồ tát, Thiên tiên, mười phương Thiện thần, chẳng đến giữ gìn, ủng hộ. Đoạn này ám chỉ người nào? Đây là những người dùng năm loại rau cay – người đó có thể là quý vị là tôi. Tại sao Hộ pháp và Thiện thần lại không bảo vệ những người như thế? Đây là vì họ nặng mùi, có mùi hôi nồng khó chịu. Các Hộ pháp ưa thích trong sạch, họ tránh xú uế nên không đến hộ vệ những người như thế. Tuy nhiên, căn bản các thần Hộ pháp là chú ý sự tu tập, nơi các vị ấy trú ngụ thì không có ma quỷ, nơi không có Hộ pháp thì ma quỷ được nhiều thuận lợi. Hộ pháp và Thiện thần đích thực là những người bảo vệ và gia hộ người tu hành, nhưng trong trường hợp này họ không đến giúp. **Đại lực Ma Vương được phương tiện đó, hiện làm thân Phật, đến thuyết pháp cho người ấy.** Khi thấy không có Hộ pháp, Đại lực Ma Vương sẽ hiện đến nhóm họp cùng người ấy. Đại lực của Ma Vương như thế nào? Đó là họ có thể hiện ra thân Phật! Tôi có lời khuyên, nếu sau này quý vị đạt được Phật nhãn, quý vị sẽ thấy Phật, hoặc Bồ tát, hoặc Thiện thần hiện đến. Nếu các vị đó là thật, thì ánh sáng của họ rất đổi thanh tịnh và mát lạnh, khi ánh sáng ấy chạm vào người, quý vị sẽ cảm thấy rất đổi thư thái, dễ chịu mà không sao biết được – Đây là bậc Thánh chân thật. Còn như với Quý, chúng chỉ tỏa ra sức nóng. Tuy nhiên, phải cần có trí tuệ mới phân biệt được sự khác biệt ấy. Dĩ nhiên, sức nóng ấy không phải nóng như lửa, mà đấy là hơi nóng của ánh sáng Quý, trong khi ánh sáng Phật không như vậy.

Một cách phân biệt nữa là lời pháp của Phật và Quý. Đại lực Ma Vương sẽ hiện đến **chê phá giới cấm, ngợi khen dâm dục, nóng giận, si mê.** Chúng sẽ nói: “*Dừng giữ giới, đó chỉ là hạnh của Tiểu thừa. Những giới*

cấm của Đại thừa như sát sinh, trộm cắp, tà dâm chẳng là gì cả. Nếu các người sát sinh cũng chẳng phá giới gì, cả trộm cắp, tà dâm cũng vậy. Đừng vướng mắc vào điều nhỏ nhặt ấy. Đừng phân biệt chi tốt xấu. Phá giới không hại gì”.

Khi chưa thọ giới, quý vị có làm điều gì cũng không kê là phạm giới. Nhưng một khi đã thọ giới, chẳng hạn, giới cấm sát sinh, nếu chúng ta có hành động sát sinh, tất nhiên là phạm giới rồi. Tại sao? Vì quý vị biết rõ hành động đó là sai lầm nhưng vẫn phạm phải. Nếu biết giới cấm trộm cắp, nhưng lại đi trộm cắp – vậy là phá giới. Quý vị có tà dâm trước khi thọ giới, cũng không xem là phá giới – đây là hành động thái quá. Nhưng khi quý vị hướng đời mình vào đường tu thì hành động đó là phạm giới. Hành động nói dối cũng vậy. Nhìn chung, tất cả những gì nếu quý vị biết, thì đó là biết, và nếu không biết, thì đó là không biết. Quý vị không thể nói không biết khi mình biết, hoặc nói biết điều mình không biết. Quý vị không thể nói quanh co này nọ. Cái tâm thẳng thắn chính là đạo tràng vậy.

Có vài người sẽ nghĩ: Vàng, vậy nếu tôi không làm gì sai trái thì tôi không phạm giới, đúng chứ? Nhưng giờ đây, quý vị đã biết đó là điều nên làm, nếu như không thọ giới thì việc tu học của quý vị sẽ không thể tăng tiến được, cho dù có học Phật đạo cả đời cũng vậy. Do đó, biết thọ giới là điều tốt, chúng ta nên thọ giới và giữ giới thật cẩn thận.

Đối với Ma vương, bọn chúng chỉ ra sức vu khống và phá hoại giới cấm, ngăn trở quý vị thọ giới. Chúng tán dương sự dâm dục. “Đó là đại sự”, chúng nói: “*Càng dâm, các người sẽ có được phẩm tính cao quý của hàng Bồ tát. Chẳng hạn như Ucchushma (Ô xu la ma), mỗi ngày phải có từ hai trăm đến ba trăm phụ nữ, nhưng sau đó tu tập cũng trở thành Hỏa đầu Kim Cang. Vậy là thế nào?*”. Thực ra, ngay khi Ma vương lên tiếng khen ngợi sự dâm thì quý vị biết đó không phải là Phật chân chính rồi. Sự giả dối, lừa phỉnh, có nghĩa là si và hành động điên đảo. Phần trước chúng ta đã bàn qua.

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si nên hòa hợp với ngoan, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng khô cảo.

Và các chủng vô tướng ấy hóa làm đất, cây, vàng, đá. Dĩ nhiên, không phải chủng vô tướng nào cũng hóa ra như vậy – điều đó chỉ thỉnh thoảng xảy ra trong thời kỳ, giai đoạn nào đó. Ở đây, Ma vương khen ngợi sự hư giả, dối trá, chúng cho rằng ngu si là điều tốt, có như vậy chúng mới dễ dàng sai khiến. Khi quý vị tin tưởng chúng tất sẽ trở thành quyền thuộc của bọn ma quỷ ấy.

Gần đây, ở Ấn Độ xuất hiện cuốn sách đề cao pháp tu mật trong quan hệ nam nữ. Đây là sách của quỷ viết ra. Bọn chúng tán dương sự hành dâm và không muốn con người từ bỏ điều ấy. Chúng bảo hành dâm sẽ được thành Phật. Thế nhưng Phật là thanh tịnh, là trong sạch, không tạp nhiễm những hỗn loạn, như bọn. Trong ngôn ngữ Trung Quốc, chữ “**Hôn**” (trong kết hôn, hôn nhân) gồm chữ nữ (女) ghép với chữ hôn (昏) (có nghĩa là hỗn loạn, hôn ám). Như vậy, từ kết hôn cũng đã hàm ý sự đánh mất trí tuệ. Đời sống con người như tiêu phí trong đêm, trong bóng tối và bất tịnh. Điều đó cũng như ngủ ngày, khi ngủ thì hầu như quên hết mọi sự. Đây là si, là mê, và từ kết hôn trong tiếng Trung có ý nghĩa biểu tượng như vậy.

Tuy nhiên, khi tôi nói về hôn nhân, không phải mọi trường hợp đều như vậy. Quý vị phải nhìn vấn đề linh động hơn, không thể cứ chết cứng theo quan điểm của mình. Mặc dù tôi nói hôn nhân là sự phức tạp, rối rắm, thì quý vị phải cố gắng hiểu rõ sự phiền tạp ấy. Quý vị có thể dấn vào mọi sự phiền tạp, nhưng đừng để bị quay cuồng trong mớ hỗn độn ấy. Đức Thích Ca Mâu Ni kết hôn, nhưng Ngài vẫn sáng suốt hơn người.

Khi quý vị nghe nói người ăn năm loại rau cay sẽ có quỷ đến hôn lên môi miệng người đó, quý vị có cảnh giác? Nếu không sợ hãi, các vị sẽ thấy điều đó chẳng là gì cả. Còn như xem đây là lời nhắc nhở cảnh tỉnh, hãy đừng ăn năm loại rau ấy. Nếu không dùng, Thiện thần sẽ gia hộ quý vị, còn bọn quỷ thần thì lánh xa. Nếu quý vị kết hôn và luôn cảnh giác, luôn thức tỉnh, quý vị sẽ không sa vào những mê mồi hỗn loạn và phức tạp. Quý vị cũng đừng hiểu lầm rằng tôi, phản đối sự kết hôn của mọi người – không phải vậy. Ở đây, tôi chỉ nói qua vài điểm cơ bản trong vấn đề hôn nhân thôi.

Kinh văn:

Đến khi mệnh chung, tự người ấy làm quyền thuộc của Ma vương, khi hưởng thụ phúc Ma đã hết, thì đọa địa ngục vô gián.

Giải thích:

Đến khi mệnh chung, tự người ấy làm quyền thuộc của Ma vương. Đây là nói đến người ăn năm loại rau cay. Bởi vì ăn như thế, các Thiện thần, Bồ tát sẽ không ủng hộ họ. Do đó, các Ma vương có đại lực sẽ tiến đến bên họ. Ma vương biến làm thân Phật và nói pháp của quỷ, ngợi khen dâm dục, tức giận và ngu si. Sự hỗn loạn của quỷ làm con người đánh mất đi trí tuệ chân chính, thay vào đó là tà kiến, tà đạo. Ma vương bảo dâm là điều tốt, hãy tin như vậy: “*Phật đã nói với tôi như thế! Ngài bảo chẳng hề*

gì đâu!”. Cái đó gọi là cướp con của người khác. Đây là nhận Ma vương ra Đức Phật. Vậy nên: “*Khi mệnh chung, họ sẽ trở thành quyến thuộc của Ma vương*”. Khi phúc báo thế gian đã hết, họ chết đi và ngoan ngoãn theo bọn ma. **Khi hưởng thụ phúc Ma đã hết, thì đọa địa ngục vô gián.** Quý ma cũng có cái phúc riêng của chúng.

Có người tu niệm danh hiệu Phật A Di Đà, nhưng người này đặc biệt rất ham thích vàng bạc. Anh ta tụng danh hiệu Phật chỉ vì nghe nơi Tịnh độ, đất toàn bằng vàng, y hình dung khi được ở nơi đó, mình sẽ có vô số vàng. Ngày nọ, anh ta thấy Phật A Di Đà đến, bảo: “*Hôm nay người vãng sinh Cực lạc, hãy lấy vàng, bạc của người đi*”. Anh ta bèn đến tòa sen của Di Đà gom lấy bốn trăm đến năm trăm thỏi vàng, nhưng vừa mang đến tòa sen của mình thì tất cả đều biến mất – “Ồ!”. Người đó nghĩ: “*Thì ra Phật Di Đà cũng ham tiền. Ông ấy lấy hết vàng của mình rồi!*”.

Trong khi đó, những người đến nhà người ấy viếng tang, có một con lừa mới sinh ra đã chết. Mọi người thấy bụng con lừa căng cứng và nặng, khi mổ ra xem thì lạ chưa! Vàng, bạc từ bụng con người đổ ra. Đến lúc ấy mới biết rõ người tu kia lòng tham nặng thế nào, và anh ta cũng đã quyết không rời đức Di Đà, khi chết đi, anh ta biến thành con lừa nhỏ. Hẳn nhiên, anh ta biết hình ảnh Di Đà hiện đến kia không phải là thật.

Nhiều chuyện lạ như thế, vậy Phật Di Đà có thật không? Hẳn nhiên là có thật rồi. Nhưng vì tri kiến con người lệch lạc nên không phân biệt được đâu là thực, đâu là giả. Trong trường hợp đó chúng ta phải làm thế nào? Phải hết sức cẩn thận đừng tham lam. Bất cứ ai có tư tưởng vãng sinh Cực lạc để có được vàng sẽ chẳng được gì hết. Mặc dù đất Tịnh độ toàn vàng ròng, quý vị cũng chẳng sở hữu cho riêng mình được tí gì. Tu hành là buông bỏ mọi ý tưởng sở hữu.

Đoạn Kinh văn này nói về người ăn năm loại rau cay, tri kiến lệch lạc, sa vào tà kiến, đầu tiên họ trở thành quyến thuộc của Ma vương, sau đó thì đi vào địa ngục. Đoạn lại đi đâu nữa? Không ai biết được.

Kinh văn:

A Nan, người tu đạo Bồ đề phải đoạn hẳn năm loại rau cay, đây gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Giải thích:

A Nan, ông nghe đấy chứ? Người tu đạo Bồ đề bất cứ người nào theo đạo Bồ đề - **phải đoạn hẳn năm loại rau cay**. Quý vị phải quyết định dứt khoát không dùng tỏi, hành, họ, kiệu, nén. Nếu cứ ăn các thứ ấy, cuối cùng quý vị cũng sẽ họp cùng Ma vương, còn tránh đi, tất sẽ thành tùy tùng của Phật. **Đấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất**. Bước tiến thứ nhất là thu hành đạo pháp. Trong tu tập, phải dứt bỏ mọi căn nhân sinh ra nghiệp ác. Năm loại rau cay là trợ lực của các Ma vương. Quý vị đừng coi thường, ngũ tân sẽ khiến quý vị mê mờ và hỗn loạn, nó làm chúng ta thành bất tịnh, sự bất tịnh đó càng làm Ma vương thêm thích thú.

Kinh văn:

Thế nào là chánh tính? A Nan, chúng sinh như vậy vào Tam ma địa, chủ yếu trước hết là nghiêm chỉnh giữ giới thanh tịnh.

Giảng giải:

Giai đoạn tiệm thứ đầu tiên là trừ dứt trợ nhân, chẳng hạn như thích ăn thịt. Giai đoạn thứ hai liên hệ tính chất của nghiệp chướng. **Thế nào là chánh tính? A Nan, chúng sinh như vậy vào Tam ma địa, chủ yếu trước hết là nghiêm chỉnh giữ giới thanh tịnh.** “Tính chất của nghiệp chướng” tức là tác động trì giới. “Chủ yếu” là chỉ sự xác định từ chính mình, và thọ giới là điều cần thiết để tu hành.

Bất cứ điều gì quý vị đã làm trước khi thọ giới đều không kể là phạm giới, vì quý vị không biết. Không biết thì không phải là phạm giới. Nhưng một khi mình đã thọ giới rồi thì dứt khoát không bao giờ sai phạm. Trước khi nghe về giới cấm, quý vị có thể thích thú hành động những gì mình ưa thích – cho dù không đúng luật, nhưng khi đã học tập và thọ giới thì chúng ta không nên phạm phải những sai lầm như trước đó.

Kinh văn:

Đoạn hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn thức ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. A Nan, người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sinh mà ra khỏi được mà cõi thì không thể nào có lẽ như vậy.

Giảng giải:

Đoạn hẳn lòng dâm. “Dâm” là yêu thích và ham muốn, nó xuất phát từ vô minh. Lòng yêu thương không bắt nguồn từ vô minh là loại tình cảm

như của người chồng, người vợ, hoặc trẻ con – đây là tình cảm xuất phát từ lòng mong muốn người khác được vui vẻ, hoàn toàn không có tính ích kỷ.

Họ phải **chăng dùng rượu thịt**. Họ chỉ dùng các thức chay trong sạch. Cái hại của rượu, thịt là gì? Rượu và các chất cồn thường làm tâm tính hỗn loạn. Khi dùng chất cồn, quý vị sẽ không tập trung tinh thần được, nhất là khi chúng ta ưa thích thức uống này. Trước đây, tôi có kể qua câu chuyện một người dùng chất say mà phạm các giới. Một người nếu không uống rượu, tâm trí anh ta sẽ không hỗn loạn, không có những hành động điên đảo. Một lý do khác nữa là mùi rượu, cồn, có tính hấp dẫn người, quý, nhưng các Bồ tát, Thiên thần đều lánh xa. Họ không thích mùi hăng nồng như thế. Bồ tát và các A-la-hán xem mùi rượu cũng như chúng ta đối với mùi nước tiểu vậy. Đối với họ đó là mùi hôi hám rất khó chịu. Con người không thích gần gũi nhà vệ sinh, hầm phân, cống, rãnh, thế nhưng họ lại dành nhiều thời gian thưởng thức các món ăn rất hôi hám, khó chịu. Hơn nữa, rượu và thịt rất kích dục. Người tu hành chắc chắn sẽ lánh xa các thức ăn uống ấy.

Họ **chỉ ăn thức ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống**. Các thức ăn phải được nấu chín, ngay cả rau cải cũng phải vậy, vì ăn rau sống dễ sinh lòng nóng giận. **A Nan, người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sinh mà ra khỏi được mà cõi thì không thể nào có lẽ như vậy.** “Dâm dục” ở đây là tà dâm, là tư tưởng bất chính đối với người học Phật.

Kinh văn:

Nếu xem sự dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù. Trước hết phải giữ Tứ khí, bát khí của giới luật Thanh Văn, nắm giữ thân không để lay động; sau đó hành trì luật nghi thanh tịnh Bồ tát, nắm giữ tâm không vọng khởi.

Giải thích:

Nếu xem sự dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù. Hết sức chú ý điều này: Sự dâm dục như loài rắn độc. Nếu để nó cắn tất sẽ mất mạng. Hãy xem dâm dục là điều rất nguy hại, không thể coi thường được. Ngay cả ý nghĩ về dâm cũng không được động khởi. Tại sao? Bởi vì trí tưởng tượng có sức mạnh như hổ, sói vậy. Đừng thân cận với loài thú ấy, nếu không muốn mất mạng. Hoặc hãy xem những ý nghĩ ấy như giặc loạn, như tên trộm nguy hại đến tính mạng.

Trước hết phải giữ Tứ khí, bát khí của giới luật Thanh Văn, nắm giữ thân không để lay động. Quý vị phải giữ giới Thanh Văn, tránh sát

sinh, trộm cướp, tả dâm, nói dối. Cả Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni cũng vậy. Nhưng ở Tỳ kheo Ni còn thêm bốn giới: Xúc, nhập, phú, tùy; để **nắm giữ thân không lay động**. Giữ nghiêm các giới như vậy để tránh tạo thêm nghiệp. Sau đó hành trì luật nghi thanh tịnh Bồ tát, **nắm giữ tâm không vọng khởi**. Kế đến quý vị tu học giới luật Bồ tát, thọ trì mười trọng giới và bốn mươi tám khinh giới, giữ giới cho được thanh tịnh để tâm không khởi vọng tưởng – đây là đạo pháp quý vị phải tu tập thành tựu.

Kinh văn:

Cấm giới đã thành tựu, thì ở trong thế gian hẳn không còn những nghiệp sinh nhau, giết nhau. Đã không làm việc trộm cướp thì không còn phải nợ nhau, và cũng không phải trả nợ kiếp trước trong thế gian.

Giải thích:

Cấm giới đã thành tựu. “Cấm” bao hàm sự giữ gìn, bảo vệ. “Giới” là ngăn chặn những sự sai trái. Giới chia làm bốn phương diện:

1. Chấp trì
2. Gìn giữ
3. Buông bỏ
4. Vi phạm.

Có khi phải buông xả để tránh không bị phạm giới, cho dù không muốn cũng không được. “Giữ gìn” bao hàm sự ngăn cấm. Người được tôn trọng là vì họ giữ gìn giới hành, chẳng hạn như không dùng chất say để tránh phạm giới. “Chấp trì” là nghiêm giữ giới đã chấp thọ. “Vi phạm” là phá giới.

Có câu chuyện liên quan về giới như sau:

Khi Đức Thích Ca Mâu Ni còn tại thế gian, có hai vị Tỳ kheo tu hành trong núi. Ngày nọ một trong hai Tỳ kheo đi xuống núi vào làng khát thực, còn vị Tỳ kheo kia đi nơi khác để ngủ. Thời bấy giờ tại Ấn Độ, các Tỳ kheo rất đơn giản, họ chỉ khoác áo vào mình tấm choàng, không mặc y phục bên trong. Vị Tỳ kheo này tháo tấm choàng ra và ngủ trong tư thế trần truồng. Có thể ông ta lười, hoặc nghĩ chốn núi rừng sẽ không ai nhìn thấy, bèn quyết định chợp mắt một lúc.

Vừa lúc, một người đàn bà đi ngang qua thấy ông Tăng đang ngủ, bà ta vội đánh thức và nhắc nhở ông Tăng, đoạn vội vã bỏ chạy. Vì Tỳ kheo

vào làng đi trở về, thấy người đàn bà đang chạy nhanh, ông tìm cách hỏi thăm và biết người đàn bà ấy đã giúp ông Tăng đang ngủ; ông bèn quyết định đuổi theo để đưa bà ta đến trước Phật trình bày rõ sự việc. Khi ông theo sau, người đàn bà kia vội vã đã vấp phải mồm đá, ngã xuống núi chết.

Như vậy, một người phạm phải giới dâm, còn người kia phạm tội sát sinh. Mặc dù ông Tăng không xô đẩy người kia, nhưng nếu ông ta không đuổi theo thì bà ấy đâu có ngã chết như thế.

Hai vị Tỳ kheo trở về với Phật, thưa chuyện phạm giới của mình. Phật bảo họ đến Đại đức Upali. Đại đức nghe họ thuật xong, Ngài phán một người phạm giới dâm, người kia phạm giới sát sinh, sự phạm giới ấy không thể khoan thứ được. Ngài bảo: *“Sau này cả hai sẽ phải xuống địa ngục đấy”*.

Nghe qua, hai ông Tăng khóc nức nở, và họ đi khắp nơi để tìm người cứu giúp. Cả hai tìm gặp cư sĩ Duy Ma Cật (Vimalakirti), cư sĩ hỏi tại sao khóc. Khi nghe hai người thuật lại mọi chuyện, cư sĩ tuyên bố họ không phạm giới. *“Nếu các ông sám hối”*, cư sĩ nói: *“Tôi xác định là các ông không phạm giới”*.

- Tại sao lại thế? Hai Tỳ kheo hỏi.
- Tánh của tội vốn không. Cư sĩ nói – Ông không có ý phá giới, vậy không phải là phạm giới. Đây là sự loại trừ đặc biệt.

Nghe lời giải thích, cả hai tức thì tỏ ngộ và chứng ngay quả vị. Sau đó họ cùng trở thành A-la-hán. Có nhiều cách giải thích về giới luật. Nhưng nếu như người tu chỉ chăm chú vào trường hợp loại trừ thì họ sẽ không nhiệt tình giữ giới, và như thế thì vấn đề xem như đã xác định. Chính vì vậy nên Đức Phật không nói nhiều về điều này.

Khi có người giữ giới thì ở trong thế gian hẳn không còn những **nghiệp sinh nhau, giết nhau**. Một người được sinh ra và bị giết chết, người đó lại tái sinh để giết lại người đã sát hại mình. Nhưng nay thì cái nghiệp sinh, sát luân lưu đã dừng lại. **Đã không làm việc trộm cướp thì không còn phải nợ nhau, và cũng không phải trả nợ kiếp trước trong thế gian**. Việc trộm cắp không còn khi chẳng còn ai lấy trộm. *“Tôi không lấy gì của ông, ông cũng chẳng lấy gì của tôi. Tôi không ăn thịt ông, ông chẳng ăn thịt tôi. Tôi không nợ ông, ông chẳng nợ tôi. Như vậy, mọi người chúng ta sẽ chẳng phải trả lại nhau điều gì”*. Quý vị không còn ăn thịt, tức sẽ không phải trả nợ trong quá khứ mà quý vị từng cắt đứt các quan hệ thân thuộc với loài thú. Nếu không ăn thịt chúng thì cũng chẳng có liên hệ gì.

Kinh văn:

Người thanh tịnh ấy, tu pháp Tam ma địa, chính nơi nhục thân cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, thấy Phật nghe pháp, tự mình vâng lĩnh thánh chỉ, được pháp đại thần thông, đi khắp mười phương thế giới, túc mạng được thanh tịnh, không còn những điều khó khăn nguy hiểm.

Giảng giải:

Người thanh tịnh ấy, người không dùng năm loại rau cay, không uống rượu, ăn thịt, và kiên quyết giữ nghiêm bốn hoặc tám giới Ba la di (Parajikas). Nếu như người đó **tu pháp Tam ma địa, chính nơi nhục thân cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới**. Họ không cần phải có năng lực của Thiên nhãn để quán sát quanh người, họ vẫn **thấy Phật nghe pháp, tự mình vâng lĩnh thánh chỉ**, được thân cận Phật và nghe pháp, được Phật chỉ giáo. **Được pháp đại thần thông, đi khắp mười phương thế giới, túc mạng được thanh tịnh, không còn những điều khó khăn nguy hiểm**. Thần lực của họ có khả năng đi xuyên suốt mười phương. Họ biết được các đời sống trong quá khứ, từ nhục thân mà thành tựu được nhiều điều. Dù không có thiên nhãn nhưng chẳng khác gì đã có, cả thiên nhãn cũng vậy. Những người tu ấy không còn gặp phải trở ngại hoặc hung hiểm nào.

Kinh văn:

Đấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

Giảng giải:

Điều quan trọng và cần thiết chúng ta bàn đến là dừng dứt nghiệp. Chúng ta phải thay đổi nghiệp. Trước nay chúng ta phạm nhiều sai lầm, nay phải tích cực hành động để sửa đổi. Phải giữ gìn giới luật. Chính sự giữ gìn **đấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai**.

Kinh văn:

Thế nào là hiện nghiệp? A Nan, người giữ gìn giới cấm thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, không rong ruổi theo sáu trần ở ngoài.

Giảng giải:

Đầu tiên chúng ta nói về trợ nhân tạo nghiệp, kể đến nói về sự thay đổi nghiệp thức, trong phần này sẽ trở lại hiện nghiệp **Thế nào là hiện nghiệp?** Đây là nghiệp tạo ngay trong đời sống này. Chúng ta phải ngăn chặn lại điều ấy, không tạo thêm nghiệp mới. **A Nan, người giữ gìn giới cấm thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm.** Giai đoạn này, mọi người chúng ta phải trong sạch, giữ gìn giới hạnh, không tham lam và say mê tham dục, **không rong ruổi theo sáu trần ở ngoài.** Không còn đuổi theo sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Mọi người phải trở lại nhà với ánh sáng của chính mình.

Kinh văn:

Nhân chẳng giống ruồi, tự quay về tính bản nguyên, trần đã không duyên, thì căn không ngẫu hợp với đầu nữa, trở ngược về chỗ toàn nhất, sáu cái dụng chẳng còn hiện hành.

Giảng giải:

Nhân chẳng giống ruồi, tự quay về tính bản nguyên. Không còn giống ruồi theo sáu cảnh (lục trần) mà quay trở về với tự tính. Quay trở lại tự tính và ánh sáng nội tại, trở về với nhĩ căn để lắng nghe tự tính. Đây là sự dần nhập trọn vẹn vào nhĩ căn. **Trần đã không duyên, thì căn không ngẫu hợp với đầu nữa,** chấm dứt mọi liên hệ với cảnh trần và căn cũng không còn đeo đuổi, ngẫu hợp với điều gì, mà **trở ngược về** tu tập với nhĩ căn, và đây là **chỗ toàn nhất,** cả sáu quan năng cùng thâm nhập và cùng có tác dụng, **sáu cái dụng chẳng còn hiện hành.** Cả sáu quan năng không còn hiện hành để giống ruồi theo sáu trần bên ngoài.

Kinh văn:

Cõi nước mười phương, sáng trong thanh tịnh, ví như ngọc lưu ly, có mặt trăng sáng treo trong ấy.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ **cõi nước mười phương, sáng trong thanh tịnh, ví như ngọc lưu ly, có mặt trăng sáng treo trong ấy.** Nói khác đi tất cả đều trong sáng thanh tịnh và nhìn thấy được.

Kinh văn:

Thân tâm khoan khoái, tịnh diệu viên bình đẳng, được đại an ổn.

Giảng giải:

Khi ánh trăng tròn sáng như ngọc lưu ly thì nó hoàn toàn sáng rõ và trong suốt, mọi người đều thấy được. Đoạn này diễn tả người tu đã đạt đến giai đoạn cả thân và tâm đều thanh tịnh. Vậy nên **thân tâm khoan khoái, tịnh diệu viên bình đẳng, được đại an ổn**. Đây là cảm giác an lạc tự tại, và hiển nhiên là như thế.

Kinh văn:

Tất cả mật viên tịnh diệu các Đức Như Lai đều hiện trong đó.

Giảng giải:

Tất cả mật viên tịnh diệu các Đức Như Lai. Tức pháp tánh thanh tịnh của Phật, tất cả **đều hiện trong đó**. Mọi người tu hành đúng pháp đều cảm nhận được trạng thái đó.

Kinh văn:

Người ấy liền được vô sinh pháp nhẫn. Từ đó lần lượt tu tập, tùy cái hạnh phát ra mà an lập thánh vị.

Giảng giải:

Người ấy liền được vô sinh pháp nhẫn. Thế nào là vô sinh pháp nhẫn? Chúng ta không thể thấy pháp nhỏ nhiệm nào hiện khởi, cũng chẳng thể biết pháp nào biến mất. Pháp vốn không sinh cũng không diệt, nhưng thật không dễ gì chúng đạt được điều ấy. **Từ đó lần lượt tu tập, tùy cái hạnh phát ra mà an lập thánh vị**. Khi chúng được vô sinh pháp nhẫn, người tu hành tiếp tục hướng đến các thánh vị, không gì có thể ngăn trở được.

Kinh văn:

Đấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

Giảng giải:

Đấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba. Đó là cách ngăn chặn sự hiện hữu của nghiệp.

---o0o---

CÁC ĐỊA VỊ CỦA BỒ TÁT

Kinh văn:

A Nan, thiện nam tử ấy, lòng dục ái khô cạn, căn và cảnh không còn ngẫu hợp, thân tàn hiện tiền, không còn sinh trở lại nữa.

Giảng giải:

Đức Thích Ca Mâu Ni gọi bảo: **A Nan, thiện nam tử ấy, lòng dục ái khô cạn.** Đây là những người đã trải qua ba giai đoạn tiệt thứ tu tập như đã luận. “Khô cạn”, chỉ những người không còn ý nghĩ về yêu đương, tình dục, **căn và cảnh không còn ngẫu hợp.** Sáu căn không còn giống ruồi theo sáu trần, **thân tàn hiện tiền, không còn sinh trở lại nữa.** “Thân tàn” là một chút vô minh còn lại trong người tu, chút vô minh ấy sẽ không tiếp tục sinh khởi nữa.

Kinh văn:

Nắm cái tâm rộng sáng, thuần là trí tuệ, tính trí tuệ sáng suốt cùng khắp, soi thấu mười phương thế giới, chỉ có cái tuệ khô khan ấy nên gọi là Càn tuệ địa.

Giảng giải:

Một chút vô minh còn sót lại nhưng nó không sinh trưởng, nghiệp chướng còn rất ít do đó **nắm cái tâm rộng sáng, thuần là trí tuệ.** Tự tâm của nó hoàn toàn trống rỗng và trong sáng. Tự tính của họ thuần là trí tuệ, có nghĩa đã dứt mọi vọng tưởng. Mọi nghĩ tưởng trong tâm của họ chỉ là trí tuệ. **Tính trí tuệ sáng suốt cùng khắp, soi thấu mười phương thế giới.** Tính của trí tuệ sáng suốt và đầy đặn, **chỉ có cái tuệ khô khan ấy nên gọi là Càn tuệ địa.** Tình cảm yêu đương và dục vọng đã “khô khan”, tất cả chỉ còn là trí tuệ. Đây là giai đoạn của trí tuệ khô khan, hoặc còn gọi “khởi đầu tư tưởng kim cương”. Kim cương có nghĩa kiên cố, không thể hoại diệt. Đây là bước đầu để tiến sát đến hiện thể như kim cương.

Năm mươi lăm ngôi vị của hàng Bồ tát như sau:

1. Thập tín
2. Thập trụ
3. Thập hạnh
4. Thập hồi hướng
5. Tứ gia hạnh
 - a. Noãn
 - b. Đỉnh
 - c. Nhẫn
 - d. Thế đệ nhất
6. Thập địa
7. Đẳng giác
- 8.

---o0o---

THẬP TÍN

Kinh văn:

Tập khí như ngũ dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của Đức Như Lai.

Giải thích:

Tập khí như ngũ dục và dục ái mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của Đức Như Lai. Dòng nước pháp ở đây không phải là các pháp đã nói qua mà là dòng pháp xuất phát từ tự tính. Người tu tập đến giai đoạn này vẫn chưa thực sự dần nhập vào trí tuệ chân thật.

Kinh văn:

Tức lấy cái tâm ấy, ở chính giữa lần vào, tính viên diệu mở mang, từ chỗ chân diệu lại phát ra chân diệu. Tín diệu thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chân, gọi là Tín tâm trụ.

Giải thích:

Đầu tiên bàn về thập tín, gồm:

1. Tín tâm
2. Niệm tâm
3. Tinh tấn tâm
4. Tuệ tâm
5. Định tâm
6. Bất thối tâm
7. Hộ pháp tâm
8. Hồi hướng tâm
9. Giới tâm
10. Nguyện tâm

Tức lấy cái tâm ấy, ở chính giữa lần vào, tính viên diệu mở mang. “Tâm ấy” là tâm của càn tuệ. Trí tuệ khô héo, khởi đầu của tâm kim cang. Họ dùng tâm ấy để đi vào Phật pháp và tiến đến “tính viên diệu mở mang”, phong phú vô cùng. Đây là sự tiếp cận căn để và thực chất của chân như. **Từ chỗ chân diệu lại phá ra chân diệu.** Từ chân diệu của tự tính chân như lại phát ra trí tuệ chân diệu. **Tín diệu thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chân.** Niềm tin của họ càng thêm vi diệu. “Thường trụ” có nghĩa không lay động, tâm không thay đổi. Niềm tin tưởng của họ là thường hằng. Và, đến khi ấy thì mọi vọng tưởng không còn, thảy đều đã dứt trừ. Cho dù họ có muốn vọng tưởng thì những vọng tưởng cũng chẳng hiện khởi. Bởi vì vọng tưởng phải dựa vào vô minh, chẳng hạn như vọng tưởng về ái dục; nhưng hiện tại, ái dục đã khô cạn, chỉ còn sót lại một ít vô minh. Do đó, hẳn nhiên nó không có vọng tưởng.

Tại sao quý vị vẫn có vọng tưởng? Đây là vì quý vị vẫn còn ái dục. Điều đó xuất phát từ lòng tham. Tham muốn nghĩ tưởng thế này thế nọ, và cái tâm của chúng ta không ngừng dao động, hỗn loạn. Nếu một người không tham, họ sẽ không có vọng tưởng.

Người tu đến giai đoạn này, dứt tuyệt vọng tưởng, họ sẽ đạt được Trung đạo thuần chân. “Thuần chân” là không có ái dục, không có ý tham, gọi là **Tín tâm trụ**. Đây là ngôi vị đầu tiên trong Thập vị.

Kinh văn:

Chân tín sáng tỏ, tất cả đều viên thông, ba thứ ám, xứ, giới không thể làm ngăn ngại. Như thế, cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân đều hiện ra trước mặt, thiện nam tử ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất điều gì – gọi là Niệm tâm trụ.

Giảng giải:

Phần đầu nói về Tín tâm, tu hành theo Trung đạo – đây là sự diệu viên. Nay sẽ bàn về niềm Tín, khi **chân tín sáng tỏ**, khi có được lòng tín chân thật tất sẽ được trí tuệ chân thật. “Hiểu biết sáng tỏ”, đây là trí chân thật. **Tất cả đều viên thông, ba thứ âm, xứ, giới không thể làm ngăn ngại.** Những người tu ấy không chỉ thành tựu viên thông của các quan năng, mà mỗi quan năng đều có tính riêng của nó – như năm âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mười hai xứ là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cùng với sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, mười tám giới gồm sáu căn, sáu trần và các thức liên hệ, như nhãn thức, nhĩ thức, tị thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Một khi đạt được viên thông thì chẳng còn gì ngăn ngại quý vị. **Như thế, cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân đều hiện ra trước mặt,** trong vô số kiếp xa xưa, con người đã trải qua biết bao nhiêu lần sinh rồi tử, tử rồi tái sinh. Trong các đời sống, họ có nhiều tính cách, nhiều thói quen khác nhau. Có đời thì say mê uống rượu, đời khác thì ưa hút thuốc, hoặc ham đánh bạc, hoặc dâm dăng, giết người, nói dối... Nhìn chung, sau mỗi đời tái sinh, thói quen của họ càng phát triển và hành động càng thêm tội tệ. Đây là nói về những tính xấu, về tính tốt, có người trong đời sống, họ thờ phụng Phật, hoặc nghe giảng kinh Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa. Tóm lại, trong nhiều đời nhiều kiếp đã qua, họ luôn hành thiện. Rốt cục, họ tích lũy được một tính cách, một thói quen đáng kể. Và ngày nay, như một cuộn phim, tất cả những thói quen ấy hiện ra trước mắt họ. **Thiện nam tử ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất điều gì.** Thiện nam tử là người tu theo đạo pháp, họ nhớ được tất cả. Đến giai đoạn này, họ không quên mất điều gì. Có nghĩa, họ nhớ hết mọi việc đã xảy ra, nhớ những nhân duyên trong đời họ, đây gọi là **Niệm tâm trụ** - là Thập tín thứ hai.

Kinh văn:

Tính diệu viên thuần chân, chân tính phát hóa ra, các tập vô thủy, đều dung thông với một tính tinh minh, chỉ dùng tinh minh ấy tiến đến chỗ chân tịnh, gọi là Tinh tấn tâm.

Giảng giải:

Tính diệu viên thuần chân, chân tính phát hóa ra, các tập vô thủy, đều dung thông với một tính tinh minh, đây là trí tuệ, chỉ dùng tinh minh ấy tiến đến chỗ chân tịnh. Họ dùng sức mạnh ấy tiến đến chỗ chân tịnh, không một chút bợn nhơ nào - **gọi là Tinh tấn tâm.**

Kinh văn:

Tâm tinh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ, gọi là Tuệ tâm trụ.

Giải thích:

Khi người tu chỉ còn tâm chân tịnh, **tâm tinh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ**. Trí trong sáng và hiểu biết, có nghĩa người đó đã có được một phần trí tuệ chân thật. “Thuần trí tuệ” là không còn chút gì vọng tưởng. Mọi ngu si và vọng tưởng đã dứt sạch – đây gọi là **Tuệ tâm trụ**. Sự an trụ của tín tâm trong trí tuệ.

Kinh văn:

Nắm giữ trí sáng suốt, lặng dùng cùng khắp, tịch tịch diệu thường dùng lại, gọi là Định tâm trụ.

Giải thích:

Nắm giữ trí sáng suốt, lặng dùng cùng khắp. Có nghĩa, quý vị phải giữ lấy ánh sáng của trí tuệ, không thể buông lơi nó, như vậy ánh sáng ấy sẽ lặng dùng khắp cùng pháp giới, **tịch tịch diệu thường dùng lại, gọi là Định tâm trụ**. “Lặng dùng” là biểu hiện “sự lặng lẽ và hằng sáng”, và “tịch tịch” hàm ý hằng sáng tỏ. “Dùng” là làm ngưng dòng của trí tuệ. Trước đây nó nông cạn, nay thì sâu lắng. Dùng còn tượng trưng cho định lực. Đến giai đoạn này thì người tu không còn bị động. Song chẳng có ai cho rằng như vậy là tốt lắm rồi, và họ tiếp tục phấn đấu để tăng tiến hơn nữa. Một người có định lực, họ sẽ không dễ dàng ngã bên này bên nọ. Ngọn gió phương Đông không khiến cho họ ngã về phương Tây. Điều đó có nghĩa họ rất vững vàng đối với tám ngọn gió.

Nói về tám ngọn gió, tôi sẽ thuật chuyện Tô Đông Pha, một học giả và là thi sĩ nổi tiếng đời Tống, Trung Quốc. Ông còn được mọi người biết đến là cư sĩ Đông Pha, rất thân với thiền sư Phật Ấn. Lúc đầu ông sống bên bờ phía Nam sông Dương Tử, sau chuyên qua mạn Bắc của sông.

Nhà thơ Tô Đông Pha học Phật, ngồi Thiền. Ngày nọ ông ngồi thiền, đột nhiên động tâm, bèn viết mấy câu thơ:

Cúi đầu dành lễ Thiên Trung Thiên,

Hào quang chói sáng khắp Đại Thiên.

Tám gió thổi qua không lay động

Vẫn ngồi yên trên tòa sen vàng.

“Thiền Trung Thiên” là chỉ Đức Phật. Khi nhà thơ lễ Phật, ánh hào quang của Ngài phát sáng cả vũ trụ. Tám ngọn gió đó là:

1. Dục
2. Hủy
3. Khổ
4. Lạc
5. Lợi
6. Suy
7. Đắc
8. Thất

“Dục” là được người khen ngợi, chẳng hạn: Ông là người học giỏi. Hoặc: Bạn có nhân cách và đạo đức rất tốt. Nhưng quý vị sẽ không xem những lời khen ấy là hay, là tốt đẹp, bởi vì nếu động lòng vì lời khen ấy, chứng tỏ quý vị chưa có định lực.

“Hủy”, có nghĩa là chê bai, những lời nói làm tổn thương người khác. Thường, con người thích khen hơn là chê. Đây là ngọn gió khiến người ta khó giữ được bình tĩnh – *“tại sao lại nói tôi như thế”*.

“Khổ”, cũng là một ngọn gió bao hàm nhiều phương diện, và “Hi” cũng vậy. Quý vị cảm thấy tốt đẹp, nhưng đừng cho đó là quan trọng, vì khi tâm quý vị thấy thích thú, tức đã bị gió làm lay động rồi.

“Lợi”, chỉ một điều gì đó giúp ích quý vị. “Suy” có nghĩa vô ích, là những tệ hại đối với quý vị. “Đắc” là được điều gì đó, “Thất” là mất mát. Khi được, chúng ta thấy vui; còn khi mất thì đâm ra buồn bã, bực bội. Chẳng hạn chúng ta mua một máy hát, hoặc cái camera, mua đó có nghĩa là được. Nhưng chúng ta sơ ý để mất đi, khi ấy, vô minh của chúng ta khởi lên, chúng ta cảm thấy rất đau khổ vì sự mất mát đó. Đây chính là tám ngọn gió làm con người luôn lay động như thế.

Nhưng Tô Đông Pha cho rằng cả tám gió cũng chẳng hề làm ông lay động khi ông ta ngồi trên tòa sen vàng, và ông đã gửi bài thơ đến Thiền sư Phật Ấn để sư phán đoán.

Sư Phật Ân ghi vào bài thơ mấy chữ, đầy đủ các ý nghĩa. Nhưng nhà thơ chỉ xem lướt qua, không dám động đến! Mấy chữ đó là gì? – “*Cái đánh rắm của ta!*”.

Tô Đông Pha ném bài thơ vào bếp than, đoạn tức tốc giong thuyền qua bên kia sông, đến tìm Phật Ân.

“*Ông đã nói tám gió cũng chẳng làm ông lay động*”. Sư Phật Ân điềm tĩnh bảo: “*Nay lại vì cái đánh rắm của tôi mà ông bị thổi từ bên kia sông qua đến đây vậy?*”.

Tô Đông Pha nghĩ lại, ông thấy nhà sư nói đúng, nên chỉ còn cách cúi đầu quay về.

Kinh văn:

Định quang phát minh, dẫn sâu vào tính sáng, chỉ có tiến chứ không lui, gọi là Bất thối tâm.

Giải thích:

Khi tâm trụ trong định, **Định quang phát minh, dẫn sâu vào tính sáng**. Bậc thiện tri thức tu tập, họ **chỉ có tiến chứ không lui**. Khi đã hiểu rõ, họ chỉ tiến tới chứ không bao giờ quay trở lại. Lý do họ không thể đảo ngược là họ thực sự hiểu biết, họ có trí tuệ chân thật, đây **gọi là Bất thối tâm**. Tín tâm ấy không bao giờ lui trở lại.

Kinh văn:

Tâm an nhiên tiến tới, giữ gìn không mất, giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai, gọi là Hộ pháp tâm

Giải thích:

Tâm an nhiên tiến tới, luôn tiến về phía trước, và không để thoát khỏi tầm tay. Họ rất kiên định và an nhiên, và **giữ gìn không mất**, đây là tâm bất thối của họ. Những người tu ấy **giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai**. Khi một người tu hành đến độ không thể đảo ngược thì năng lực của Phật sẽ hòa hợp với họ, đây **gọi là Hộ pháp tâm**. Điều ấy có nghĩa Phật bảo hộ quý vị, và quý vị hộ trì Phật pháp. Với sự bảo hộ của Phật, chúng ta có thể thành tựu nghiệp của mình theo đạo; với sự hộ trì của chúng ta, Phật pháp được phát triển, lan rộng và đây là tín tâm hộ pháp vậy.

Kinh văn:

Giữ gìn tính giác minh, có thể dùng diệu lực hồi chuyển từ quang của Phật về với mình và hướng về Phật mà an trụ, như hai gương sáng đối nhau, trong đó các bóng vi diệu lớp lớp chồng nhau, gọi là Hồi hướng tâm.

Giảng giải:

Giữ gìn tính giác minh, có thể dùng diệu lực. Giao tiếp với khí phần của Phật là một loại giác ngộ. Khi gìn giữ, sự giác ngộ này có đầy đủ trí tuệ và khả năng nhận thức, không mất đi được. Như vậy, họ sẽ **hồi chuyển từ quang của Phật về với mình và hướng về Phật mà an trụ.** Với diệu lực ấy, quý vị có thể giao tiếp với từ quang của Phật. Khí phần của quý vị sẽ tác động qua lại với khí phần và ánh sáng Phật, **như hai gương sáng đối nhau, trong đó các bóng vi diệu lớp lớp chồng nhau.** Khi hai tâm gương đặt đối nhau, các hình ảnh sẽ phản chiếu trùng trùng điệp điệp nhau, đây **gọi là Hồi hướng tâm.**

Kinh văn:

Tự tâm thâm xoay Phật quang trở lại, được vô thượng diệu tịnh thường trụ của Phật, an trụ nơi vô vi, được không sót mất, gọi là Giới tâm trụ.

Giảng giải:

Tự tâm thâm xoay Phật quang trở lại, được vô thượng diệu tịnh thường trụ của Phật. Đến giai đoạn này sẽ có sự tương giao thâm lặng giữa ánh sáng của quý vị và ánh sáng tâm Phật, đây là sự “mật thông ánh sáng”. Ánh sáng từ tâm quý vị đến ánh sáng Phật, và ánh sáng Phật chiếu đến tâm quý vị. Sau khi ánh sáng của tâm quý vị vào tâm Phật, nó quay trở lại tâm quý vị. Đây là sự xoay vòng ánh sáng, và người tu ấy thường nhận được ánh sáng từ Phật. **An trụ nơi vô vi, được không sót mất.** Khi đạt được pháp vô vi, họ sẽ không bỏ mất, đó **gọi là Giới tâm trụ.**

Kinh văn:

Tự tại an trụ nơi giới, có thể đi khắp mười phương, tùy nguyện mà đi, gọi là Nguyện tâm trụ.

Giảng giải:

Tự tại và tâm vô vi **an trụ**. Tâm vô vi hoàn toàn tự do tự tại, **có thể tùy nguyện mà đi khắp mười phương**, không có gì ngăn ngại. Đây gọi là **Nguyện tâm trụ**. Bất cứ điều gì cũng tùy theo nguyện của quý vị.

---o0o---

THẬP TRỤ

Kinh văn:

A Nan, thiện nam tử đó, dùng phương tiện chân chính phát được mười cái tâm ấy, tâm tính phát huy, mười cái dụng ấy cùng đan xen nhau, viên thành một tâm, gọi là phát tâm trụ.

Giải thích:

Phần này luận về Thập trụ, là các Bồ tát vị. Thập trụ gồm:

1. Sơ phát tâm trụ
2. Trì địa trụ
3. Tu hành trụ
4. Sinh quý trụ.
5. Phương tiện cụ túc trụ.
6. Chính tâm trụ
7. Bất thối trụ
8. Đồng chân trụ
9. Pháp vương tử trụ
10. Quán đỉnh trụ.

Từ các địa vị vừa trình bày trên, Bồ tát sẽ tiến đến quả vị Phật, nhưng hiện tại thì các Bồ tát tạm dừng tại mười vị.

A Nan, Đức Phật gọi bảo: Thiện nam tử đó, tức là các Bồ tát tu tập, dùng phương tiện chân chính phát được mười cái tâm ấy. “Mười cái tâm”, tức mười vị đã nêu trên. Tâm tính phát huy, mười cái dụng ấy cùng

đan xen nhau, viên thành một tâm. “Mười cái dụng” ấy là mười sự diệu dụng của tâm. Khi tất cả cùng đan xen thì chúng cùng quay trở lại cái tâm duy nhất. Đây gọi là **phát tâm trụ**. Đó là khởi đầu của Thập trụ.

Kinh văn:

Trong tâm phát ra sáng suốt, như ngọc lưu ly trong sạch, trong đó hiện ra vàng ròng, dùng cái diệu tâm trước đó sửa sang thành chỗ đứng, gọi là Trì địa trụ.

Giải thích:

Trong tâm phát ra sáng suốt, như ngọc lưu ly trong sạch, đây là sự trong suốt, trong đó hiện ra vàng ròng, dùng cái diệu tâm trước đó sửa sang thành chỗ đứng, gọi là Trì địa trụ. “Diệu tâm” đó là Sơ phát tâm, sau đó dùng diệu tâm này làm thành chỗ nương đứng. Trụ thứ hai ấy gọi là Trì địa.

Kinh văn:

Tâm địa biết khắp, đều được rõ ràng, đi khắp mười phương, được không ngăn ngại, gọi là Tu hành trụ.

Giải thích:

Trụ thứ ba này là tu hành. Tâm địa biết khắp, đều được rõ ràng. Khi tâm địa cùng hợp với trí tuệ thì cả tâm và trí đều rõ ràng, trong suốt, đi khắp mười phương, được không ngăn ngại, gọi là Tu hành trụ. Đến giai đoạn này thì quý vị đã được tâm vô vi. Với tâm vô vi và trí tuệ, quý vị có thể đi khắp nơi đó đây mà không có chi ngăn trở. Quý vị hoàn toàn tự tại.

Kinh văn:

Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật, như thân trung âm tự cầu cha mẹ, âm tín thâm thông vào giống Như Lai, gọi là Sinh quý trụ.

Giải thích:

Phần này luận về địa vị thứ tư của Bồ tát – Sinh quý trụ. Sinh quý có nghĩa sinh ra trong gia đình pháp vương, nhà của Phật. Gia đình Phật là rất cao quý, trụ nơi đây nên gọi là Sinh quý.

Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật. Ở giai đoạn trụ thứ tư này, mọi hạnh của Bồ tát đều giống như Phật, do đó, các Bồ tát nhận được khí phần của Phật. Họ tu học theo Phật. Do đó, họ **như thân trung âm tự cầu cha mẹ.** Trước tiên chúng ta sẽ bàn về “thân trung âm”.

Thân trung âm là cái “hồn” của con người chúng ta, hoặc gọi là linh tánh, nó có tính chuyển sinh hoặc luân hồi. Đại để, thân trung âm là thân âm giữa chừng sau khi chết và trước khi được sinh ra, hiện hữu trong cõi hoàn toàn tăm tối. Mặc dù có mặt trời, mặt trăng, nhưng thân trung âm không dám nhìn khi trời, trăng hiện ra. Khi chưa hiện hữu, thân trung âm chỉ là ý thức trong bóng tối. Tuy nhiên, khi cha mẹ tương lai ăn nằm với nhau, và bất kể thân trung âm cách xa bao nhiêu, nó cũng sẽ nhận được một chút âm quang, đoạn tức khắc tiến tới như đáp ứng tư tưởng. Sự kích động để thân trung âm tiến tới, đó cũng giống như từ lực của nam châm hút sắt. Trong trường hợp ấy, lực của từ trường trải đến hàng ngàn dặm. Theo cách ấy, thân trung âm tiến tới và tức khắc nhập thai chuyên sinh.

Ở đây, cách sinh của Bồ tát trụ thứ tư vào nhà của Phật cũng có quá trình tương tự như thế. **Âm tín thâm thông,** bất kể hàng nghìn dặm xa xôi, nó vẫn hỗ tương liên hệ nhờ vào niềm tin. Các Bồ tát đều theo cách ấy để **vào giống Như Lai, gọi là Sinh quý trụ.** Họ được sinh trong ngôi nhà cao quý, đó gọi là nhà của Phật.

Ô! Sao thế? – quý vị sẽ thắc mắc: Phật có nhà sao? Tôi nghĩ Ngài đã bỏ nhà ra đi rồi mà? Nhà chúng ta nói đến đây là căn nhà của sự sống, đây là nơi Phật trụ. Tất cả chỉ là sự tương tự như vậy thôi.

Kinh văn:

Đã vào đạo thai, tự thân nhờ được sự nuôi nấng của tính giác, như cái thai đã thành, tướng người không thiếu, gọi là Phương tiện cụ túc trụ.

Giải thích:

Đã vào đạo thai. Họ đi vào ngôi nhà của Phật, và như thế họ vào thai tạng. **Tự thân nhờ được sự nuôi nấng của tính giác,** thừa tiếp sự giác ngộ, **như cái thai đã thành, tướng người không thiếu.** Các căn mắt, tai, mũi... dần hiện ra đầy đủ. Sự xuất hiện của họ như các Phật, các Bồ tát, chẳng khiếm khuyết điều gì. **Đây gọi là Phương tiện cụ túc trụ.** Đây là trụ thứ năm.

Kinh văn:

Hình dáng như Phật, tâm tướng cũng vậy, gọi là Chánh tâm trụ.

Giảng giải:

Ở trụ thứ sáu, Bồ tát có **Hình dáng như Phật**. Điểm đặc biệt ở đây là các Bồ tát có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Và **tâm tướng cũng vậy**, đều giống như Phật, **gọi là Chánh tâm trụ**, là trụ thứ sáu.

Kinh văn:

Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng, gọi là Bất thối trụ.

Giảng giải:

Thân và tâm của họ giống như Phật, **hợp** với các Phật và **ngày càng tăng trưởng**. Mặc dù giống như Phật, nhưng các vị ấy vẫn thích trẻ con hơn. Điều này có nghĩa ở giai đoạn này, trí tuệ các Bồ tát vẫn chưa được đạt trí của Phật. Họ thích trẻ mới sinh. Thế nhưng mỗi ngày trí tuệ của họ càng trưởng thành, như vậy, họ vẫn không xa rời Phật tính. Họ đều can đảm và mạnh mẽ, vậy nên **gọi là Bất thối trụ**.

Kinh văn:

Linh tướng mười thân, một thời đầy đủ, gọi là Đồng chân trụ.

Giảng giải:

Gian đoạn này, Bồ tát tăng trưởng hình thành mười thân, tức Thanh văn thân, Duyên giác thân, Bồ tát thân, Như Lai thân, Pháp thân, Trí thân, Hư không thân, Nghiệp báo thân, Chúng sinh thân và Quốc độ thân. Ở mỗi thân trong mười thân ấy lại tăng trưởng mười thân, thành ra một trăm thân. Trong mỗi trăm thân lại tăng trưởng mười thân, hình thành ngàn thân. Điều này sẽ xảy ra cùng lúc vì trí vô vi của Bồ tát Đầy **gọi là Đồng chân trụ**.

Kinh văn:

Hình đã thành, ra khỏi thai, tự thân làm Phật tử, gọi là Pháp vương tử trụ.

Giảng giải:

Trụ thứ chín là Pháp vương tử. Ở giai đoạn trước đó, khi mười thân hữu hiện, nó có thể tăng trưởng và chuyển hóa đến vô cùng tận. Tuy nhiên, Bồ tát chưa thực sự trở thành Pháp vương tử, vì vẫn chưa ra khỏi thai. Nay thì **hình đã thành** và vị đại hùng xuất hiện, **ra khỏi thai, tự thân làm Phật tử**. Sự thành tựu thân Phật như vừa ra khỏi thai. Đây **gọi là Pháp vương tử trụ**. Tự chính họ đã là con của Phật, và Bồ tát ấy ở vào trụ thứ chín.

Kinh văn:

Nghi biểu đã thành người lớn, như một Quốc vương, phân công ủy nhiệm cho Thái tử việc nước. Quốc vương kia, khi Thái tử trưởng thành, bày ra lễ Quán đĩnh, gọi là Quán đĩnh trụ.

Giải thích:

Nghi biểu đã thành người lớn, như một Quốc vương, phân công ủy nhiệm cho Thái tử việc nước. Quốc vương ở đây ý chỉ luân vương. Khi nhà vua sẵn sàng giao việc cho Thái tử, vua sẽ dùng bốn loại nước biên làm lễ quán đĩnh cho Thái tử. Khi lễ xong, Thái tử sẽ được hưởng vương vị. Đây nói về Bồ tát trở thành con của Phật, người sẽ là Pháp vương, và Phật làm lễ thọ ký cho Bồ tát. **Quốc vương kia, tức Đức Phật, khi Thái tử trưởng thành, Bồ tát ở vào trụ thứ mười, bày ra lễ Quán đĩnh, gọi là Quán đĩnh trụ.**

---o0o---

THẬP HẠNH

Kinh văn:

A Nan, thiện nam tử đã thành Phật tử rồi, có đầy đủ diệu đức vô lượng của Như Lai và tùy thuận mười phương, gọi là Hoan hỉ hạnh.

Giải thích:

Thập hạnh là bước kế tiếp trong Bồ tát vị, gồm:

1. Hoan hỉ hạnh
2. Nhiêu ích hạnh

3. Vô sân hạnh
4. Vô tận hạnh
5. Ly si loạn hạnh
6. Thiện hiện hạnh
7. Vô trước hạnh
8. Tôn trọng hạnh
9. Thiện pháp hạnh
10. Chân thật hạnh

Nay chúng ta bàn về hạnh thứ nhất - đó là Hoan hỉ. Mười hạnh ở đây tương ứng với mười Ba-la-mật, và pháp đầu tiên là Bồ thí.

Đức Phật Thích Ca gọi bảo: “**A Nan, thiện nam tử đã thành Phật tử rồi, có đầy đủ diệu đức vô lượng của Như Lai**”. Khi các Bồ tát trở thành Phật tử, họ sở hữu diệu đức của Phật, và **tùy thuận mười phương, gọi là Hoan hỉ hạnh**. “Tùy thuận” là thực hành bồ thí. Chúng ta đã nhiều lần nói về sự bồ thí. Có ba loại bồ thí.

1. Tài thí
2. Pháp thí
3. Vô úy thí.

Ngoài ra còn có hai loại bồ thí (Tài thí, Pháp thí), cũng bao hàm đủ các pháp.

Hạnh hoan hỉ là thực hiện việc bồ thí với tâm hoan hỉ. Vui mà ban cho, không phải bị ép buộc phải cho, hoặc ban cho ai thứ gì đó mà lòng còn do dự. “*Tôi thích tặng cho, nhưng đó là tiền của tôi...*”. Giống như cho tiền người khác mà mình bị cắt đi đoạn thịt vậy. Mọi người đều biết, nếu không bồ thí sẽ chẳng được công đức gì. Và đây cũng là điều nan giải: Nếu cho, tôi sợ sẽ mất tiền, còn không cho, tôi sợ sẽ thiếu đi công đức. Thật chẳng biết tiến thoái thế nào. Điều đó, chắc chắn không phải là hạnh hoan hỉ, vì nó chẳng khác gì bị ép buộc vậy. Nay, quý vị không thể nói bồ thí chẳng có công đức gì, nhưng công đức ấy sẽ tan biến mất khi lòng phân vân ban tặng. Đó là hành động không thực lòng.

Hẳn nhiên, người ta sẽ cảm thấy vui khi bồ thí, cho dù không phải là tiền bạc của chính mình, họ cũng thấy vui khi ban cho ai thứ gì đó.

Phương diện khác nữa của sự bố thí là làm cho người khác thấy vui. Khi bố thí, quý vị không thể hành động như ai đó ném tiền cho hành khất. Chẳng hạn có người bò, lết đến trước cửa quý vị, vừa than vãn: “*Thưa chú, thưa bác, cho tôi xin chút thức ăn?*”. Và quý vị mở cửa, ném ra ít tiền, bảo: “*Đó! Đi chỗ khác đi!*”. Đây không phải là bố thí. Hành động như vậy chẳng có công đức gì, còn người nhận kia thật chẳng vui tí nào. Người Trung Quốc có tục ngữ: “*Người ta không ăn những thứ kẻ khác ném cho*”. Chẳng ai muốn nhận lấy tiền bạc hoặc thức ăn theo cách đó, cho dù họ có đói quá cũng vậy.

Người có lòng tốt, thực lòng bố thí sẽ không có ý nghĩa mong chờ đền ơn, đáp nghĩa; tránh không để người nhận có suy nghĩ phải cảm ơn. Trong hạnh hoan hỷ, bố thí có nghĩa là mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác.

Kinh văn:

Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, gọi là Nhiều ích hạnh.

Giải thích:

Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nói về cách dùng giới, tức là dùng giới đức viên mãn của mình và cảm hóa chúng sinh, khiến mọi người giữ giới để được nhiều lợi ích. Đây **gọi là Nhiều ích hạnh**. Đây là hạnh thứ hai của Bồ tát.

Kinh văn:

Tự giác và giác tha, được không chống trái, gọi là vô sân hận hạnh.

Giải thích:

Tự giác và giác tha, đó là những gì chúng ta phải thực hiện, vì đây là điều cần thiết để học Phật và tự giác. Chúng ta phải giúp cho mọi người cùng thành tựu Phật đạo, làm lợi mình và lợi người. Đừng ích kỷ với những gì mình đạt được. Không ganh tị hoặc ngăn trở người khác. Nếu ai đó hiểu Phật pháp hơn ta, cũng đừng ganh ghét họ. Nếu ghen tị, ganh ghét, quý vị ắt phải chịu quả báo ngu si trong tương lai. Quán sát pháp một cách sâu xa, chúng ta sẽ không bao giờ ganh ghét ai, cũng chẳng ngăn trở người nào. Nếu có ai đó giác ngộ, còn quý vị thì không, đừng nói: “*Quả thật, Phật cũng chẳng công bình. Tại sao người đó giác ngộ, còn tôi thì không?*”. Đó là sự

vô minh của quý vị đấy. Hoặc có người nghe pháp, họ liền tích cực học tập. Họ học nhanh, có được thầy dạy chú Lăng Nghiêm. Còn như người không được thầy dạy lại sinh lòng ghen tức: “*Tại sao họ hơn tôi? Sao họ học nhanh thế?*”. Trong bất cứ trường hợp nào, quý vị cũng không nên ghen tức người khác. Hãy vui khi thấy người có thầy dạy tốt, hãy vui khi biết người giác ngộ.

Tôi lặp lại, nếu quý vị ghen tức người khác, quý vị sẽ trở nên ngu si trong tương lai. Sự ngu si sẽ khiến quý vị chẳng còn hiểu biết gì, kể cả ăn uống. Những chúng sinh như thế tất sẽ trở thành vô dụng, ngay cả cái ăn cũng không biết thì chỉ còn cách chết đói. Vậy, nếu có ai thành công hơn ta, hãy vui với niềm vui của họ.

Như vậy, Bồ tát sẽ **được không chống trái**. Đây là pháp nhẫn nhục thứ ba trong Ba la mật. Khi niềm vui xảy đến, họ cảm thấy vui, khi bất hạnh xảy ra, họ vẫn vui. Họ không chống lại những điều trái nghịch. Đây là sự kiên nhẫn. Trong mọi trường hợp họ đều nhẫn chịu.

Tôi đọc lại bài thơ của Bồ tát Di Lặc sau:

*Lão già khùng mặc áo tơ tằm,
Và cái bụng to đầy thức ăn
Manh áo và chóng lạnh
Vương lấm bụi đường
Có ai đó làm bầm: Cái lão khùng
Ông ta liền gật gù: Phải đấy
Nếu có ai đánh
Ông ta lăn ra ngủ
“Khạc vào mặt tôi, tôi đi rửa.
Tôi không bực tức”
Đấy là Ba la mật
Là châu báu vi diệu*

Nếu biết được điều ấy

Thì có lo gì không đạt đạo?

Đây là pháp nhân nhục thứ ba, **gọi là vô sân si hận hạnh.**

Kinh văn:

Từ các chủng loại mà hiện ra sắc thân cùng tột vị lai, ba đời đều bình đẳng, mười phương được thông suốt, gọi là Vô tận hạnh.

Giảng giải:

Từ các chủng loại mà hiện ra sắc thân. Nói về sự chuyển hóa hiển hiện của mười hai loại chúng sinh. Những hóa thân trong các loài hữu hiện thành sắc thân đến **cùng tột vị lai, ba đời đều bình đẳng**, đây là ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể tỏa khắp **mười phương được thông suốt**, đến vô cùng vô tận, **gọi là Vô tận hạnh.** Đây là hạnh thứ tư, tương ứng với Tinh tấn độ.

Kinh văn:

Tất cả cùng hợp về đồng, nơi các thứ pháp môn, được không sai lầm, gọi là Ly si loạn hạnh.

Giảng giải:

Đây là thiên độ thứ năm, tâm không tán loạn, **Tất cả cùng hợp về đồng, nơi các thứ pháp môn, được không sai lầm.** Phật thuyết giảng các pháp, các chúng đều hiểu biết và hành theo pháp. Đây **gọi là Ly si loạn hạnh.**

Kinh văn:

Và ở tại trong đồng, hiện ra nhiều cái khác, nơi mỗi mỗi tướng khác đều mỗi mỗi thấy là đồng, gọi là Thiện hiện hạnh.

Giảng giải:

Và ở tại trong đồng, hiện ra nhiều cái khác. Cái đồng đây là lý, và dị (khác biệt) là sự. Chân thể bình đẳng là đồng, hiện tượng hữu vi là dị. **Nơi mỗi mỗi tướng khác đều mỗi mỗi thấy là đồng.** Đây là chỉ chung mọi hiện tượng đối với lý đó là:

1. Lý vô ngại trong sự
2. Sự vô ngại trong lý
3. Sự sự vô ngại
4. Lý sự cùng vô ngại.

Do đó, trong cái đồng hiện ra cái dị, trong cái dị lại có cái đồng, đây gọi là **Thiện hiện hạnh**. Đồng và dị không gây chướng ngại nhau, trong mỗi cái này lại hiện ra cái kia – đây là trí tuệ viên mãn.

Kinh văn:

Như vậy, cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, trong mỗi mỗi vi trần hiện ra mười phương thế giới. Hiện vi trần, hiện thế giới, đều chẳng ngăn ngại nhau, gọi là Vô trước hạnh.

Giải thích:

Như vậy, cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần. Không chỉ có cái đồng, cái dị có thể xuất hiện, trong cái dị cũng có cái đồng hiện hữu, cái ít sinh ra cái nhiều, cái nhiều sinh ra cái ít. Cái lớn sinh ra cái nhỏ, cái nhỏ sinh ra lớn. “Hư không” biểu hiện sự lớn rộng. “Vi trần” tượng trưng cho sự nhỏ nhiệm. Trong mỗi hạt bụi lại hiện ra cả thế giới, mỗi thế giới đều dung hợp trong vi trần. Nhưng khi thế giới hiện trong hạt bụi, không phải là trường hợp thế giới thu nhỏ lại, hoặc hạt bụi nở to để chứa cả thế giới. Đây là sự to lớn, vĩ đại hiển hiện trong cái nhỏ nhất, và cái nhỏ nhất biểu hiện sự lớn lao, chẳng chút chi ngăn ngại.

Trong mỗi mỗi vi trần hiện ra mười phương thế giới, hiện vi trần, hiện thế giới. Các thế giới trong mười phương là mênh mông rộng lớn, trong khi hạt vi trần thì quá nhỏ nhoi, thế nhưng không phải vì vậy mà thế giới thành ra nhỏ bé, hoặc hạt bụi trở nên rộng lớn. **Hiện vi trần, hiện thế giới, đều chẳng ngăn ngại nhau.** Tất cả đều dung thông nhau, không ngăn ngại nhau. Đây gọi là **Vô trước hạnh**. Thế giới là vi trần, vi trần là thế giới. Nhỏ là lớn, lớn là nhỏ. Sự biểu hiện ấy là hạnh vô trước. Đây là Phương tiện độ thứ bảy.

Kinh văn:

Các thứ hiện tiền, đều là Ba la mật thứ nhất, gọi là Tôn trọng hạnh.

Giảng giải:

Hạnh tôn trọng cũng tức là Nguyên độ. **Các thứ hiện tiền, đều là Ba la mật thứ nhất.** Mọi sự hữu hiện đều là ba la mật thứ nhất, là pháp tiến đến bên kia bờ. **Đấy gọi là Tôn trọng hạnh.** Đây là hạnh thứ tám.

Kinh văn:

Viên dung như vậy, có thể thành tựu quy tắc của chư Phật mười phương, gọi là Thiện pháp hạnh.

Giảng giải:

Viên dung như vậy, khi tất cả đều trở thành đệ nhất Ba la mật, **có thể thành tựu quy tắc của chư Phật mười phương.** Người tu hành thực hiện các pháp đều đúng và thích hợp với pháp tắc của chư Phật mười phương. **Đấy gọi là Thiện pháp hạnh.** Đây là thành tựu lực, con người phải vận dụng sức mạnh từ chính mình. Đây là hạnh thứ chín.

Kinh văn:

Mỗi mỗi đều là nhất chân vô vi, thanh tịnh vô lậu, vì tính bản nhiên là vậy, gọi là Chân thật hạnh.

Giảng giải:

Hạnh thứ mười trong thập hành là Chân thật. **Mỗi mỗi đều là nhất chân vô vi, thanh tịnh vô lậu, vì tính bản nhiên là vậy.** “Mỗi mỗi” là chỉ cả chín hạnh trước đó đều thanh tịnh, vô nhiễm. Ở đây chỉ có sự chân thật, vô vi và chân tính vốn dĩ như thế. **Đấy gọi là Chân thật hạnh.** Đây là Trí độ, hạnh thứ mười của Bồ tát.

---o0o---

THẬP HÒI HƯỚNG

Kinh văn:

A Nan, thiện nam tử đó đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự xong, toàn là một tính chân thuần khiết, xa các lầm lỗi, chính khi hóa độ chúng sinh mà diệt tướng năng độ, sở độ, trở lại với tâm vô vi, hướng về đường Niết bàn, gọi là Cứu hộ nhất thiết chúng sinh tướng hồi hướng.

Giảng giải:

A Nan, thiện nam tử đó. Các vị Bồ tát tu thập hạnh, phát triển Chân trí tuệ và thực hiện những lời chân thật, họ **đó đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự xong**, đi khắp cả mười phương, làm vô số Phật sự. Do vậy:

Tu tập muôn hạnh như hoa đóm giữa hư không.

Ngôi tại đạo tràng như trăng trong bóng nước.

Hàng phục ma quân như ảnh hiện trong gương.

Hành đại Phật sự khác nào cơn mộng寐.

Đây là biểu tượng của tinh thần vô trước. Mọi sự đều như ảo tưởng, vô thường, không có gì là hiện thực. Vì vậy, họ không bám trước vào điều gì, chính sự vượt qua tất cả đó nên quý vị sẽ được tự chủ.

Những người tu ấy **toàn là một tính chân thuần khiết**. Họ đã thành tựu được như vậy, nên **xa các lầm lỗi**. Tất cả chẳng còn điều gì ngăn trở, và **chính khi hóa độ chúng sinh mà diệt tướng năng độ, sở độ**. Khi độ chúng sinh, họ không thấy có chúng sinh được độ, cũng chẳng thấy có tướng độ chúng sinh. Kinh Kim Cang giảng ý đó rất hay. Đức Thích Ca nói:

“Diệt độ tất cả chúng sinh rồi mà không thấy có chúng sinh nào được độ”.

Trái lại, một người không có tinh thần vô trước thường hay suy nghĩ: *“Tôi đã làm việc này, tôi đã làm việc nọ”*. Người ta xây một ngôi đền và nghĩ rằng mình đã làm công việc lớn lao, chắc chắn sẽ được nhiều công đức. Tại sao phải cần người khác biết đến việc làm ơn ích của mình? Trách nhiệm của mọi người chúng ta là độ sinh, nhưng đừng chấp vào tướng độ sinh ấy. Có nhiều người hay phàn nàn: *“Tôi không trộm cắp, không sát sinh, không làm điều gì xấu. Tại sao tôi không được may mắn? Có người phạm tôi trộm cắp, sát sinh, nhưng đời sống họ tốt hơn tôi”*. Đây là quan điểm rất sai lầm.

Trở lại với tâm vô vi, hướng về đường Niết bàn. Quay trở lại với tâm vô vi của Tiểu thừa để hướng đến Niết bàn. Đây **gọi là Cứu hộ nhất**

thiết chúng sinh tướng hồi hướng. Các Bồ tát có trách nhiệm độ sinh, và họ là một phần trong sự độ sinh ấy. Dù vậy, họ không nghĩ về công đức độ sinh, vì đó là nhiệm vụ, là công việc: *“Tôi phải làm. Đó là việc phải làm”*.

“Nhưng”. Quý vị sẽ hỏi: *“Cứu độ chúng sinh không có công đức gì sao?”*. Vâng, đúng thế. Đừng nghĩ về điều đó. Quá khứ là quá khứ. Quý vị đừng bận lòng làm gì. Đừng để ý nghĩ cứu độ chúng sinh quấy rối lòng mình.

Kinh văn:

Diệt hoại tất cả những gì có thể diệt hoại, xa lìa các sự phải xa lìa, gọi là Bất hoại hồi hướng.

Giảng giải:

Diệt hoại tất cả những gì có thể diệt hoại. Tức là diệt trừ tất cả những nghiệp chướng, vô minh, đau khổ. Phải diệt dứt những điều đó.

Xa lìa các sự phải xa lìa. Có nghĩa trừ bỏ đi những sai lầm. Chẳng hạn, người tu phải trừ các mê tham, sân, si. Học tập thiện pháp, xa lìa ác pháp. Đây gọi là **Bất hoại hồi hướng**. Cái gì là bất hoại? Đây chính là căn lành, là tự tính giác ngộ của quý vị. Với sự bất hoại hồi hướng, quý vị phải diệt trừ tất cả và chỉ giữ lại những gì là bất hoại.

Kinh văn:

Tính bản giác sâu lắng, giác ngộ bằng Phật, gọi là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

Giảng giải:

Tính bản giác, là tánh Như Lai Tạng trong tất cả chúng ta. **Sâu lắng** và trong sạch, **giác ngộ bằng Phật.** Sự giác ngộ của tâm chúng ta cũng như sự giác ngộ ở tâm Phật vậy. Đây gọi là **Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.**

Kinh văn:

Tinh chân phát ra sáng suốt, tâm địa như Phật địa, gọi là chí nhất thiết xứ hồi hướng.

Giảng giải:

Tinh chân chuyển hóa **phát ra sáng suốt, tâm địa như Phật địa.** Đây là giai đoạn khởi sự tiến đến địa vị Phật, **gọi là chí nhất thiết xứ hồi hướng.**

Kinh văn:

Thế giới và Như Lai dung hợp vào nhau, được không ngăn ngại, gọi là Vô tận công đức tạng hồi hướng.

Giải thích:

Thế giới và Như Lai dung hợp vào nhau, được không ngăn ngại. Thế giới là sinh thân của Như Lai, sinh thân của Như Lai chính là thế giới. Cả hai (y báo và chánh báo, căn thân và khí giới) cùng viên thông vô ngại. **Đây gọi là Vô tận công đức tạng hồi hướng.**

Vua Vũ nhà Lương (Trung Quốc) là người đặc biệt chú trọng gây dựng công đức. Khi vua gặp tổ Bồ Đề Đạt Ma hỏi: *“Trẫm xây dựng nhiều đền chùa, độ Tăng vô số người. Trẫm cũng trường trai, xây cầu, làm đường và rất nhiều việc thiện. Nói xem Trẫm có công đức gì không?”*

Tổ đáp: *“Không có công đức!”*

Nhà vua tỏ ra thất vọng. Thực ra, Tổ Đạt Ma muốn cứu độ vua, nhưng vì nghiệp chướng của vua sâu nặng quá nên Tổ cũng đành chịu; cho dù vua có đối diện với vị Tổ thứ nhất của Trung Quốc. Điều đó giống như nói: *“Đức Quán Thế Âm đứng trước mặt ông ta, ông ta cũng không nhận ra”*. “Cái tâm từ phương Tây” đối trước Lương Vũ Đế song chẳng được gì.

Tại sao ông ta cần Tổ Đạt Ma cứu độ?

Đây là vì Tổ biết nhà vua đang gặp nhiều nguy hiểm. Tổ muốn đánh thức ông ta nên bỏ nhà đi tu, hoặc ít ra cũng nhường ngôi cho người khác, tránh nạn chết đói về cuối đời. Về căn bản, Vũ đế là ông vua sùng Phật, trong thời gian trị vì, ông đã dùng địa vị Hoàng đế ra sức phổ biến Phật pháp, xây dựng chùa chiền nhiều nơi trong nước. Thế nhưng trong các đời quá khứ ông đã tạo nghiệp quá nặng. Trong kiếp sống trước đó của Hoàng đế, ông là một tỳ kheo tu hành trong núi. Ông trồng cây ăn trái, nhưng mỗi lần có trái vừa chín tới thì bị một con khỉ hái trộm mất. Bị nhin ăn nhiều lần, ông bèn bắt con khỉ giam trong hang đá, định nhốt nó vài hôm cho biết. Không ngờ bận quá, ông quên mất đang giam con khỉ, chùng phát hiện ra thì con khỉ đã chết đói trong động.

Khi vị tỳ kheo kia chuyển sinh làm Hoàng đế thì con khi cũng tái sinh như một tinh hầu, hiện thân là võ tướng dẫn quân tiến đánh Nam Kinh. Sau khi lấy được Nam Kinh, tinh hầu đã bắt giam Vũ Đế trong tòa tháp, không có thức ăn, phải nhịn đói đến chết!

Tổ Đạt Ma thấy nhà vua tích lũy nhiều công đức, Ngài nghĩ công đức ấy sẽ làm giảm đi tội chướng. Và khi thời cơ có đủ nhân duyên, Tổ đã đến cùng Vũ Đế. Đây là lý do Đạt Ma muốn cứu giúp Vũ Đế. Nhưng nhà vua nghĩ mình là quân vương, còn Đạt Ma chỉ là ông tăng nghèo khó, lại nói năng đầu đầu, do đó nên quay lưng với Tổ. Rốt cục, nhà vua phải chịu chết đói dưới tay của tinh hầu.

Kinh văn:

Nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sinh ra các nhân thanh tịnh, nương nhân ấy mà phát huy, giữ lấy đạo Niết bàn, gọi là Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hương.

Giải thích:

Sau khi Bồ tát thành tựu vô tận công đức tạc hồi hướng, đoạn, **nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sinh ra các nhân thanh tịnh.** Trong mỗi nhân phát huy ấy đều trong sáng, thanh tịnh. **Nương nhân ấy mà phát huy, giữ lấy đạo Niết bàn,** giữ lấy con đường bất sinh bất diệt, **đấy gọi là Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hương.**

Kinh văn:

Chân căn đã thành tựu, mười phương chúng sinh đều là bản tính của chính mình, bản tính viên mãn thành tựu, không bỏ mất chúng sinh, gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng

Giải thích:

Chân căn đã thành tựu, mười phương chúng sinh đều là bản tính của chính mình. Mọi người là một và cùng đồng với Bồ tát, đó là lý do tại sao Bồ tát muốn cứu độ chúng sinh mà không có chúng sinh nào được độ. Phật và Bồ tát xem tất cả chúng sinh như thực chất của chính mình. Các vị ấy cùng chúng sinh là một. Do đó, họ cứu độ chúng sinh mà thực ra chẳng cứu độ chúng sinh nào – **đấy là sự cứu độ chính mình. Bản tính của chính mình, bản tính viên mãn thành tựu, không bỏ mất chúng sinh.** Khi cùng

với các chúng sinh là một thì chẳng bỏ mất chúng sinh nào. Đây **gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng.**

Khác với quan điểm cho rằng các chúng sinh đều hiện hữu ngoại tại, tôi có thể nói các chúng sinh đều nội tại, bởi vì có vô số chúng sinh hiện hữu trong thân của mỗi người chúng ta. Khoa học đã xác định bạch cầu, hồng cầu và vô số vi sinh trong thân thể chúng ta. Nếu quý vị có được Phật nhãn, quý vị cũng sẽ thấy trong thân người có vô số loài hữu thể, rất nhiều những sinh thể cực nhỏ, ngay cả khi thở ra, quý vị cũng đã cho ra ngoài biết bao hữu thể theo hơi thở. Các chúng như thể đều là hiện thân chúng sinh vậy. Và khi thở vào, chúng ta cũng đưa vào bụng rất nhiều hữu thể. Như vậy, thật khó mà xác định rõ ràng là có ăn thịt hay không ăn thịt. Mọi người sống là đều nhờ vào hơi thở, và như thế, đó cũng là một hình thức sát sinh – quý vị có thể nghĩ như vậy. Dĩ nhiên, ở đây tôi không đi sâu vào vấn đề này.

Nếu quý vị không tu hành, thì các hữu thể trong thân chỉ là những sinh thể bình thường, nhưng nếu là người tu, chúng sẽ trở thành tánh Phật. Chúng sẽ quay trở lại ngọn nguồn căn cội. Quý vị trở về căn nguyên thì chúng cũng theo – đó là tất cả sinh thể nhỏ nòi ẩn chứa trong quý vị. Nếu quý vị khéo tu, chúng cũng lớn rộng hơn lên và cùng với quý vị là một.

Kinh văn:

Tức tất cả pháp, lìa tất cả tướng, cả tức và ly, hai cái đều không vương mắc, gọi là Chân như tướng hồi hướng.

Giảng giải:

Tức tất cả pháp, lìa tất cả tướng. Chính pháp cũng phải xa lìa các tướng, cả tướng pháp cũng xa lìa tướng pháp, **cả tức và ly, hai cái đều không vương mắc, gọi là Chân như tướng hồi hướng.**

Kinh văn:

Thật được như như, mười phương không ngăn ngại, gọi là vô phược giải thoát hồi hướng.

Giảng giải:

Chân như được xác định là **thật được như như.** Hoặc có thể gọi đó là trí tuệ như như, khi đạt được thì **mười phương không ngăn ngại.** Quý vị có thể xuyên suốt mười phương Phật giới, chẳng chút chi ngăn ngại, đây **gọi là**

vô phược giải thoát hồi hướng. Chẳng có gì là ngăn trở, quý vị hoàn toàn tự tại.

Kinh văn:

Tính đức thành tựu viên mãn, lượng của pháp giới diệt, gọi là pháp giới vô lượng hồi hướng

Giảng giải:

Trước khi tính đức được thành tựu, trước khi chưa hòa nhập với pháp giới, quý vị tất sẽ không biết được giới hạn của pháp giới. Khi tính đức thành tựu và hòa hợp được với pháp giới, quý vị sẽ hiểu được giới hạn của pháp giới. Tuy nhiên đó cũng chỉ là giới hạn, quý vị chưa thật sự đạt được trọn vẹn, viên mãn. Nay thì **tính đức thành tựu viên mãn, lượng của pháp giới diệt.** Cả pháp giới cũng là không. Đây gọi là **pháp giới vô lượng hồi hướng.**

---o0o---

TỨ GIA HẠNH

Kinh văn:

A Nan, thiện nam tử đó, tu hết bốn mươi một tâm thanh tịnh đó xong, thì lại thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên.

Giảng giải:

Bồ tát tu hành trọn bốn mươi một loại tâm thanh tịnh. Bốn mươi một tâm đó là:

1 - Càn tuệ địa

2-11 - Thập tín

12-21 - Thập trụ

22-31- Thập hạnh

32-41 - Thập hồi hướng.

Càn tuệ địa, như quý vị nhớ, nó còn gọi là Sơ càn tuệ và Sơ tâm Kim cang.

Sau khi tu chứng bốn mươi một loại tâm thanh tịnh thì lần lượt tiến tu bốn loại gia hạnh, đó là bốn loại gia hạnh diệu viên:

1. Noãn
2. Đỉnh
3. Nhẫn
4. Thế đệ nhất.

Kinh văn:

Tức lấy Phật giác dùng làm tâm mình, như ra mà chưa ra, ví như dùi cây cho ra lửa để đốt cái cây, gọi là Noãn địa.

Giải thích:

Noãn địa là gia hạnh thứ nhất trong bốn gia hạnh. Tương tự như dùi cây lấy lửa, ở địa này ví như cây chưa cháy lửa. **Tức lấy Phật giác dùng làm tâm mình**, chỉ sự giác ngộ của Phật và giác ngộ tự tâm mình cùng như nhau. **Khi ra mà chưa ra, ví như dùi cây cho ra lửa để đốt cái cây.** Cây bốc cháy lửa ví như giác ngộ. Cây bốc cháy trong lửa cũng như sự giác ngộ có sức nóng vậy. **Đấy gọi là Noãn địa.**

Kinh văn:

Lại lấy tâm mình thành chỗ đứng của Phật, như nung mà không phải nung, ví như người lên núi cao, thân vào hư không, nhưng bên dưới còn chút ngăn ngại, gọi là Đỉnh địa.

Giải thích:

Lại lấy tâm mình thành chỗ đứng của Phật, như nung mà không phải nung. Tâm của chính mình theo Phật đạo, dương như nung theo đó nhưng không phải nung. Điều ấy ví như người lên núi cao, **thân vào hư không, nhưng bên dưới còn chút ngăn ngại.** Người đó như đi lên một ngọn núi, khi đến đỉnh, anh ta như tiến vào hư không. Nhưng dưới chân

người đó, tức chỗ đứng trên núi, vẫn còn chút ngăn ngại, chưa hoàn toàn dần hẳn vào hư không. **Đấy gọi là Đỉnh địa.**

Kinh văn:

Tâm và Phật là đồng, khéo được Trung đạo, ví như người biết nhin, không phải ôm lấy, cũng chẳng phải phát ra, gọi là Nhẫn địa.

Giảng giải:

Tâm và Phật là đồng, khéo được Trung đạo. Tâm là Phật, Phật là tâm. Mặc dù nói hai, nhưng cả hai cùng là một. Tâm đấy chính là Phật. Không có Phật bên ngoài tâm, cũng chẳng có tâm ngoài Phật. Tâm và Phật là Như thị. Đến bậc Nhẫn địa tất người đó khéo đạt được lý và thể của Trung đạo. **Ví như người biết nhin, không phải ôm lấy, cũng chẳng phải phát ra.** Lòng đã biết rõ điều gì, muốn nói cho người khác biết nhưng không sao diễn tả được. Người đó do dự, không biết phải làm thế nào nên đành phải nhẫn nhin, **đấy gọi là Nhẫn địa.** Đây là địa vị thứ ba trong gia hạnh.

Kinh văn:

Số lượng đều tiêu diệt, mê, giác và trung đạo, cả hai đều chẳng có gì, gọi là Thế đệ nhất địa.

Giảng giải:

Trong phần hồi hướng thứ mười, giới trong pháp giới đã diệt. Đến đây thì cả số và lượng đều diệt. Điều đó có nghĩa gì? Cũng như con số không (0) vậy. Trước, tôi có nói về số không. Tức, chẳng có số nào. Đến khi ấy thì **mê, giác và trung đạo, cả hai đều chẳng có gì.** Hoàn toàn rõ ràng. Một khi đã là không thì chẳng còn danh ngôn gì để nói đến. Con số không có nghĩa chẳng còn có gì. Số không ở đây là linh tự, là mẫu thể của vạn vật. Thực ra, cũng chẳng có tên mẫu thể, chỉ tạm gọi là vậy.

Đến đây thì chẳng có gì là mê, cũng chẳng có gì là giác đối với Trung đạo. Mặc dù giai đoạn này không có danh ngôn, nhưng chúng ta cũng có thể đặt để tên gọi gì đó, và kinh **gọi là Thế đệ nhất địa.** Thế thứ nhất vì không có vị thứ hai. Đây là gia hạnh cuối trong bốn gia hạnh.

---o0o---

THẬP ĐỊA

Kinh văn:

A Nan, thiện nam tử đó khéo thông suốt đạo Đại Bồ đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tột cảnh giới của Phật, gọi là Hoan hỉ địa.

Giảng giải:

A Nan, thiện nam tử đó khéo thông suốt đạo Đại Bồ đề. “Thiện tri thức” là Bồ tát đã đạt được địa vị Thế đệ nhất. Mặc dù căn bản nói là đã thành tựu Đại Bồ đề, nhưng thực ra thì vẫn chưa được vậy. **Chỗ giác ngộ thông với Như Lai.** Sự giác ngộ của thiện tri thức đó là Như Lai, Như Lai là giác ngộ. Giác ngộ của họ cũng đồng với giác ngộ của Như Lai. Các vị ấy có thể gọi là Như Lai khi họ chứng giác với con số không. Và số không là chẳng có thứ gì, cũng chẳng vướng mắc điều gì.

Cùng tột cảnh giới của Phật. Chân không là trạng thái hoàn toàn trống rỗng, chẳng có gì cả. Nhưng khi tiến đến cảnh giới Phật, chân không ấy sẽ sinh ra diệu hữu. Diệu hữu ấy là hoan hỉ. “*Ồ! Thì ra căn nguyên là như thế đây!*”. “*Trước kia tôi không biết, nay mới nhận ra*”. Đây **gọi là Hoan hỉ địa.**

Kinh văn:

Tính khác dung nhập với đồng, tính đồng cũng diệt, gọi là Ly cấu địa.

Giảng giải:

Trong phần Hoan hỉ địa vẫn còn tính đồng hiện hữu, mặc dù là không nêu rõ. Nhưng đến khi **tính khác dung nhập với đồng** thì trở thành duy nhất, mặc dù căn và trần hòa hợp, nhưng căn vẫn tồn tại. Khi tiến đến địa thứ hai thì **tính đồng cũng diệt.** Địa thứ hai là Ly cấu địa, có nghĩa là tách rời khỏi vô minh. Về căn bản, đến lúc này vô minh không còn nhiều, vì tánh giác ngộ của họ cũng như Phật. Một chút trước nhiệm còn vương lại. Nay, khi tính đồng cũng diệt thì họ dễ dàng tiến đến Phật. Đó là sự trở về căn cội, trở về với tánh của Như Lai Tạng, là kho báu đầy ánh sáng, đây **gọi là Ly cấu địa.** Hoan hỉ là một loại trước nhiệm, chẳng hạn như cảm xúc ưa thích,

nhưng đến địa thứ hai này thì mọi trước nhiệm đó đều vất sang bên, riêng đối với vô minh vẫn chưa hoàn toàn dứt hẳn.

Kinh văn:

Thanh tịnh cùng tột, sinh ra sáng suốt, gọi là Phát quang địa.

Giảng giải:

Bồ tát ở địa thứ nhất không biết tình trạng của Bồ tát ở địa thứ hai, Bồ tát địa thứ hai không biết tình trạng địa thứ ba. **Thanh tịnh cùng tột, sinh ra sáng suốt.** Trong phân ly cấu địa, mặc dù xa lìa trần cấu song vẫn còn trước nhiệm. Chỉ khi dứt hẳn cả ý nghĩa ly (lìa bỏ) thì mới thật trong sạch. Ví như lau nhà cho sạch, khi chúng ta còn đang lau dọn thì chưa thể gọi là sạch.

Khi được hoàn toàn thanh tịnh thì ánh sáng hiện khởi, do đó địa thứ ba gọi là **Phát quang địa.**

Kinh văn:

Sáng suốt cùng tột, giác trí viên mãn, gọi là Diệm tuệ địa.

Giảng giải:

Sáng suốt cùng tột, giác trí viên mãn. Sự sáng cùng tột và tính giác ngộ viên mãn. Đây gọi là **Diệm tuệ địa.** “Diệm” là diễn tả trí tuệ sáng rực như ngọn đuốc.

Kinh văn:

Tất cả cái đồng, cái khác đều chẳng đến được, gọi là Nan thắng địa.

Giảng giải:

Tất cả cái đồng, cái khác đều chẳng đến được. Đến địa vị thứ năm này, mọi sự đều là đồng. Có điều Bồ tát không phân biệt được giữa đồng và dị. Về căn bản, chẳng có gì là đồng, là dị cả. Đây gọi là **Nan thắng địa,** là hành vị không ai có thể vượt hơn được, đây là một trong những cảnh giới của Bồ tát tiến đến quả vị Phật.

Đó có phải là trường hợp một vị Bồ tát tu hành đến Nan thắng địa? Đúng là như vậy. Nhưng đó không phải là một vị Bồ tát duy nhất. Có hàng triệu, hàng tỷ Bồ tát khác cũng được địa vị như vậy. Chẳng hạn như có ai đó thi đỗ Tiến sĩ, thì đó đâu phải là một người duy nhất. Có cả triệu người đỗ đạt như vậy...Có thể nói, các Bồ tát nhiều hơn cát sông Hằng đã chứng đạt các hành vị ấy.

Kinh văn:

Bản tính thanh tịnh vô vi, chân như hiện rõ, gọi là Hiện tiền địa.

Giảng giải:

Bản tính thanh tịnh vô vi, chân như hiện rõ. Nói vô vi song vẫn chưa dứt hẳn hữu vi. Chân như là chỉ tánh của Như Lai Tạng, đây là Nhất chân pháp giới. Với vô vi, tất cả mọi chân như đều là như thị, là chân thật. Tánh cực thanh tịnh và hoàn toàn sáng rõ. Địa thứ sáu này **gọi là Hiện tiền địa**. Đây là sự hiển lộ tự tánh của Bồ tát.

Kinh văn:

Tột cùng bờ bến chân như, gọi là Viễn hành địa.

Giảng giải:

Chân như là vô giới hạn, không có biên tế, vậy tại sao kinh nói đến điều ấy: **Tột cùng bờ bến chân như**. Tột cùng ở đây là hàm ý rất xa xôi, vô cùng tận, không làm sao hiểu được.

Chân như không có giới hạn, nó bao hàm cả mười phương pháp giới và các chúng hữu tình. Vậy giới là gì? Có cái gì vượt xa hơn pháp giới? Không có gì cả. Vậy nên kinh nói: “*Tột cùng bờ bến Chân như*”. Thật xa xôi vô cùng! Vậy bao xa? Có ai biết? Chúng ta có thể **gọi là Viễn hành địa**. Người bình thường không thể đến đó. Chỉ có Bồ tát ở địa vị thứ bảy mới đi xa được như thế.

Kinh văn:

Một tâm chân như, gọi là Bất động địa.

Giảng giải:

Một tâm chân như là nhất chân pháp giới. Trên có nói tâm là Phật, Phật là tâm. Ở đây, chân như là tâm và tâm là Phật. Không có sự phân biệt giữa chân như và tâm. Khi chân như vô giới hạn thì tâm Bồ tát cũng không có giới hạn. Khi tâm không giới hạn thì Bồ tát đi đâu? Chẳng đi đâu cả. Do đó, nên **gọi là Bất động địa**. Bất động tại Bồ đề đạo tràng nhưng thật sự là biến khắp pháp giới. Đây gọi là địa thứ tám.

Kinh văn:

Phát cái dụng chân như, gọi là Thiện tuệ địa.

Giảng giải:

Tại địa thứ tám, chân như và tâm là một, đây gọi là Bất động địa. Nhưng nếu như chỉ bất động, không có hành động thì thành ra vô dụng. Tuy nhiên, tự chân như lại khởi lên tác dụng. Vậy cái dụng của chân như là gì? Cái dụng ấy lớn lao vô cùng, gọi là Đại dụng. Nếu nó ít ỏi, nhỏ nhoi, thì chỉ là Tiểu dụng. Đại dụng của chân như là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, nó cũng thường bất biến tùy duyên, thường tùy duyên bất biến, cái đại dụng ấy là tác dụng của trí tuệ. Do vậy nên **phát cái dụng chân như, gọi là Thiện tuệ địa**. Đây là địa thứ chín, trí tuệ hoàn toàn chân thật.

Kinh văn:

A Nan, các Bồ tát đó, từ đây về trước, công hạnh tu tập đã xong, công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu tập địa.

Giảng giải:

A Nan, ông nên biết **các Bồ tát đó, từ đây về trước, công hạnh tu tập đã xong**. Từ khởi đầu – càn tuệ địa, cũng gọi là Sơ tâm kim cang, đến địa thứ chín, tổng cộng bốn mươi bốn hạnh vị. Bồ tát đến giai đoạn này thì việc tu tập đã xong, **công đức viên mãn**, như vậy, họ sắp thành Phật, nên **cũng gọi địa này là Tu tập địa**.

Kinh văn:

Bóng từ, mây diệu trùm bề Niết bàn, gọi là Pháp vân địa.

Giảng giải:

“Diệu” và “từ” đều là pháp. Bóng và mây che phủ tượng trưng tâm ảnh hưởng của pháp lan khắp. **Bóng từ, mây diệu trùm bề Niết bàn**, che

phủ tất cả chúng sinh. Mọi năng lực của các Phật và Bồ tát đều xuất phát từ biển Niết bàn, đây cũng gọi là địa thứ mười, **gọi là Pháp vân địa.**

---o0o---

ĐẰNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC

Kinh văn:

Như Lai ngược dòng trở lại, vị Bồ tát đó thuận dòng đi tới, giác ngộ chỗ giao tiếp nhau, gọi là Đẳng giác.

Giải thích:

Như Lai ngược dòng trở lại. Có nghĩa Như Lai sắp thành Phật, nhưng vì thương xót chúng sinh nên quay trở lại thế gian. Từ địa vị Phật, các Ngài trở lại con đường Bồ tát, hành Bồ tát đạo, đó là ngược dòng, và **vị Bồ tát đó thuận dòng đi tới.** Bồ tát xuôi theo dòng. “Dòng” là diễn tiến từ địa vị phàm phu đến vị A-la-hán, đến Bồ tát, hướng đến quả vị Phật. Đến quả vị này thì các vị ấy thực sự giao tiếp với Phật, **giác ngộ chỗ giao tiếp nhau.** Giác ngộ của Phật và giác ngộ của Bồ tát tiếp xúc nhau, đây **gọi là Đẳng giác.** Các Bồ tát cùng bình đẳng với Phật, nhưng các vị ấy cũng chưa đạt diệu giác. Giác ngộ của họ cũng như Phật, nhưng ở địa vị này vẫn còn chút vô minh, họ phải diệt dứt mới thành Phật.

Khi có người tự xưng là Phật, tôi hỏi: “*Ông từ đâu đến? Ông đi theo đường nào?*”. Nếu họ không biết danh xưng hành vị thứ nhất, hành vị thứ hai, hành vị thứ ba, vậy làm sao đến được địa vị Phật? Nhưng họ có khả năng, trình độ đầy chứ? Cho dù họ có tiến nhanh hơn tên lửa, tôi vẫn chắc là họ không đến được vị Phật. Tại sao? Vì họ không phải là Phật nhưng lại xưng là Phật. Vậy lời nói đó thật hay dối? Họ không tu, không hành theo Phật đạo, sao lại nói mình là Phật. Thế, sao có người tu hằng mấy mươi năm vẫn không thành Phật? Có thể, những người xưng là Phật, họ cũng có được vài khả năng hữu hiệu có tính khoa học...

Kinh văn:

A Nan, từ tâm Càn tuệ đến Đẳng giác rồi, giác đó mới bắt đầu được Sơ càn tuệ địa trong tâm kim cang.

Giải:

A Nan, từ tâm Càn tuệ, tức Càn tuệ địa, hoặc còn gọi Kim cang sơ tâm, đến Đẳng giác rồi, giác đó mới bắt đầu được Sơ càn tuệ địa trong tâm kim cang. Ở càn tuệ địa trước đó, dục ái đã cạn kiệt, song vẫn chưa tương tiếp với pháp thủy của Như Lai. Đến giai đoạn này, càn tuệ địa – hoặc còn gọi Hậu tâm kim cang, đã phá xong vô minh, tức sinh tướng vô minh đã dừng, nhưng vẫn chưa hòa nhập với hải thủy vi diệu của Như Lai nên gọi là Sơ càn tuệ địa. Đây là bước cuối cùng tu tập của Bồ tát.

Kinh văn:

Như vậy lớp lớp tu đơn, tu kép mười hai vị mới cùng tột Diệu giác, thành đạo Vô thượng.

Giải:

Như vậy lớp lớp tu đơn, tu kép mười hai vị.

Bảy loại tu đơn:

1. Sơ càn tuệ
2. Noãn
3. Đỉnh
4. Nhẫn
5. Thế đệ nhất
6. Đẳng giác
7. Diệu giác

Có năm nhóm tu kép:

1. Thập tín
2. Thập trụ
3. Thập hạnh
4. Thập hồi hướng
5. Thập địa

Cả hai nhóm hợp thành mười hai bậc. Có năm mươi bốn bậc từ Càn tuệ đến Đẳng giác. Hoặc có người tính Sơ càn tuệ của Hậu tâm kim cang, thành ra năm mươi lăm vị, nhưng thực ra Càn tuệ địa cũng đồng với Đẳng giác vậy.

Cùng tột Diệu giác, thành đạo Vô thượng. Các Bồ tát đã đạt đến cứu cánh Diệu giác, thành tựu Phật đạo vô thượng.

Kinh văn:

Các thứ địa ấy, đều lấy trí kim cang quán sát mười loại ví dụ như huyễn sâu xa, trong Xa ma tha, dùng các pháp Tỳ bà Xá na của các Đức Như Lai mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt đi sâu vào.

Giải thích:

Các thứ địa ấy, đều lấy trí kim cang quán sát mười loại ví dụ như huyễn sâu xa. Đây là các hành vị đã diễn giải qua, từ Càn tuệ địa của Sơ tâm kim cang đến Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và bốn loại gia hạnh. Các vị ấy dùng tâm kim cang quán sát. Quán sát mọi thứ đều như huyễn. “Hyển” là thật, nhưng không đúng với sự thật.

Như đoạn diễn giải sau:

Tu tập muôn hạnh như hoa đóm giữa hư không

Ngôi tại đạo tràng như trăng trong bóng nước

Hàng phục ma quân như ảnh hiện trong gương

Hành đại Phật sự khác nào cơn mộng寐.

Dùng trí quán sát mười loại ví dụ sâu xa, gồm:

1. Quán nhất thiết nghiệp như huyễn
2. Quán nhất thiết pháp như diễm (ngọn lửa)
3. Quán nhất thiết thân như thủy trung nguyệt (Trăng trong đáy nước)
4. Quán Diệu sắc như không trung hoa (Hoa đóm giữa hư không)
5. Quán Diệu âm như không cốc thanh (Tiếng vang trong hang động)
6. Quán chư Phật quốc độ như Càn thất bà thành (Tòa thành ảo hóa)
7. Quán Phật sự như mộng
8. Quán Phật thân như ảnh

9. Quán Báo thân như kính trung tượng (Ảnh trong gương)
10. Quán Pháp thân như huyễn hóa.

Quán sát tất cả những điều đó là giả tạo, là không hiện thực, có được vậy thì chúng ta mới được tự chủ.

Trong Xa ma tha, dùng các pháp Tỳ bà Xá na của các Đức Như Lai mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt đi sâu vào. Xa ma tha có nghĩa là Chi, Tỳ bà xá na là Quán. Đây là những pháp môn tu thiền định để tiến sâu vào sự chứng ngộ thanh tịnh.

Kinh văn:

A Nan, như vậy đều dùng ba tiệm thứ tăng tiến, nên khéo thành tựu năm mươi lăm vị trong đường Bồ đề chân thật.

Giảng giải:

Ba loại tiệm thứ cũng đã giảng giải qua, đó là:

1. Trừ trợ nhân
2. Khô chính tính.
3. Vi hiện nghiệp.

Năm mươi lăm vị trong đường Bồ đề

1. Thập tín
2. Thập trụ
3. Thập hạnh
4. Thập hồi hướng
5. Tứ gia hạnh
6. Thập địa
7. Đẳng giác

Kinh văn:

Cách quán như vậy gọi là chính quán, nếu quán cách khác, gọi là tà quán.

Giảng giải:

Cách quán như vậy gọi là chính quán. Nếu quý vị xem ba cõi như hoa giữa hư không, xem Phật sự như mộng mị và tu hành ba loại tiêm thứ tăng tiến, quý vị sẽ được chính định. Nếu dùng tâm kim cang quán sát, quán chiếu vi mật xuyên suốt năm mươi lăm hành vị - đây là pháp tu bất sinh bất diệt. **Nếu quán cách khác, gọi là tà quán.** Nếu không tu theo pháp môn như vậy, không quán theo đúng đạo pháp mà tu theo pháp sinh diệt, đây gọi là tà quán, là pháp tu không chính đáng.

---o0o---

TÊN KINH

Kinh văn:

Lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật và thưa với Phật: “Nên gọi kinh này là gì? Con và chúng sinh phải phụng trì thế nào?”.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật và thưa với Phật. Bồ tát Văn Thù nêu câu hỏi: **“Nên gọi kinh này là gì? Con và chúng sinh phải phụng trì thế nào?”.** Bạch Đức Thế Tôn, phải gọi tên kinh này là gì? Chúng con và các chúng sinh phải phụng trì pháp môn vô thượng này như thế nào?

Kinh văn:

Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: Kinh này tên là Đại Phật Đỉnh Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Bảo Ấn. Thập phương Như Lai thanh tịnh Hải Nhân.

Giảng giải: Tát Đát Đa Bát Đát La

Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: Kinh này tên là Đại Phật Đỉnh Tát Đát Đa Bát Đát La Vô Thượng Bảo Ấn. Đây là vô kiến đỉnh, từ nhục kế phóng ra hào quang báu. **Tát Đát Đa Bát Đát La,** là Đại bạch tán cái. Không có gì cao cả và đáng tôn quý hơn **Vô Thượng Bảo Ấn.** “Bảo Ấn” có nghĩa là vua pháp, là Đức Phật. Danh xưng đầu tiên nói đến là chú Lăng Nghiêm cao cả. Và bản kinh cũng còn gọi là **Thập phương Như Lai thanh tịnh Hải Nhân.** Đây là trí tuệ thanh tịnh. “Nhân” (mắt), tượng trưng trí tuệ.

Kinh văn:

Cũng gọi tên là Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan, Cập Thử Hội Trung Tính Tỳ Kheo Ni, Đắc Bồ Đề Tâm, Nhập Biến Tri Hải.

Giảng giải:

Cũng gọi tên là Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan. Đức Phật và Ngài A Nan có quan hệ anh em chú bác. Phật đã cứu A Nan khỏi tay của Ma Đăng Già Nữ, Ngài còn cứu độ cả Tính Tỳ Kheo Ni tại Hội chúng. Tính Tỳ Kheo Ni tức Ma Đăng Già nữ. Tại Hội chúng, nàng ấy đã đạt ngay quả vị A la hán. **Đắc Bồ Đề Tâm, Nhập Biến Tri Hải.** Cả hai cùng chứng ngộ Bồ đề. “Chính tri” có nghĩa tâm sinh ra vạn pháp. “Biến tri” là vạn pháp duy tâm. Thường gọi chúng là chính biến tri – đây là một danh hiệu Phật.

Kinh văn:

Cũng gọi tên là Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa.

Giảng giải:

Cũng gọi tên là Như Lai Mật Nhân. Đây là tên gọi khác, chỉ tất cả pháp môn bí mật của Như Lai. Xuất phát từ sự **Tu Chứng Liễu Nghĩa** của Phật. Tu hành và chứng quả vị triệt đế. Đây là tên gọi khác của bản kinh này.

Kinh văn:

Cũng gọi tên là Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú.

Giảng giải:

Cũng gọi tên là Đại Phương Quảng. Đây là pháp, là Đại pháp, nó biến khắp mười phương đến vô cùng tận. **Diệu Liên Hoa Vương,** như là

kinh Lăng Nghiêm. **Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú**, tức là chú Lăng Nghiêm. Đà la ni (Dharani) là từ Sanskrit, có nghĩa Tổng trì, tổng nhiếp và chấp trì vô lượng Phật pháp. Còn có nghĩa khác là giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Giữ thân không được sát sinh, trộm cắp, tà dâm; tâm không tham, sân, si; miệng không nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi hoặc mắng chửi; xa lánh mười loài quỷ dữ.

Kinh văn:

Cũng gọi tên là Quán Đỉnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

Giảng giải:

Thủ Lăng Nghiêm. Thủ là trước tiên, thứ nhất và là pháp kiên cố. **Quán Đỉnh Chương Cú**, tức là chú Lăng Nghiêm. Nếu quý vị tụng đọc, mọi nghiệp chướng của quý vị sẽ mau chóng diệt dứt, và đạt được trí tuệ. Ngài A Nan từng lên tiếng khen ngợi:

Chú Đà la ni vi diệu sâu xa

Thủ Lăng Nghiêm vương, hiếm thấy trong đời

Mọi tướng đảo điên kết tập từ bao kiếp

Đã tức thì tan biến.

Liên chứng ngộ pháp thân,

Không phải trải qua A Tăng Kỳ vô hạn.

Tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị sẽ được các Phật, Bồ tát ngân đến làm pháp quán đỉnh, khai đại trí tuệ, không cần thiết phải trải qua ba Đại A Tăng Kỳ kiếp mới chứng ngộ pháp thân.

Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, như đã trình bày trong nội dung kinh.

Kinh văn:

Các ông nên phụng trì.

Giảng giải:

“A Nan, ông phải nương theo pháp này mà tu tập”. Các ông nên phụng trì.

Kinh văn:

Phật nói lời ấy xong, liền khi đó, Ngài A Nan và cả đại chúng được nhờ Đức Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát đát la, lại được nghe những tên gọi liễu nghĩa của kinh này.

Giảng giải:

Phật nói lời ấy xong, sau khi Phật giảng giải: xong tên kinh, liền khi đó, Ngài A Nan và cả đại chúng được nhờ Đức Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn. Mọi người cùng được nghe Đức Như Lai giảng giải về mật ấn Bát Đát La. Bát đát la là Đại bạch tán cái. Đây là ý nghĩa vi diệu triệt để. Lại được nghe những tên gọi liễu nghĩa của kinh này. Đây là những danh mục có ý nghĩa đầy đủ, trọn vẹn và tối thắng.

Kinh văn:

Liền ngộ được diệu lý tăng thượng đề tu tiên vào các thánh vị trong thiên na, tâm niệm rộng không đứng lặng.

Giảng giải:

Liền ngộ được diệu lý tăng thượng đề tu tiên vào các thánh vị trong thiên na. “Thiên na” (Dhyana) có nghĩa Tĩnh lự. “Liền ngộ”, tức thì chứng ngộ, ngộ rất nhanh chóng. “Thánh vị”, địa vị thù thắng, quả vị Phật. Tại Hội chúng, mọi người đều được khai sáng trí tuệ. Tâm niệm rộng không đứng lặng, chẳng còn vọng tưởng gì trong tâm và cùng đạt được Như Lai tạng tính, tức cảnh giới bất khả tư nghị.

Kinh văn:

Ông đoạn trừ sáu phẩm vi tế phiền não trong tư hoặc tam giới.

Giảng giải:

Đến khi ấy, A Nan đã chứng được quả vị thứ hai của A-la-hán, Ông đoạn trừ sáu phẩm vi tế phiền não trong tư hoặc tam giới. A Nan đã dứt trừ mọi vọng tưởng, đến đây thì ông đoạn trừ sáu loại tư hoặc đầu trong tam giới. Có tất cả tám mươi một loại tư hoặc, gồm chín địa (Dục giới, Tứ Thiên, Tứ vô sắc) trong tam giới, ở mỗi địa lại có chín phẩm. “Vi tế” có nghĩa nhỏ

nhiệm, ẩn khuất trong tự tính, rất khó nhận biết, nhưng ngài A Nan cũng đã đoạn dứt.

---o0o---

THẤT PHẬN

Kinh văn:

Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, chấp tay cung kính mà thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn có uy đức lớn, phát ra từ âm không ngăn ngại, khéo khai ngộ những sai lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sinh, khiến chúng con ngày nay thân tâm khoan khoái, được lợi ích lớn.

Giảng giải:

Đoạn, A Nan **liền từ chỗ ngồi đứng dậy**, vì ông nghe Phật giảng dạy và đã đoạn dứt mọi vọng tưởng nhỏ nhiệm, nên **đánh lễ nơi chân Phật, chấp tay cung kính mà thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn có uy đức lớn, phát ra từ âm không ngăn ngại**. “Đại uy” khuất phục các chúng sinh. Có rất nhiều chúng sinh rất ngang bướng, ương ngạnh; họ không tin những gì quý vị nói với họ. Họ không tin nhân quả, không tin luân hồi hay chuyện tái sinh. Do đó, Đức Phật đã khéo léo vận dụng uy đức – uy là để khuất phục, trấn áp, và đức là để hội tập. Đoạn này nói về hai phương diện: khuất phục và hội tập. Hội tập các chúng có lòng tin và sẵn lòng tiếp thu giáo lý. Còn cái đức cũng giống như nam châm hút sắt, tượng trưng các chúng hội tụ tại một nơi. Tiếng nói của Phật là từ âm có công năng vô hạn, không gì có thể ngăn trở, chướng ngại. Phật **khéo khai ngộ những sai lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sinh**. Có những vọng tưởng nhỏ nhiệm rất khó nhận biết, và Đức Phật đã chỉ rõ ra điều ấy, **khiến chúng con ngày nay thân tâm khoan khoái**. Mọi người cảm thấy rất vui, rất đổi hoan hỉ, **được lợi ích lớn**.

Kinh văn:

Bạch Thế Tôn, nếu cái chân tâm diệu minh trong sạch nhiệm màu, bản lai cùng khắp, như vậy, cho đến bản tính chân như của đất đai, cây cỏ, các loài máy động, tức là chân thể thành Phật của Như Lai.

Giảng giải:

Bạch Thế Tôn, nếu cái chân tâm diệu minh trong sạch nhiệm màu, biến khắp pháp giới, không đâu là không có. Bản lai cùng khắp, như vậy, cho đến bản tính chân như của đất đai, cây cỏ, các loài máy động. “Đất đai, cây cỏ” được xem là các chúng vô tình. “Các loài máy động” là những sinh vật nhỏ thuộc giới hữu tình. Các loài này có ít nhận thức, chúng có thể hoạt động, nhưng không xa, và nhận thức thì hoàn toàn hạn hẹp. Tất cả đều là chân thể thành Phật của Như Lai.

Kinh văn:

Thế tính Phật đã là chân thật, làm sao lại có các đường địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, tu la, loài người, trời. Bạch Thế Tôn, những đường đó lại là bản lai tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sinh khởi ra?

Giảng giải:

Thế tính Phật đã là chân thật, làm sao lại có các đường địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, tu la, loài người, trời. Phải giải thích thế nào về các đường hiện hữu ấy? Bạch Thế Tôn, những đường đó lại là bản lai tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sinh khởi ra? Có sáu nẻo luân hồi luôn hiện hữu, hoặc là do chúng sinh tạo ra? Chúng con thật không biết được.

Kinh văn:

Bạch Thế Tôn, như Bảo Liên Hương Tỳ kheo Ni, giữ giới Bồ tát, lén lút làm việc dâm dục, lại nói càn rằng việc hành dâm không phải giết người, không phải trộm cắp, không có nghiệp báo. Phát ra lời ấy xong, trước hết nơi nữ căn sinh ra ngọn lửa lớn, sau đó từng đốt từng đốt bị lửa dữ đốt cháy, sa vào ngục vô Gián.

Giảng giải:

“Tại sao con nói là không biết về sáu con đường?” (Lục đạo). Và A Nan tiếp tục: “Bạch Thế Tôn, như Bảo Liên Hương Tỳ kheo Ni, giữ giới Bồ tát, lén lút làm việc dâm dục, lại nói càn rằng việc hành dâm không

phải giết người, không phải trộm cắp". Tỳ kheo Ni này đã thọ Bồ tát giới, nhưng bà ta không giữ giới. Bà đã lén lút hành dâm. Sau việc ấy quý vị đoán xem bà ấy nói gì? Bà dùng lời bào chữa, và đã nói dối. Bà cho rằng việc dâm ấy không phải là giết người hay trộm cắp. Đây là việc vui thú giữa hai người nam nữ. Điều đó có gì là tội? Mặc dù Đức Phật khuyên chúng ta nên dằn lòng kiềm chế, nhưng tôi nghĩ không cần thiết phải nén lòng như vậy. Nó không thành vấn đề. Đó không phải là trọng tội. Sao lại coi việc nam nữ giao hoan lại là sai lầm? Đây là lý lẽ bà dùng để biện giải – mạnh mẽ và dứt khoát như thế. Bà nói việc dâm ấy **không có nghiệp báo**. Việc dâm ấy, "*có nhiều người thích. Hơn nữa, chẳng có vấn đề gì*". Bà ta thực sự tán thành sự ham muốn dâm dục. Bà ta là một Tỳ kheo Ni, nhưng lại là một người khích dục.

Phát ra lời ấy xong, trước hết nơi nữ căn sinh ra ngọn lửa lớn, sau đó từng đốt từng đốt bị lửa dữ đốt cháy. Chẳng có vấn đề gì sao? Nữ căn của bà ta bốc cháy. Quả thật là kinh khủng. Tôi tin là bà ấy bị thiêu đốt tất sẽ kêu thét dữ dội. Bà sẽ không còn biện bác là hành động của mình không phạm giới. Lửa bốc cháy từ âm căn sẽ cháy lan tỏa khắp cả châu thân. Đây là vì khi nam nữ hành dâm, cảm giác khoái lạc giữa cả hai sẽ lan khắp người. Cả hai hành lạc như vậy, họ không ý thức rằng sự phóng túng ấy sẽ nhanh chóng đưa họ đến chỗ chết. Và nó đã thực sự xảy đến. Khi lao vào tình trạng ấy, cả hai đã tự đánh mất đi chính mình, lúc ấy hầu như họ muốn chết – cả người nam và người nữ. Chết cách nhanh chóng cũng hay – họ cảm thấy như vậy. Nhưng họ lại sa vào địa ngục, nhanh chóng biến vào địa ngục. Vị Tỳ kheo Ni kia bốc cháy vì tham dục cũng là một loại lửa – đó là "lửa dục". Một loại lửa không có dụng cụ hoặc loại nước nào có thể dập tắt. Tại sao? Vì lửa ấy bắt nguồn từ sự tham dục sâu nặng tự chính thân tâm của bà ta.

Và điều gì sẽ xảy đến với người ấy? Chẳng có con đường nào khác, bà ta phải **sa vào địa ngục Vô Gián**. Trong ngục Vô gián không có thời gian dừng nghỉ, và không gian thì luôn kín kẽ, đây áp người ở nơi này. Mặt khác, chẳng ai biết mình sẽ chịu đựng hành hình đau khổ đến khi nào mới dứt. Sự đau đớn khổ sở ở đây là bất tận. Sống và chết liên tục nối tiếp nhau.

Khi bà Ni kia vào địa ngục, quý vị đoán xem bà phải chịu đựng gì? Có loài chim mỏ sắt, loài trùng mồm miệng rắn như sắt thép đưa nhau xâu xé, rút ria tay chân, xương thịt bà. Đặc biệt là những cơ quan nữ tính. Từng giờ, từng phút, chúng tấn công, cắn xé tội nhân cho đến chết. Khi ấy, ngọn gió lạnh thổi đến – đây là cơn gió đặc biệt của địa ngục – nó làm người chết

sống lại. Chỉ trong vòng một đêm, một ngày, bà phải trải qua mười nghìn lần sống chết như vậy. Cứ chết đi rồi sống lại, rồi lại chết đi...

Lại nữa, địa ngục này còn có những hình cụ đặc biệt dành cho những kẻ ham mê nhục dục. Đây là cột đồng – những cây cột nóng đỏ vì lửa nung trong trụ cột. Khi một người hiếu dâm đối diện những cột đồng ấy, họ lại thấy đó là cô gái đẹp, còn nữ thì thấy đó là người đàn ông. Khi họ nhào đến ôm chầm lấy thì tức khắc sẽ bị cột nung cháy người. Tại sao lại như vậy? Đây là vì nghiệp dâm của họ quá nặng, họ phải chịu bị trừng phạt như thế. Đó cũng là sự trừng phạt với Bảo Liên Hương Tỳ Kheo Ni. Bà phải trải nghiệm địa ngục ngay khi còn sống. Vậy, liệu bà có còn viện dẫn việc hành dâm koong phải là sát sinh, trộm cướp, nên không bị trừng phạt? Khi bà bắt đầu chịu đựng trừng phạt thì cũng đã quá muộn rồi. Bà không đủ thời gian để hối tiếc. Sự việc ấy xảy ra khi Phật còn tại thế. Đó là một Tỳ Kheo Ni không giữ giới. Không phải ngày nay mới có vài Sư cô phạm giới, mà là vào thời Đức Phật cũng đã xảy ra rồi.

Kinh văn:

Như Đại vương Lưu Ly, Tỳ kheo Thiện Tinh, Lưu Ly vì giết họ hàng Cù đàm, Thiện Tinh vì nói càn tất cả các pháp là rỗng không, nên thân sống sa vào địa ngục A Tỳ.

Giải thích:

Như Đại vương Lưu Ly, Tỳ kheo Thiện Tinh, Lưu Ly vì giết họ hàng Cù đàm. Vua Lưu Ly và Đức Phật có quan hệ thân tộc, nhưng thực sự không phải như vậy. Cha của vua Lưu Ly trước đó là vua xứ Xá Vệ, ông ta muốn kết hôn với tộc Cù Đàm. Người trong thị tộc Cù Đàm thấy mình cao quý hơn nên không muốn gả con, nhưng thế lực xứ Xá Vệ rất mạnh. Người họ Thích bèn đánh tráo người hầu gái, gả cho vua Xá Vệ, sau đó sinh ra Thái tử Lưu Ly.

Lúc Lưu Ly còn trẻ, một lần ông về ngoại, thấy ngôi điện của Phật vừa xây xong, pháp tòa rất trang nghiêm cũng vừa hoàn thành. Ông ta bèn tự tiện ngồi vào. Người nhà họ Cù Đàm bèn mắng: “*Người là con của hạng nô tỳ, tại sao dám ngồi vào chỗ của Phật?*”. Lưu Ly rất tức giận, bảo tên hầu: “*Sau khi ta làm vua, hãy nhắc cho ta nhớ mối nhục này*”.

Sau khi Lưu Ly làm vua, tên hầu nhắc lại chuyện cũ, nên vua Lưu Ly dẫn quân về thăm sát cả tộc Cù Đàm.

Đại đức Mục Kiền Liên biết việc ấy bèn đến xin Phật cứu độ, Phật lặng thinh không đáp. Mục Kiền Liên bèn ôm bát vào thành, dùng thần lực đưa năm trăm người thị tộc Cù Đàm vào bình bát và bay lên trời. Khi quân đội vua Lưu Ly rút khỏi thành, Đại đức mang bình bát đến trước Phật, định gọi mọi người bước ra, nhưng khi nhìn vào bình thì chỉ thấy toàn là máu. Đức Phật bảo: “*Định nghiệp đã vậy, sức ông không cứu độ được đâu. Chính ta cũng phải chịu đau đầu ba ngày rồi!*”. Ngoài nguyên nhân dẫn đến việc thảm sát tộc Cù Đàm như vừa thuật, Đức Phật còn giải thích cho Đại đức nghe về nhân duyên của sự việc.

Trước đây rất lâu xa, trong thành La Phiệt có một cái đầm, rất nhiều cá. Đa số cư dân nơi ấy sống bằng nghề đánh cá. Đến ngày nọ, trời khô hạn, trong đầm chỉ còn lại có hai con cá chúa – một con là Phu, một con tên là Đa Thiệt. Cả hai con đều bị bắt lên bờ. Lúc ấy có một cậu bé cầm que gỗ vào đầu cá ba cái. Về sau, những ngư dân ấy đều là người họ Thích ngày nay. Con cá Phu khu xưa chính là vua Lưu Ly. Cá Đa Thiệt là gã hầu tướng của vua Lưu Ly, còn cậu bé chính là tiền thân của ta (Tức là Đức Thích Ca). Nhân quả báo ứng rất hiển nhiên, không sao tránh khỏi được.

Tỳ kheo Thiện Tinh luôn tuyên dương kiến thức và những quan điểm sai lạc của mình. Khi nói pháp, ý kiến của ông hoàn toàn trái với lời Phật dạy. Chẳng hạn, Phật cấm sát sinh thì ông ta nói: “*Chẳng cần phải vậy. Tại sao tránh sát sinh chứ? Sự sống chết của chúng sinh liên tục nối tiếp nhau, có vài loài đặc biệt để cho con người ăn thịt. Nếu không ăn thì lấy gì để sống?*”. Nguyên, Tỳ kheo Thiện Tinh xuất gia theo Phật, nhưng sau đó ông ta đâm ra bất đồng với Phật. Tất cả lời Phật dạy, ông ta đều nghi ngờ và tìm cách lôi kéo nhiều thầy tu khác theo mình. Họ tin tưởng ông ta: “*Đúng! Sát sinh thì có tội gì?*”. Giống như trường hợp Sư cô Bảo Liên Hương. “*Chúng ta làm những việc cần làm, đó đâu phải là trộm cắp. Nếu chúng ta có được những thứ gì đó thì chúng ta đâu cần phải hành động. Nhưng nếu không làm những điều cần thiết thì chúng ta có được gì trong đời?*”. Đó là ông ta nói về trộm cắp. Ông chống lại năm giới căn bản của nhà Phật. **Thiện Tinh vì nói cần tất cả các pháp là rỗng không.** Ông ta cả quyết: Tất cả mọi sự việc đều như vậy. Chẳng có gì là nghiệp. Ông nói nghiệp ư? Hãy mang ra cho tôi xem. Nó đâu có hiện hữu.

Nên thân sống sa vào địa ngục A Tỳ. Những người ấy không cần phải đến lúc chết mới vào địa ngục, như vua Lưu Ly, Tỳ kheo Thiện Tinh, Tỳ kheo Ni Bảo Liên Hương đã trải nghiệm địa ngục ngay khi đang sống. Và Ngài A Nan đã hỏi Phật về nhân duyên ấy.

Kinh văn:

Các địa ngục ấy là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên khi những người kia gây nghiệp thì mỗi người mỗi chịu riêng? Xin Phật rủ lòng đại từ, khai ngộ cho kẻ ngậy thơ, khiến cho tất cả chúng sinh trì giới, nghe được nghĩa quyết định, vui mừng tôn trọng kính cần giữ gìn không phạm?

Giảng giải:

Các địa ngục ấy là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên. Khi Tỳ Kheo Ni Bảo Liên Hương, Tỳ Kheo Thiện Tinh, vua Lưu Ly, cảm nhận thân sống sa vào địa ngục, Ngài A Nan bèn nhân đó hỏi Phật có phải địa ngục xác định tại một chỗ. **Khi những người kia gây nghiệp thì mỗi người mỗi chịu riêng?** Từng người một trong số ba người kia phải chịu trừng phạt theo nghiệp mình đã tạo. Ngoài ra, còn có những điều khó hiểu khác, chẳng hạn, địa ngục đã sắp đặt trước cho họ, hay do chính họ tạo ra? Địa ngục từ đâu đến? Sự liên hệ giữa tạo nghiệp và quả báo? Địa ngục như một nhà tù chung hay từng phần riêng biệt? **Xin Phật rủ lòng đại từ, khai ngộ cho kẻ ngậy thơ.** “*Con hoàn toàn không biết việc này*”. A Nan nói: “*Khi đến đây, con như một đứa bé ngậy thơ, khiến cho tất cả chúng sinh trì giới, nghe được nghĩa quyết định*”. Mong mọi người đều được nghe và phụng trì pháp Phật. Mong tất cả đều vui mừng tôn trọng kính cần giữ gìn không phạm giới hạnh thanh tịnh của Phật.

Kinh văn:

Phật bảo ông A Nan: Hay thay lời hỏi đó, khiến cho các chúng sinh không mắc vào tà kiến. Nay ông hãy chú ý lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói.

Giảng giải:

Khi Đức Phật nghe ông A Nan hỏi giúp các chúng sinh cách giữ giới, Ngài rất hoan hỉ. **Phật bảo ông A Nan: Hay thay lời hỏi đó, khiến cho các chúng sinh không mắc vào tà kiến.** Tránh không phải sa vào tà kiến, giữ gìn lấy chính kiến. **Nay ông hãy chú ý lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói.**

Kinh văn:

A Nan, tất cả chúng sinh, thực tính vốn chân tịnh, nhân những vọng kiến mà có tập khí hư vọng sinh ra, vì thế nên phân chia ra có phận trong, phận ngoài.

Giảng giải:

A Nan, tất cả chúng sinh, thực tính vốn chân tịnh, nhưng chân thể lại khởi vọng, sinh ra vô minh, từ vô minh sinh ra tà kiến. Nhân những vọng kiến mà có tập khí hư vọng sinh ra. Các tập khí tồn tại trong và ngoài hiện thể, vì thế nên phân chia ra có phận trong, phận ngoài.

Kinh văn:

A Nan, phận trong tức là ở trong phận của chúng sinh. Nhân các ái nhiễm mà sinh ra vọng tình, tình chứa mãi không thôi, có thể sinh ra ái thủy.

Giảng giải:

A Nan, phận trong tức là ở trong phận của chúng sinh. Thế nào là trong phận, là trong thân? Nhân các ái nhiễm mà sinh ra vọng tình. Đây là lòng ái dục và các pháp trước nhiễm, từ đó sinh ra vọng tình. Tình chứa mãi không thôi. Các tình tích tập ngày này qua ngày khác, tháng này đến tháng khác, dần nhiều đến độ không dừng được, và những tình ái ấy luôn hiện hữu, có thể sinh ra ái thủy.

Kinh văn:

Vậy nên chúng sinh, tâm nhớ thức ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra; tâm nhớ người trước đó, hoặc thương, hoặc giận thì trong mắt lệ tràn; tham cầu của báu thì trong tâm phát ra ái tiền, cả mình đều tron sáng; tâm dính vào việc dâm dục thì hai căn nam nữ, tự nhiên dịch khí rỉ ra.

Giảng giải:

Vậy nên chúng sinh, tâm nhớ thức ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra. Tại sao tâm ái nhiễm của chúng sinh, nếu tình cảm phát triển không dừng thì sinh ra ái thủy? (Dịch ham muốn). Trong thực tế có thể biết được điều này, chẳng hạn một người thích ăn ngon, khi nghĩ về món ăn ưa thích thì tự nhiên nước bọt chảy ra. Tâm nhớ người trước đó. Một người bạn, hoặc có quan hệ thân thuộc. Hoặc thương, hoặc giận thì trong mắt lệ tràn.

Người đã chết đi khiến mình cảm thấy thương tiếc, hoặc tức giận vì mất sớm, và nghĩ: “*Anh ấy là người tốt, tại sao lại chết sớm thế?*”. Thương hoặc giận đều khiến người nhớ đến phải chảy nước mắt. **Tham cầu của báu thì trong tâm phát ra ái tiên.** Người mơ mộng sang giàu thì trong tim phát ra ái tiên (chất dịch ham muốn), **cả mình đều trơn sáng; tâm dính vào việc dâm dục thì hai căn nam nữ, tự nhiên dịch khí rỉ ra.** Lòng ham thích, nghĩ tưởng việc hành dâm thì tinh dịch tự tiết ra.

Kinh văn:

A Nan, các loại tham ái đó tuy khác nhau, nhưng kết quả chảy nước là đồng, thấm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa đọa, đây gọi là phạm trong.

Giải thích:

A Nan, các loại tham ái đó tuy khác nhau, mặc dù có nhiều loại ái, nhưng kết quả chảy nước là đồng, sức quyến rũ của sự ham muốn là giống nhau. Nó **thấm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa đọa, đó là cam xúc sa đọa, đây gọi là phạm trong.**

Kinh văn:

A Nan, phạm ngoài tức là ngoại phạm của chúng sinh. Nhân các lòng ngưỡng mộ khát cầu, phát minh ra những vọng tưởng, tưởng chứa mãi không thôi, có thể sinh ra thắng khí.

Giải thích:

A Nan, phạm ngoài tức là ngoại phạm của chúng sinh. Nhân các lòng ngưỡng mộ khát cầu, phát minh ra những vọng tưởng. “Ngưỡng mộ, khát cầu” là một loại ái, yêu thích. “Vọng tưởng” là ý tưởng không thực, sai lạc. **tưởng chứa mãi không thôi, có thể sinh ra thắng khí.** Khi một người nghĩ tưởng về mọi khía cạnh, người ấy nghĩ tưởng từ ngày này qua ngày khác, cả từ kiếp trước đến đời này, đến đời sau. Sự nghĩ tưởng ấy không dừng nghĩ, như vậy sẽ làm thành dòng tưởng liên tục, tất sẽ sinh ra một loại khí thù thắng.

Kinh văn:

Vậy nên chúng sinh, tâm giữ giới cấm, cả mình nhẹ nhàng trong sạch; tâm trì chú ấn, mắt nhìn hùng dũng nghiêm nghị, tâm muốn sinh

lên cõi trời, chiêm bao thấy bay lên, để tâm nơi cõi Phật, thánh cảnh thâm hiện, thờ bậc thiện tri thức, tự khi rở thân mệnh mình.

Giảng giải:

Vậy nên chúng sinh, tâm giữ giới cấm, cả mình nhẹ nhàng trong sạch. Điều này có thể xảy ra với một số chúng sinh. “Cấm” là những việc không được làm. Giữ giới là để tránh không làm những điều xấu, ác, do ma quỷ xúi giục. Muốn không làm những điều không hay đó, quý vị phải giữ giới tại tâm. Tâm giữ giới, thân sẽ cảm thấy nhẹ nhàng, an ổn. **Tâm trì chú ẩn, mắt nhìn hùng dũng nghiêm nghị.** Tâm quý vị tụng trì bài chú trong số nhiều loại chú. “Ẩn” tức là tâm ẩn, lấy tâm truyền tâm, quý vị trì chú tất sẽ thấy có hiệu nghiệm. Một người chuyên trì chú thường có khí sắc mạnh mẽ, mắt nhìn nghiêm nghị và đầy năng lực, không sợ hãi điều gì. **Tâm muốn sinh lên cõi trời, chiêm bao thấy bay lên.** Trong giấc mơ, quý vị thấy mình bay vào hư không – đây là vì quý vị muốn lên trời.

Để tâm nơi cõi Phật, thánh cảnh thâm hiện, thờ bậc thiện tri thức, tự khi rở thân mệnh mình. Nếu quý vị muốn sinh vào cõi Diệu Hí, hoặc các quốc độ Phật khác, khi ấy cõi Tây phương Tịnh độ sẽ lẳng lẳng hiện ra ao bầy báu, và nước tám loại công đức, vô số bạch hạc, cò, vẹt, chim Ca lăng tân già (Kalavinka)...biết bao là cảnh kỳ diệu. Nhiều điều trước giờ quý vị không thấy, không biết, thì khi ấy sẽ thấy, biết. Quý vị có thể nhìn thấy thế giới Lưu Ly Đông Phương của Phật Dược Sư. Quý vị sẽ được phụng sự bậc thiện tri thức; được gần gũi và học tập các vị ấy. Và như vậy, quý vị sẽ thấy thân mệnh mình quá tầm thường, chẳng có gì là quan trọng đối với sự thờ phụng các thiện tri thức.

Kinh văn:

A Nan, các tư tưởng đó tuy khác, nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau, cất bay lên không chìm xuống, tự nhiên vượt lên, đó là phận ngoài.

Giảng giải:

A Nan, các tư tưởng đó tuy khác, nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau. Mặc dù có nhiều điều chúng ta nghĩ là khác biệt, nhưng khi có được sự thoải mái, nhẹ nhàng thì cảm giác bay bổng ấy lại như nhau. **Cất bay lên không chìm xuống, tự nhiên vượt lên.** Động tác hướng lên, bay lên, không phải là sa xuống. “Vượt lên” là vươn lên trên tất cả, vượt qua mọi điều. **Đó là phận ngoài.**

Kinh văn:

A Nan, tất cả thế gian sống chết nối nhau, sống thuận theo tập quán, chết đổi theo dòng khác, khi sắp mệnh chung, chưa hết hơi ấm, thiện ác một đời đồng thời hiện ra; cái nghịch của chết, cái thuận của sống, hai tập khí giao xen nhau.

Giải thích:

Đức Phật lại bảo: **A Nan**, ông nên biết rằng **tất cả thế gian sống chết nối nhau**, sinh ra và chết đi, chết xong lại tái sinh, luôn nối tiếp nhau trong cái vòng luân lưu bất tận. **Sống thuận theo tập quán**. Sống theo những điều mọi người mong muốn. **Chết đổi theo dòng khác**. Khi chết, con người sẽ theo nghiệp báo mà tiếp tục tái sinh. Tùy theo loại nghiệp đã tạo, con người bị cuốn vào bánh xe sinh tử.

Khi sắp mệnh chung, chưa hết hơi ấm, thiện ác một đời đồng thời hiện ra. “Chưa hết hơi ấm”, có nghĩa sáu thức và thức thức thứ bảy đã lìa khỏi thân, nhưng thức thức tám vẫn còn tồn tại. Trong Kinh văn: Nói hơi ấm, tức là chỉ thức thức tám còn hiện diện trong thân nên thấy ấm. Chẳng hạn như thức thức tám rời đi qua đôi chân, chân sẽ ấm, đi qua vùng bụng, bụng sẽ ấm, còn như thoát qua đỉnh đầu thì hơi ấm sẽ đọng lại cuối cùng nơi đó.

Sau khi chết, thức thức tám của người đó gọi là Thân trung uẩn (Hoặc Thân trung ấm). Khi người còn sống, thức ấy gọi là Thân uẩn hiện hành, thường được hiểu là “Hồn”, là Phật tính – theo nhà Phật. Khi một người sắp chết, mọi hành vi thiện, ác trong đời đều hiện diện. Tùy theo hành động tạo tác, người đó sẽ nhận lấy quả lành, hoặc dữ. Nếu hành thiện, họ sẽ được lên các cõi trời, hành ác tất sẽ sa vào địa ngục. Một người tích tập nhiều việc thiện, khi lâm chung hơi ấm sẽ thoát ra từ đỉnh đầu, còn như gây nhiều tội ác, tạo lắm nghiệp chướng, hơi ấm sẽ thoát ra từ đôi chân. Nhìn chung, hơi ấm thoát ra từ phần trên thân người, có nghĩa người đó sẽ tái sinh nơi tốt đẹp hơn, còn như thoát đi từ phần dưới thân, tức là sự đi xuống. **Cái nghịch của chết, cái thuận của sống, hai tập khí giao xen nhau**. Cái nghịch và cái thuận cùng đối nhau trước lúc tử và sinh.

Kinh văn:

Thuần là tướng thì liền bay lên, chắc sinh lên cõi trời, nếu trong tâm bay lên, gồm có phúc đức trí tuệ cùng với tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được khai ngộ thấy tất cả Tịnh độ mười phương chư Phật, tùy nguyện mà vãng sinh.

Giải giải:

Thuần là tướng, có nghĩa chỉ có tướng mà không có tình. Tướng là dương và tình là âm. Thuần tướng là chuyên nhất quán tướng, chẳng suy niệm gì khác.

Tư tướng con người chi phối hầu hết các sự việc. Chẳng hạn, việc ăn, uống, hút thuốc, đều xuất phát từ ý tướng. Đầu tiên, người ta nghĩ về điều ấy, kế đến mới hành động. Trái lại, nếu người đó quyết định không làm điều gì thì họ sẽ không làm. “*Nếu muốn ăn ngon, tôi đi mua thức ngon để ăn. Nếu muốn mặc đẹp, tôi mua quần áo đẹp*”. Nếu thấy khát, người ta sẽ tìm lấy nước uống, hoặc bia, rượu. Tâm trí con người thường luôn bận rộn về nhiều điều. Khi gặp một người thiện tri thức khuyên họ hãy thôi hút thuốc, dừng việc ăn thịt, uống rượu. Họ đồng ý, nghe theo lời khuyên, nhưng tâm ý của họ đã quen thiết với những điều đã qua, họ bắt đầu mơ tưởng đến hút thuốc, ăn thịt, uống rượu. Họ thực sự không tự tỉnh, không tránh được những cảm dỗ quen thuộc nên lôi cả vào trong mộng mị. Khi thức tỉnh, họ thấy tiếc vì những điều mơ thấy: “*Tôi đã dừng các việc ấy, tại sao vẫn còn mơ thấy?*”. Họ tự quả trách mình. Tôi đã nói qua – rất khó kiểm soát lấy mình khi chúng ta đau yếu, và càng khó khăn hơn khi mộng mị.

Chỉ thuần là tướng thì liền bay lên, chắc sinh lên cõi trời, nếu trong tâm bay lên, gồm có phúc đức trí tuệ cùng với tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được khai ngộ. Tuy nhiên, nếu người đó không có ý sinh lên các cõi trời mà trong tâm có cả phúc đức, trí tuệ cùng với nguyện thanh tịnh, họ sẽ được sinh vào cõi Phật. Phật là đấng lưỡng toàn, vì Ngài thành tựu trọn vẹn cả phúc và tuệ. Biết được vậy, mọi người tất sẽ muốn tu cả phúc và trí.

Tu phúc mà thiếu trí chẳng khác chi con voi mang vòng ngọc.

Tu trí mà thiếu phúc khác nào A-la-hán mang cái bát rỗng.

Vòng ngọc đẹp có giá trị, nhưng mang vào cổ con voi sẽ không thấy đâu là sức mạnh của tư tướng và trí tuệ. Nếu quý vị có được trí tuệ khi tu học kinh điển, khi ngồi thiền, nhưng không vun trồng những cội phúc, như vậy sẽ không thể thực hiện bố thí, rốt cục, quý vị sẽ thấy khó chịu, thiếu thôn. Vun trồng cội phúc có nghĩa làm những việc phúc thiện, đặc biệt là các ngày lễ Phật, như Phật đản, các ngày kỷ niệm chư Phật, Bồ tát, hoặc ngày sinh của quý vị, ngày rằm. Nếu quý vị thực hiện bố thí và lập công quả trước Tam Bảo, chắc chắn sẽ được nhiều phúc đức. Nếu không gieo trồng nhân đức, chúng ta sẽ chẳng được phúc. Nếu quý vị chỉ chuyên chú trí tuệ, không

gây dựng phúc, khi quý vị thành A-la-hán, sẽ không có ai đến cúng dường. Đây là vì không gieo nhân nên chẳng có quả để gặt. Nếu muốn người khác giúp khi mình cần thiết, tất nhiên, quý vị phải bố thí, hoặc làm lợi ích cho người khác ngay từ bây giờ. Đây là đạo lý rất đơn giản.

Trông dưa, được dưa

Trông đậu sẽ được đậu

“Tịnh nguyện” có nghĩa là trước Phật và Bồ tát, quý vị nguyện:

Nguyện sinh vào Tây phương Tịnh độ,

Với sen chín phẩm như các từ phụ của tôi.

Khi sen nở tôi sẽ được thấy Phật,

Tỏ ngộ lẽ vô sinh.

Đồng hành cùng các Bất thoái Bồ tát.

Hoặc quý vị mong muốn sinh vào Đông phương Tịnh độ. Những lời nguyện thanh tịnh làm cho tâm được tỏ ngộ, **thấy tất cả Tịnh độ mười phương chư Phật, tùy nguyện mà vãng sinh.** Một người có thể được phúc, trí và nguyện, cuối đời họ sẽ được thấy Phật trong mười phương, có thể sinh vào cõi tịnh độ như họ muốn.

Kinh văn:

Tình ít, tưởng nhiều, cất lên không xa thì làm phi tiên, đại lực quý vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát, đi khắp bốn cõi trời, không bị ngăn ngại.

Giảng giải:

Tình ít, tưởng nhiều, cất lên không xa. “Tình” có thể hiểu là khả năng tri giác, cảm giác. Như nói:

Các loài hữu tình và vô tình

Vẫn tiềm tàng khả năng ý thức.

Hữu tình là có tư tưởng, tình cảm. Vô tình là các loài cây, cỏ...

Con người đâu phải cỏ cây.

Nào ai là chẳng có tình.

Đúng thật vậy. Tất cả mọi người đều có tình. Vậy khi nào thì nó bộc lộ? - Ở tuổi trẻ. Người Trung Quốc viết chữ Tình (禮) bằng cách ghép chữ Tâm (心) và chữ Thanh (青: trẻ). Nói đến tình, thường chúng ta nói Tình yêu. Thực ra, tình có rất nhiều nghĩa.

Nam nữ thanh niên dành rất nhiều thời gian nói về tình và yêu. Tại sao? Bởi vì họ thực sự không biết về nó. Họ không dứt nói về tình yêu, từ ngày này sang ngày khác, tháng này qua tháng khác, và từ năm này sang năm khác vẫn bàn về chủ đề đó. Các thanh niên thành ra chìm đắm, mê mải trong tình cảm. Nó làm cho họ loạn lên.

Nặng nề vì nghiệp, mê vì tình.

Đấy là hạng người tầm thường.

Hỗn loạn là một loại trước nhiệm, vướng mắc, khó mà vượt thoát. Nhưng cái tình từ đâu đến? Từ tâm quý vị đấy. Vậy thì tâm từ đâu tới? Từ tánh của quý vị.

Tánh phát ra thành tình

Tình phát ra thành dục.

Phát ra có nghĩa là rơi xuống, như:

Ý chí của kẻ siêu nhiên là cao thượng,

Ý chí kẻ tầm thường là kém cõi.

Khi một người rơi xuống, đi xuống và tiến đến ham muốn (dục), khi ấy lửa sẽ thiêu đốt thân tâm. Điều đó xảy ra với nam-nữ, họ mất đi tự chủ.

“Tưởng” là suy nghĩ, suy tưởng. Đặc điểm của tưởng bao hàm tính cách đối với tâm. Nó vốn xuất phát từ tâm. Lúc đầu, tâm không động, nhưng với tư tưởng, mọi thứ đều hữu hiện. Tính chất đặc biệt của tưởng cũng là tính chất của tưởng, cả tâm cũng vậy. Bất cứ điều gì quý vị nghĩ đến nó đều trở hiện. Chẳng hạn như nghĩ đến uống thì hình ảnh rượu sẽ hiện ra trong tâm người đó. Nghĩ đến ăn thịt, miếng thịt hiện ngay trong tâm. Mọi vấn đề

khác cũng đều vậy. Kinh nói hữu thể không tự hiển hiện, nhưng với tướng thì nó lại hiện. Vậy tướng đó đúng hay sai? Về căn bản, nó không đúng. Khi con người trước nhiệm, gắn liền với những sự việc hiển hiện thì họ chắm dứt tướng.

Khi tướng nhiều hơn tình, họ sẽ cất lên không xa. Điều này có thể giải thích theo hai cách. Có thể hiểu là họ không tiến xa, sự bay lên cao có giới hạn. Nhưng giải thích ấy không đúng với đoạn văn trên. Cách giải thích hợp là: sức bay của họ vượt xa đoạn miêu tả. “Cất lên không xa”, có nghĩa họ tiến lên rất xa, rất rộng. Vậy thì bao xa? Họ **làm phi tiên**. Như:

Ban sáng đi rong cả trăm ngàn dặm.

Đến chiều thăm viếng chín ngàn bệ thờ.

Hoặc trở thành **đại lực quỷ vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát**. Các chúng loại này đã giảng giải qua. Họ có thể **đi khắp bốn cõi trời, không bị ngăn ngại**. Chẳng có gì ngăn trở hành trình của họ.

Kinh văn:

Trong chúng, nếu có nguyện tốt, tâm lành, hộ trì giáo pháp, hoặc hộ trì cấm giới, theo người trì giới, hoặc hộ trì thần chú, theo người trì chú, hoặc hộ trì thiên định, theo người thiên định, giữ yên pháp nhẫn, thì những hạng đó, chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai.

Giảng giải:

Trong chúng, chỉ chung cho các chúng quỷ vương, du hành dạ xoa..., **nếu có nguyện tốt, tâm lành, hộ trì giáo pháp**. Giáo pháp của Đức Thích Ca, cũng tức là Phật pháp. **Hoặc hộ trì cấm giới, theo người trì giới**. Chỉ những người giữ giới theo lời Phật dạy, như vậy họ sẽ theo những người giữ giới. Mọi hành động của họ đều đúng với giới cấm, chẳng có gì phải bận lòng vì điều đó. **Hoặc hộ trì thần chú, theo người trì chú**. Họ có thể trì chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, hoặc các chú khác. Họ kiên quyết theo người trì chú và bảo vệ những người ấy cả đêm, ngày. **Hoặc hộ trì thiên định, theo người thiên định, giữ yên pháp nhẫn**. Có những chúng nguyện trong tương lai sẽ bảo vệ người tu tập thiên, họ sẽ đạt được thiên định, giữ yên người có pháp nhẫn sẽ đạt được các pháp, **thì những hạng đó, chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai**. Các chúng có hạnh nguyện tốt đẹp và hộ trì pháp đều sẽ được ở dưới pháp tòa Như Lai nghe giảng pháp.

Kinh văn:

Tình và tướng ngang nhau, không bay lên, chẳng đọa xuống, thì sinh nơi nhân gian, tướng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn.

Giải thích:

Với chín mươi phần tướng, mười phần tình, người ấy đa phần sẽ được tái sinh. Nếu chín mươi phần tình, mười phần tướng, chắc chắn sẽ đi vào địa ngục. Nay **tình và tướng ngang nhau, không bay lên, chẳng đọa xuống, thì sinh nơi nhân gian.** Với nửa tướng, nửa tình là trạng thái cân bằng, người đó không thể bay lên trời làm thần tiên, không xuống địa ngục làm ngạ quỷ. Vậy sẽ đi đâu? Đây là chỗ hiện tại của quý vị, của tôi. Sinh nơi cõi nhân gian, không có nghĩa là sẽ được sinh ở đây mãi mãi. Nhân gian chẳng qua là một chỗ tạm dừng – một nơi để chuyển sang chỗ khác. “*Từ nhân gian, con người sẽ đi đến đâu?*”. Quý vị sẽ hỏi. Vâng, để sinh nơi cõi nhân gian, quý vị phải có phần tướng và tình ngang nhau. Quý vị nên quán xét xem hiện tại mình có tướng nhiều hay tình nhiều hơn. Nếu tình nhiều, ắt sẽ vào địa ngục, còn như tướng nhiều hơn, tương lai quý vị sẽ sinh lên cõi trời. Nếu không có tình, quý vị có thể tiến đến quả Phật, vì khi đó quý vị là thuần Dương, không có Âm. Nếu quý vị có mười phần tình, vậy là có Âm rồi.

Tướng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn. Đây là điểm chuyển hóa. Quý vị càng tư tưởng hiểu biết càng nhiều. Khi có được trí tuệ, nếu quý vị tu tập để ngày càng tinh tấn thì trí tuệ càng phát triển. Đây là ý nghĩa: “*Tướng sáng suốt nên thông minh*”.

Tình – được gọi là âm, vì khi đó là vấn đề riêng tư. Tướng thì công khai, quang minh và trong sáng – Đây là sự tu tập ngòai thiên, học Phật pháp, nghe giảng kinh. Từ đó, quý vị có được trí tuệ. Trái lại, tình và ái thì không thể bàn luận giữa chốn đông người. Hẳn nhiên, hai người nam nữ phải đến công viên, bãi biển, hoặc ngòai riêng với nhau dưới cội cây để tâm sự. Họ thầm thì trò chuyện nhau. Do đó, tình thuộc loại “u ám”. Những gì không thể cho người khác thấy biết là đen tối, u ám. Sự u ám đó làm cho họ thành ra ngu độn. Họ đưa nhau vào rừng, nơi chẳng thấy trời cao. Hoặc ngòai với nhau trong xe, trong tàu; đi đến những nơi vắng người – đó là “u ám”. Những điều đó thuộc về âm, nó làm cho con người trở nên ngu độn. Thường họ say mê tán gẫu (chat) nhau đến khi thành ra ngu ngốc, ngu ngốc cả khi rơi tòm vào hố sâu không đáy. Đó là lý do khiến bao người sa ngã và trượt vào biển khổ. Đến khi ấy thì không dễ gì thoát khỏi; quý vị phải hết sức cố

gắng mới được. Trừ phi quý vị may mắn được một thiện tri thức nắm tay kêu to lên: “*Thoát ra đi!*” – đây cũng là điều khó.

Kinh văn:

Tình nhiều tướng ít, đi vào các loại hoành sinh, nặng làm giống có lông, nhẹ thì làm giống có cánh.

Giảng giải:

Tình nhiều tướng ít, đi vào các loại hoành sinh, nặng làm giống có lông. Đây là sự chuyển biến nhẹ theo mức độ tình giữa các loài thú. Ngay cả ruồi muỗi cũng có một chút tướng. Quý vị có bao giờ tự hỏi, tại sao loài chim có nhiều màu sắc? Đây là vì khi còn là người, họ thích mặc các loại quần áo sặc sỡ. Họ mặc đẹp để người khác chú ý đến. Khuynh hướng ấy vương lấy nhiều tình, ít tướng, khiến họ sa vào các giống chim. Có vài loài chim thanh tú, xinh đẹp. Đây là những kẻ từng mặc y phục rất đẹp. Do cái tình sâu nặng nên phải vào đường thú, nhưng tình các loài ấy nhẹ hơn súc vật nên thành chim vậy.

Kinh văn:

Bảy phần tình, ba phần tướng, chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi cạnh hỏa luân, chịu khí phần của lửa hồng, thân làm ngạ quỷ thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, không ăn không uống, trải qua trăm ngàn kiếp như vậy.

Giảng giải:

Với sau mười phần tình, bốn mươi phần tướng, con người sẽ đi vào đường súc sinh. Với bốn mươi phần tình, sáu mươi phần tướng, con người có thể tái sinh vào cõi trời. Còn như **Bảy phần tình, ba phần tướng, chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi cạnh hỏa luân, chịu khí phần của lửa hồng.** Bên dưới thủy luân là lửa. Chẳng hạn như núi lửa thì lửa nằm bên dưới mực nước. **Thân làm ngạ quỷ thường bị đốt cháy.** Có rất nhiều loài ngạ quỷ, loại tệ nhất có cổ họng nhỏ như cây kim, bụng to như cái trống. **Vì nước có thể hại mình, không ăn không uống, trải qua trăm ngàn kiếp như vậy.** Bọn họ không có một giọt nước để uống. Tại sao vậy? Đó là vì nghiệp, khi nhìn thấy nước thì liền biến thành lửa. Thiện thần thấy nước như lưu ly. Cá, tôm, sò và các động vật ở biển thấy nước như là nơi của chúng, đó là nhà ở. Chúng sống trong đó nên không thấy nước, cũng như con người sống nhờ vào không khí nhưng không để ý đến. Nếu con người thiếu không

khí ắt sẽ chết. Con người cần ăn uống để sống, nhưng cũng phải cần không khí để thở. Nhưng chúng ta có thấy được không khí? – Không. Cá thấy nước là nhà của chúng, và con người thấy nước là nước, nhưng loài quỷ thấy nước lại là lửa. Tại sao chúng ta không thấy nó như lửa? Nếu ai đó muốn biết có sự khác biệt đó thì nên thử làm quỷ ắt sẽ nhận ra. Nhưng quý vị muốn biết được điều đó mà không cần phải làm quỷ. Đúng vậy, tôi sẽ nói – Đó là vì nghiệp chướng. Do kết quả của nghiệp chính họ tạo ra. Nếu quý vị tạo nghiệp, quả báo khiến quý vị thành ngạ quỷ, khi ấy sẽ cảm nhận nước chính là lửa. Nếu không tin, quý vị có thể thử xem. Nhưng nếu hành động như vậy, và khi thực sự đã thành ngạ quỷ thì rất khó để trở lại làm người. Vậy, cách tốt nhất là hãy tin tôi, tôi không nói dối quý vị.

Khi ngạ quỷ bị thiêu chết, nó tiếp tục sống trở lại, và bị thiêu chết. Chúng phải chịu đựng sự sống chết nối tiếp liên tục như vậy. Quỷ nhìn thấy nước là lửa nên không có nước để uống, cũng chẳng có cái để ăn, chúng phải chịu đựng đau khổ trong vô số kiếp như vậy.

Kinh văn:

Chín phần tình, một phần tưởng, xuống thấu qua hỏa luân, giữa giao giới phong luân và hỏa luân, nhẹ thì sinh vào Hữu gián, nặng thì sinh vào Vô gián, là hai thứ địa ngục.

Giải thích:

Chín phần tình, một phần tưởng, xuống thấu qua hỏa luân, giữa giao giới phong luân và hỏa luân. Ở đây không chỉ có lửa, nó còn có gió, gió càng làm lửa cháy mạnh hơn. Nhẹ thì sinh vào Hữu gián, nặng thì sinh vào Vô gián, là hai thứ địa ngục.

Kinh văn:

Thuần tà là tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu trong tâm chìm sâu như vậy lại có hủy báng Đại thừa, phá cấm giới của Phật, lừa dối nói pháp để tham cầu tín thí, lạm nhận cung kính, phạm ngũ nghịch, thập trọng thì lại chuyển sinh vào mười phương địa ngục A Tỳ.

Giải thích:

Thuần tà là tình, không có tưởng, duy chỉ có tình, thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu trong tâm chìm sâu như vậy, nếu trong tâm người đó hoàn toàn bị động do tình, lại có hủy báng Đại thừa. Họ phán đoán, nhất

định mọi sự việc đều theo tình ý của riêng mình, nhận đúng là sai, nhận cái sai là đúng. Họ rất vô lý, luôn thay trắng đổi đen, ưa phản đối những gì người khác nói. Nếu có người lên tiếng: “*Đừng, làm vậy là không tốt*”. Họ sẽ phản bác: “*Có gì phải sợ chứ?*”. Phương châm của họ là: “*Ăn thịt, uống rượu chẳng hề gì. Phật chỉ là hình ảnh tượng tượng ra thôi*”. Họ luận rằng: “*Tâm là Phật, Phật là tâm*”. Đây là những quan điểm sai lạc, tà kiến.

Từ suy nghĩ lệch lạc, họ **phá cấm giới của Phật**. Nói: “*Thọ giới làm gì chứ? Thọ giới ắt sẽ bị ràng buộc, không được tự do!*”. Thực ra, nếu không thọ giới, con người rất dễ đi vào địa ngục. Quý vị gọi đó là tự do sao? Giới có giới tướng, giới pháp, giới thể. Người thọ giới có khả năng gìn giữ, ngăn ngừa những sai phạm của chính mình, tránh không đi vào địa ngục. Và cho dù có vào địa ngục, quý vị cũng sẽ nhanh chóng ra khỏi nơi đau khổ ấy. “*Chúng sinh thọ giới Phật, tức là Phật tử chân chính*”. Cho nên, thọ giới là điều cần thiết trong tu hành Phật đạo.

Đừng hủy báng giới của Phật, cũng đừng **lừa dối nói pháp**. Đừng phủ nhận nhân quả, đừng nói những lời như: “*Không có nhân quả, con người ta đã là Phật rồi. Không cần thiết phải tu hành. Cứ ăn thịt, uống rượu và vui đi, dù có làm điều gì cũng không sao, các người rồi sẽ thành Phật. Thật dễ dàng để thành Phật.*”.

Đúng đây, thật dễ dàng để thành Phật, nhưng phải tránh đi tội lỗi. Chẳng có ông Phật nào lẩn tội cả. Các vị ấy đều hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh chẳng có ai ô uế, đầy nghiệp chướng mà thành Phật được. Chẳng có ai ăn thịt, uống rượu mà thành Phật. Nếu chỉ đơn giản như thế thì Phật còn nói đến giới cấm làm gì.

Đừng **để tham cầu tín thí**. Đừng dối trá để người khác tin tưởng và mang đến lợi lộc cho quý vị. Đừng nghĩ làm thế nào để được tiền từ các người học. Tôi không bao giờ nói về tiền bạc với các môn đệ. Thông thường, họ phải mất ít nhất năm mươi, hoặc sáu mươi đô la khi mới vào học tập, nhưng tôi không để ý đến việc ấy.

Tránh **lạm nhận cung kính**, hoặc **phạm ngũ nghịch**, như giết cha, mẹ, giết A-la-hán, làm chảy máu thân Phật, phá hòa hợp Tăng. Hoặc phạm tội thập trọng – đó là mười trọng giới Bồ tát. Phạm tội nặng như vậy **thì lại chuyển sinh vào mười phương địa ngục A Tỳ**. Sau khi chịu hình phạt từ ngục A Tỳ (Avici) ở cõi này, người đó sẽ lại chuyển sang ngục A Tỳ khác trong khắp cả mười phương. Quý vị có thể hình dung là biết bao lâu không? Chẳng hạn Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), người ra sức ganh đua cùng Phật, rất

cục thân sống phải rơi vào địa ngục. Hiện ông ấy vẫn phải chịu đau khổ trong các địa ngục – từ thời Phật Thích Ca cho đến ngày nay, thật sự, đó cũng chỉ là một cái chớp mắt.

Kinh văn:

Theo ác nghiệp gây ra, mặc dù tự chuốc lấy quả báo, nhưng trong đồng phận chung vẫn có chỗ nhất định.

Giảng giải:

Theo ác nghiệp gây ra, mặc dù tự chuốc lấy quả báo, vì hủy báng giáo pháp Đại thừa, phá hoại Phật, pháp, Tăng, phạm tội ngũ nghịch và thập trọng. **nhưng trong đồng phận chung vẫn có chỗ nhất định.** Mặc dù sa vào địa ngục do hành động của chính mình gây ra, nhưng tùy theo sự tạo nghiệp của mỗi người có khác nhau nên sự chịu đựng quả báo cũng có khác.

Kinh văn:

A Nan, những điều như thế, đều do nghiệp báo của các chúng sinh kia tự chiêu cảm lấy, như gây ra mười tập nhân, phải chịu sáu giao báo.

Giảng giải:

A Nan, những điều như thế, đều do nghiệp báo của các chúng sinh kia tự chiêu cảm lấy, do khởi vọng tưởng, tạo nghiệp và phải chịu quả báo, như gây ra mười tập nhân, phải chịu sáu giao báo. Quả báo thì không bao giờ dứt.

Kinh văn:

Thế nào là mười tập nhân? A Nan, một là quán tập dâm dục, giao tiếp cùng nhau, phát sinh cọ sát nhau, cọ xát mãi không thôi, như vậy nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên. Ví như người ta lấy hai bàn tay cọ xát lẫn nhau thì cảm giác nóng hiện ra.

Giảng giải:

Thế nào là mười tập nhân? A Nan. Ta sẽ giảng cho ông. **Một là quán tập dâm dục, đó là thói quen hành dâm giữa nam và nữ, không dứt được, họ giao tiếp cùng nhau, phát sinh cọ sát nhau, cọ xát mãi không thôi, như vậy nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên.** Ngọn lửa phát

sinh từ chính họ do sự vận động, ví như người ta lấy hai bàn tay cọ xát lẫn nhau thì cảm giác nóng hiện ra.

Kinh văn:

二

習相然故有鐵床銅柱諸事。

Nhị tập tương nhiên, có hữu thiết sàng, đồng trụ chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí bức bách lẫn nhau nên có những việc giường sắt, cột đồng.

Giải thích:

Hai tập khí. Tập khí dâm dục từ đời trước (quá khứ) chưa dứt trừ, đến đời hiện tại, tập khí ấy càng thêm tăng trưởng. Do hai tập khí ấy **bức bách lẫn nhau nên có những việc giường sắt, cột đồng.** Giường sắt, cột đồng, là những từ đặc biệt của địa ngục. Do nghiệp dâm dục quá nặng nên phải chịu đựng sự thiêu đốt như vậy.

Kinh văn:

Thế nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét việc dâm dục cùng gọi là lửa dục. Bồ tát đối với dâm dục thì tránh như hầm lửa.

Giải thích:

Thế nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét việc dâm dục cùng gọi là lửa dục. Các Như Lai nhấn nhủ, lửa dục dễ dàng đốt cháy thân người. **Bồ tát đối với dâm dục thì tránh như hầm lửa.** Các vị ấy tránh xa dâm dục như xa lánh hầm lửa. Quý vị chắc không muốn thấy hầm lửa và nhảy bổ vào đấy. Các Bồ tát xa lánh việc dâm dục, họ cũng chẳng nghĩ đến điều ấy.

Kinh văn:

Hai là, tập quán tham lam, so đo hơn thiệt, phát sinh hấp thụ lẫn nhau, hấp thụ ôm áp mãi không thôi. Như thế nên chứa hơi lạnh bên

trong thành băng giá cứng, làm cho nứt nẻ, ví như có người hút hơi gió vào thì có cảm xúc lạnh.

Giải thích:

Hai là, tập quán tham lam, so đo hơn thiệt, phát sinh hấp thụ lẫn nhau. Tham lam như một loại nam châm, nó có sức hút các vật đồng loại, **hấp thụ ôm áp mãi không thôi**, lòng tham con người không bao giờ dừng, lúc nào cũng cố gắng tìm cách tích tập cho riêng mình. Khi lòng tham quá mạnh - **Như thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá cứng, làm cho nứt nẻ.** Đây là cảm giác lạnh giá, ví như có người hút hơi gió vào thì có cảm xúc lạnh.

Kinh văn:

Hai tập khí lẫn nhau nên có những sự tra tra, ba ba, la la, thanh liên, xích liên, bạch liên, hàn băng...Vậy nên các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét việc tham cầu quá nhiều, cùng gọi là nước tham. Bỏ tất đối với lòng tham, tránh như biển độc.

Giải thích:

Hai tập khí, lòng tham từ quá khứ và lòng tham trong đời hiện tại lẫn nhau, tức tập khí tham lam, chiếm đoạt lấy nhau nên có những sự tra tra, ba ba, la la – các tội nhân phải chịu đựng khổ sở nơi địa ngục lạnh rất khắc nghiệt. Các từ tra tra, ba ba, la la diễn tả tiếng rên rỉ, run rẩy vì lạnh cóng. **Thanh liên, xích liên, bạch liên, hàn băng,** chỉ những hình dáng băng giá trong địa ngục mà các chúng sinh phải chịu đựng.

Kinh văn:

Ba là tập quán ngã mạn, lấn lướt lẫn nhau, phát sinh ý thế với nhau. Giọng ruồi không thôi, như thế nên có sự bồn ba sôi nổi, chứa lại thành nước, như có người miệng lưỡi từ chép làm nước bọt chảy ra.

Giải thích:

Ba là tập quán ngã mạn, lấn lướt lẫn nhau. Ngã mạn là kiêu căng, tự phụ. Người ngã mạn cứ nghĩ là mình hơn người. Do suy nghĩ như thế nên **phát sinh ý thế với nhau.** Họ nhìn người khác và **giọng ruồi không thôi, như thế nên có sự bồn ba sôi nổi, chứa lại thành nước.** Đây là những

nước, dầu sôi bỏng nơi địa ngục. **Như có người miệng lưỡi từ chép làm nước bọt chảy ra.** Tự chép miệng ắt sinh ra nước bọt.

Kinh văn:

Hai tập khí chọi nhau nên có việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy.

Giảng giải:

Hai tập khí chọi nhau, sự kiêu căng tích tập trong quá khứ, đến đời hiện tại thành tự ngã, **nên có việc**, nhiều loại địa ngục khác nhau, như địa ngục **sông huyết**, địa ngục **sông tro**, địa ngục **cát nóng**, địa ngục **biển độc**, địa ngục hành hình tội nhân bằng cách **bắt uống nước đồng chảy**.

Kinh văn:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét lòng ngã mạn, cùng gọi là uống nước si mê. Bỏ tất đối với ngã mạn, tránh xa như vực lớn.

Giảng giải:

Vực lớn chỉ là biển to sóng lớn, sa vào đáy thì khó bề thoát khỏi, thế nên phải tránh xa nơi nguy hiểm ấy.

Kinh văn:

Bốn là tập quán nóng giận, xung đột với nhau, phát sinh chống đối lẫn nhau, chống đối mãi không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim thuộc, vì thế nên có núi đao, gậy sắt, cây gươm, bánh xe gươm, những búa, cưa, thương; ví như có người bị hàm oan thì sát khí nổi lên.

Giảng giải:

Bốn là tập quán nóng giận, xung đột với nhau. Xung đột là đôi bên có mâu thuẫn, thách thức, muốn hại nhau, **phát sinh chống đối lẫn nhau, chống đối mãi không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim thuộc.** Tâm người đó nóng lên, mặc tình cho lửa vô minh thiêu đốt. Khí lực ấy bị thiêu đốt rất mạnh mẽ, đến biến thành kim thuộc. **Vì thế nên có núi đao, có địa ngục gậy sắt, địa ngục cây gươm, địa ngục bánh xe gươm và những búa, cưa, thương cùng các hình phạt tương tự khác. Ví như có**

người bị hàm oan phải mang lấy mỗi cảm tức dữ dội, thì sát khí nổi lên, muốn diệt cho được đối phương.

Kinh văn:

Hai tập khí đập nhau nên có các việc thiến, chặt, dùi, đâm, đập, đánh.

Giảng giải:

Hai tập khí – sự thù ghét trong quá khứ và hiện tại, **đập nhau nên có các việc thiến** – đây là một loại địa ngục, **chặt**, giết chết, **dùi**, làm cho tay chân tàn phế, **đâm, đập, đánh** – đều là những hình phạt nơi địa ngục.

Kinh văn:

Vậy nên các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự nóng giận, cùng gọi là dao gươm bén. Bồ tát đối với lòng nóng giận thì tránh như lánh chém giết.

Giảng giải:

Vậy nên các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự nóng giận, cùng gọi là dao gươm bén, lòng nóng giận như thanh gươm sắc bén. **Bồ tát đối với lòng nóng giận thì tránh như lánh chém giết.** Bồ tát xem lòng nóng giận và thù hận như giết hại con người.

Kinh văn:

Nấm là tập quán giả dối, dụ dỗ theo nhau, phát sinh lời kéo nhau, dẫn dắt mãi không thôi, như thế nên có dây, cây, thông lọng, căng nọc; ví như nước thấm vào ruộng thì cỏ cây lớn lên.

Giảng giải:

Nấm là tập quán giả dối, dụ dỗ theo nhau, phát sinh lời kéo nhau. “Giả dối” là không thực lòng. “Dụ dỗ”, tìm cách dối gạt để người khác theo mình. Khi bạn lừa tôi thì tôi cũng nghĩ cách lừa bạn. **Dẫn dắt mãi không thôi, như thế nên có dây, cây, thông lọng, căng nọc.** “Dẫn dắt” hàm ý dùng thủ đoạn dối trá. Dây, cây là những vật dụng làm thành cái giá treo người – đây là một loại địa ngục. **Ví như nước thấm vào ruộng thì cỏ cây lớn lên.** Chính sự dối trá hình thành và phát triển những dây, cây trong địa ngục.

Kinh văn:

Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, qua, bông.

Giảng giải:

Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông, cùm, tập khí đối trá tích tập từ quá khứ kéo dài đến đời hiện tại vẫn còn là giả dối. “Gôm, cùm”, là những hình cụ, cũng như xiềng xích vậy. Khi bị xiềng, xích trói buộc thì không còn hoạt động tự do được. Chẳng những thế, người ấy còn bị đánh đập bằng những roi, gậy, qua, bông. Tại sao họ phải chịu đựng những hình phạt như thế? Đấy đều là do giả dối vậy.

Kinh văn:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương, nhận xét sự giả dối cùng gọi là sàm tặc. Bỏ tất đối với sự gian dối sợ như lang sói.

Giảng giải:

“Sàm” là nói những điều không thể tin được.

Kinh văn:

Sáu là tập quán lừa gạt, đối trá nhau, phát sinh phỉnh gạt nhau, phỉnh gạt mãi không thôi, phát tâm gây điều gian dối, như thế nên có bụi, đất, phân, nước tiểu, các thứ ô uế không sạch, như bụi theo gió, không nhìn thấy được.

Giảng giải:

Sáu là tập quán lừa gạt, đối trá nhau, phát sinh phỉnh gạt nhau. “Lừa gạt” là nói điều không thật, nói giả dối. “Đối trá nhau” nói điều giả dối để lừa người khác. “Phỉnh gạt nhau”, cùng nói dối để lừa nhau. **Phỉnh gạt mãi không thôi, phát tâm gây điều gian dối.** Nếu cứ lừa dối, phỉnh gạt mãi, kẻ ấy ắt thành bậc thầy dối trá, bất kể đạo lý. **Như thế nên có địa ngục bụi đất, địa ngục phân, nước tiểu.** Đây là những địa ngục đầy đầy các thứ ô uế không sạch, như bụi theo gió, không nhìn thấy được, đó là do nghiệp chướng báo ứng. Và bụi thì đầy khắp khiến cho con người không nhận ra điều gì.

Kinh văn:

Hai tập khí dìm nhau nên có những sự chìm, đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn.

Giảng giải:

Hai tập khí dìm nhau nên có những sự chìm, đắm. Tập khí đối trá tích tập từ quá khứ đến hiện tại, hình thành các loại địa ngục. **Nhảy, ném** – quăng mình lên cao và lao xuống, **bay, rơi** - ví như tên lửa bay vào không gian và quay trở lại mặt đất, **trôi lăn**, như con thuyền trôi trên biển.

Kinh văn:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự lừa gạt cùng gọi là cướp giết. Bồ tát đối với sự lừa gạt như giẫm rắn độc.

Giảng giải:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự lừa gạt cùng gọi là cướp giết. Khi thấy ai đó gạt gẫm người, họ gọi đó là kẻ cướp giết người. **Bồ tát đối với sự lừa gạt như giẫm rắn độc.** Sự đối trá, hẳn nhiên, chẳng ai muốn gần gũi cả.

Kinh văn:

Bấy là tập quán thù oán, hiềm khích lẫn nhau, phát sinh ôm áp lòng giận, như thế nên có ném đá, quăng gạch, lòng nhốt, xe cũi, bình đựng, túi bọc, như người hiểm độc ôm áp điều ác.

Giảng giải:

Bấy là tập quán thù oán, hiềm khích lẫn nhau, phát sinh ôm áp lòng giận. “Thù oán” là lòng căm giận, phẫn uất, dễ có những nhận định sai trái. “Lòng giận” – lòng giữ chặt lấy mối hận, tựa như con chim ngậm lấy thức ăn, không chịu buông bỏ, **như thế nên có ném đá**, và cả địa ngục **quăng gạch**, ở đây, tội nhân phải bị gạch, đá ném vào người, hoặc bị đóng trong **lòng nhốt**, bị giam trong **xe cũi**. Hoặc có kẻ bị nhốt trong **bình đựng**, bên dưới có lửa do bọn quỷ đốt cháy. **Túi bọc**, tức cái túi lớn đựng con người trong đó, bọn quỷ sẽ xách túi đập mạnh xuống. Nghiệp chướng ấy **như người hiểm độc ôm áp điều ác**. Họ phải chịu đựng những hình phạt từ ý nghĩa xấu của chính mình.

Kinh văn:

Hai tập khí nuốt nhau, nên có những sự ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, gieo, nắm giữ.

Giải thích:

Hai tập khí nuốt nhau, nên có những sự ném, quăng. Oán hận tích tập từ trong đời sống quá khứ cùng với tập khí oán hận từ đời hiện tại, cả hai nối kết nhau làm thù hận thêm tăng trưởng và nuốt chửng nhau. Nếu nghiệp lực tập khí của người đó thời quá khứ mạnh, họ sẽ trả quả trong thời quá khứ, nếu nghiệp trong thời hiện tại mạnh, họ sẽ chịu quả báo trong thời hiện tại. Đây là ý nghĩa về sự nuốt nhau. Sau đó bọn quỷ sẽ quăng, ném họ đến những nơi phải chịu nhiều đau khổ. **Nắm, bắt,** ném xong thì giữ lại, đoạn **đánh, bắn, gieo, nắm giữ.**

Kinh văn:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự thù oán, gọi là quỷ vi hại. Bồ tát đối với sự thù oán như uống rượu độc.

Giải thích:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự thù oán, gọi là quỷ vi hại. Các Đức Như Lai xem lòng thù oán, phần hận, như loài quỷ hại người – chính lòng thù hận ấy luôn trở ngại, gieo đau khổ và cuối cùng thì giết chết con người. **Bồ tát đối với sự thù oán như uống rượu độc.** “Rượu độc” (Tiếng Trung, chām tửu) là loại độc từ chim chàm – lấy cọng lông cánh của nó nhúng vào rượu, uống vào là gan ruột đều đứt đoạn, không sao cứu được.

Kinh văn:

Tám là tập quán ác kiến, tranh cãi với nhau, như thân kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ, phát sinh chống trái nhau, như thế nên có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ như người đi đường qua lại gặp nhau.

Giải thích:

Tám là tập quán ác kiến, tranh cãi với nhau, như thân kiến. Đây là loại tập khí mọi người chúng ta đều có. Nếu quý vị có quan điểm, ý kiến đúng, mọi người sẽ đồng ý. Nhưng nếu có quan điểm sai, quý vị sẽ tạo nên

ngiệp xấu. Thân kiến (Satkayadrishti), hoặc còn gọi là Hữu thân kiến. Có năm loại:

1. Thân kiến
2. Biên kiến
3. Giới cấm thủ kiến
4. Kiến thủ kiến
5. Tà kiến.

Năm loại ác kiến trên tôi đã nói qua trong các phần trước. Đối với kiến thứ nhất, tức Thân kiến, là chấp thân ta là có thực, chấp tất cả những sở hữu của ta là thực. Biên kiến là chấp một phía, không theo trung đạo. Sự thiên kiến ấy, hoặc chủ trương hư vô, hoặc bất diệt. Với chủ trương hư vô, họ cho rằng chết là hết, không có hồn phách, cũng chẳng có ai tái sinh, đối với chủ trương bất diệt, họ tin rằng con người vẫn mãi là con người, kiếp này là người, kiếp sau cũng là người – con người không thể tái sinh làm động vật.

Thứ ba là Giới cấm thủ - không phải nhân mà cho là nhân, như vài giáo phái ở Ấn Độ, họ giữ giới trâu, giới chó, để được sinh lên cõi trời. Thứ tư – Kiến thủ kiến, chấp lấy tri kiến thấp kém của mình, cho là hơn hết. Đây đều là những loại tà kiến. Thân kiến, **kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ**. Các ác kiến đều trái với chánh pháp, tạo ra tà nghiệp, **phát sinh chống trái nhau** với loại nghiệp như vậy. Con người luôn chống đối kẻ khác, họ cũng chẳng bao giờ bằng lòng với chính mình. **Như thế nên có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ**. Họ cần được chứng thực và các giấy tờ cần thiết. Những quan điểm ấy **như người đi đường qua lại gặp nhau**.

Kinh văn:

Hai tập khí giao nhau nên có các sự khám, hỏi, mưu mẹo, khảo tẩn, đòi hỏi, gạn xét, tra cứu cho sáng tỏ, các đồng tử thiện ác tay cầm sổ sách tranh cãi.

Giải thích:

Hai tập khí giao nhau nên có các sự khám, hỏi. Hai tập khí bao hàm năm loại ác kiến tích tập từ quá khứ giao nhau với tập khí trong đời sống hiện tại. “Khám hỏi” – là hỏi cho ra lẽ. **Mưu mẹo**, người tra hỏi dùng thủ thuật khiến đối phương bị sai lạc. Đây là điều hay xảy ra tại tòa án và cả

trong địa ngục. **Khảo tẩn**, sau khi nạn nhân đâm ra lo lắng, người tra hỏi tiếp tục hỏi han, dò xét, khiến cho đối phương khai ra mọi sự. **Đòi hỏi**, nêu rõ ra sự thật bằng cách **gạn xét, tra cứu cho sáng tỏ, các đồng tử thiện ác tay cầm sổ sách tranh cãi**. Những người hầu trẻ tuổi nơi địa ngục ghi chép các việc thiện ác nơi nhân gian. Khi tội nhân đến, họ sẽ đọc những việc làm của người ấy. Nếu người nào đó cố gắng biện bác, tranh cãi, họ sẽ cho xem lại những ghi chép đó. Như vậy, mọi tranh cãi đều vô hiệu.

Kinh văn:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét ác kiến, cùng gọi là kiến khanh; Bồ tát đối với những thiên chấp hư vọng như đứng bên hố độc.

Giải thích:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét ác kiến, cùng gọi là kiến khanh. Tập khí tà kiến giống như cái hồ sâu không đáy (Khanh), một khi rơi xuống thì chẳng làm sao lên được. **Bồ tát đối với những thiên chấp hư vọng như đứng bên hố độc.** Đây là nơi rất nguy hiểm nên các Bồ tát đều tránh xa.

Kinh văn:

Chín là tập quán vu vạ, phát sinh sự vu báng, như thế nên có hợp sơn hợp thạch, cối nghiền, cối xay, ví như kẻ sàm tặc, áp bức vu oan con người lương thiện.

Giải thích:

Chín là tập quán vu vạ, phát sinh sự vu báng. “Vu vạ” – là gán ghép tội lỗi cho người nào đó để hãm hại họ. Một người thực sự vô tội lại bị vu oan, ghép tội thì thực là bất công. Ở đây nói đến hai tập khí vu vạ quá khứ và hiện tại. Nếu trước đó, quý vị chưa từng giá họa cho ai thì hiện tại, có thể do nghiệp, quý vị sẽ lại tạo thêm nghiệp. **Như thế nên có hợp sơn hợp thạch.** Đây là địa ngục các núi nén ép, những núi này bốn bên là vách đá cao. Tội nhân rơi vào đây sẽ bị đá núi nghiền nát. **Cối nghiền, cũng là một loại địa ngục, cùng với cối xay.** Nếu một người nói dối và khu không kẻ vô tội, nơi địa ngục này, anh ta sẽ bị cắt lưỡi, hoặc mắc vào móc sắt cho con bò kéo đi. **Ví như kẻ sàm tặc, áp bức vu oan con người lương thiện.** “Sàm” là nói những điều không thật.

Kinh văn:

Hai tập khí bài xích lẫn nhau, nên có các sự áp bức, đè, đập, ép, tuốt mình.

Giải thích:

Tập khí trong quá khứ lẫn với tập khí đời hiện tại càng làm tăng thêm nghiệp chướng. Tùy theo hành vi bất công nhiều ít, nặng nhẹ, người chịu quả báo phải bị hành hình, đánh đập...Hoặc có khi bọn quý bắt người ấy cho vào bao và nghiền, ép cho ra máu.

Kinh văn:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương, nhận xét sự vu vạ, cùng gọi là sàm hồ; Bồ tát đối với sự vu vạ như bị sấm sét.

Giải thích:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương, nhận xét sự vu vạ, cùng gọi là sàm hồ, đây là loại độc ác hơn hồ bình thường. Bồ tát đối với sự vu vạ như bị sấm sét. Bồ tát tu hành để xin rời nhân quả, các vị ấy thấy sự vu vạ bất công nó nguy hiểm như tiếng sấm sét giữa trời không, nó có thể dễ dàng đánh chết người.

Kinh văn:

Mười là tập quán thừa kiện, cãi vã lẫn nhau, phát sinh những che đậy, như thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như giữa ban ngày không giấu bóng được.

Giải thích:

Thừa kiện là đưa nhau ra tòa phân biện phải trái, bên nào cũng cho là mình phải. Chẳng hạn như vợ chồng gây gổ, ai cũng cố chấp lý lẽ của mình, rốt cùng đưa nhau ra tòa kiện tụng ly hôn. Nếu như đôi bên chịu nhường nhịn và thông cảm nhau, ắt sẽ qua đi cơn sóng gió. Như vậy, cả hai đều sai – có điều không ai chịu nhận ra sự thật.

Phát sinh những che đậy, như thế nên có gương soi, đuốc chiếu. Nếu khi sống, ai đó thừa kiện và gây hại cho người khác, khi vào địa ngục, mọi tội lỗi của người đó sẽ được phản ánh trong gương soi, giống như bộ phim chiếu lại mọi hành động tội lỗi của người đó khi sống. “Đuốc chiếu” là

ánh sáng soi tỏ mọi nơi, mọi sự việc, như giữa ban ngày không giấu bóng được.

Kinh văn:

(Hai tập khí phô bày lẫn nhau) Nên có ác hữu, nghiệp kính, hỏa châu, phô bày nghiệp xưa đối nghiệm các việc.

Giảng giải:

(Hai tập khí phô bày lẫn nhau) Nên có ác hữu. Không chỉ bạn bè, mà cả những thân nhân, những người xấu, ác. **Nghiệp kính**, các tội lỗi trước đó đều hiện ra trong gương. **Hỏa châu**, làm hiện rõ tội ác trong quá khứ. **Phô bày nghiệp xưa**, mọi tội lỗi, sai lầm trước đó đều hiện rõ ra, cùng **đối nghiệm các việc**, sự đối nghiệm xác chứng tội hành vi người ấy đã làm trong đời sống.

Kinh văn:

Vậy nên tất các các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự che đậy, cùng gọi là giặc ngầm; Bồ tát đối với sự che đậy như đội núi cao, như lội vào biển lớn.

Giảng giải:

Vậy nên tất các các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự che đậy, cùng gọi là giặc ngầm. Như những điều đã trình bày, các Đức Như Lai xem hành động che đậy khác nào tên giặc ngầm. **Bồ tát đối với sự che đậy như đội núi cao, như lội vào biển lớn.** Các Bồ tát luôn tránh mọi sự che đậy, các vị ấy không đến tòa thưa kiện.

Kinh văn:

Thế nào là sáu giao báo? A Nan, tất cả chúng sinh, sáu thức gây nghiệp, nên chuốc lấy ác báo, đều từ sáu căn mà ra.

Giảng giải:

Thế nào là sáu giao báo? A Nan, tất cả chúng sinh, sáu thức gây nghiệp, sáu thức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nên chuốc lấy ác báo, khi tạo ác nghiệp, đều từ sáu căn mà ra.

Kinh văn:

Ác báo từ sáu căn phát minh ra như thế nào? Một là giao báo về thấy, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp thấy ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng đầy khắp mười phương, thân thức người chết bay rơi theo khói vào ngục Vô gián.

Giải thích:

“Giao” là sự kết nối, hàm ý yếu tố phạm tội vượt trội hơn so với các căn khác. Hơn nữa, một căn trong sáu căn đều có tương quan, liên hệ với nhau. Ví như mắt nhìn thấy sắc thì nhãn căn liền tác động đến năm căn còn lại.

Phật dạy con người do sáu căn có thể tu thành Phật, song cũng từ sáu căn mà dễ dàng tạo nghiệp chướng. Tại sao chúng ta tạo nghiệp nhiều như vậy? Đây là vì chúng ta không thể tự chủ, không kiểm soát được chính mình. Đặc biệt, chúng ta không thể tự mình quay trở lại lắng nghe tự tánh của mình. Chúng ta chỉ say mê đeo đuổi những đối tượng của các căn mà thôi.

Ác báo từ sáu căn phát minh ra như thế nào? Một là giao báo về thấy, chiêu cảm ác quả. Vì mắt khi nhìn thấy sắc (hình thể), do tác động của sắc nên ý thức huân tập những điều xấu, tạo nên nghiệp chướng. **Khi nghiệp thấy ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng đầy khắp mười phương.** Nghiệp nói đến ở đây là nghiệp chướng. Vậy tại sao có sự tác động hỗn hợp giữa các căn?

Đây là sự chuyển đổi quan điểm, nhận thức, và nghiệp cũng nhân đây mà tăng trưởng, hỗn hợp nhau. Sự ảnh hưởng của đối tượng nhìn thấy khiến tại muốn nghe tiếng và đeo đuổi theo đối tượng ấy. Chẳng hạn mắt nhìn thấy sắc đẹp thì sinh lòng ưa thích, tại muốn nghe lời dịu dàng, mũi muốn ngửi hương thơm, lưỡi thích nếm vị ngon, thân muốn đụng chạm và ý sinh yêu mến. Do đó nên gây ra nghiệp, chiêu cảm các ác báo như ôm lấy cột đồng hay nằm trên giường sắt, hoặc nam căn, nữ căn bị quỷ dùng móc sắt gây hại. Tại sao lại ra nông nổi vậy? Mọi sự phạm tội đều bắt đầu từ cái nhìn. Cái nhìn, thực ra cũng chỉ là cái nhìn – nếu người ta nhìn thấy và chẳng hành động đeo đuổi gì cả. Như:

Khi mắt nhìn thấy sắc, như chẳng thấy điều gì.

Nếu có được khả năng như vậy thì quý vị có nhìn suốt ngày cũng chẳng có vấn đề gì; còn như không thể thì nên thận trọng, tránh đừng để gặp cột đồng nơi địa ngục.

Kinh văn nói: “Lúc lâm chung”. Mọi người đều sẽ chết. Không có ai tự nhận mình sẽ sống mãi mãi, trừ phi người tu hành đã thành tiên, thánh – trong trường hợp đó, họ có thể sống hoặc chết tùy ý. Hoặc nếu quý vị là bậc A-la-hán, là Bồ tát, thì quý vị đã vượt hẳn sự sống chết rồi. Không thể, ắt mọi người cũng sẽ đến “lúc lâm chung”. Khi cái chết đến với người tội lỗi, đối tượng họ nhìn thấy là “lửa hồng” rực cháy. Đây chính là lửa dục, là tham muốn nhục dục. Ngọn lửa đỏ ấy không dừng lại một nơi nào, mà nó đầy khắp hư không và xuyên suốt khắp pháp giới. Khi ấy **thần thức người chết bay rơi theo khói vào ngục Vô gián**. Thần thức tức thức thứ tám, hoặc có khi gọi là linh hồn – nó có khả năng thành Phật, hoặc thành quỷ. Sau khi mệnh chung, thần thức ấy gọi là “thân trung âm”. Điều gì sẽ xảy ra với thân trung âm? Đầu tiên nó sẽ bay lên, nhưng sau đó nó rơi xuống. Thần thức có khả năng bay vượt không gian, nhưng trong trường hợp này, thức không còn mạnh mẽ, sâu sắc, nên chỉ bay lên một ít rồi rơi xuống. **Thần thức người chết bay rơi theo khói vào ngục Vô gián**. Đây không phải là một sân chơi. Tôi nghĩ cả tên lửa cũng không muốn đâm đầu xuống nơi ấy. Vậy nên, chúng ta nên gieo nhân lành để tránh những quả dữ như thế.

Kinh văn:

Phát ra hai tướng: Một là thấy sáng, thấy khắp nhiều loại thú dữ, sinh ra khiếp sợ vô cùng. Hai là thấy tối, lặng yên chẳng thấy gì, sinh ra sợ hãi vô hạn.

Giải thích:

Người tạo nghiệp nặng ắt phải rơi vào ngục Vô Gián. Ở đây thân trung âm **Phát ra hai tướng: Một là thấy sáng, thấy khắp nhiều loại thú dữ**. Với nhận thức ánh sáng tỏ, người đó sẽ thấy rất rõ mọi điều. Họ sẽ thấy gì? – Thấy tất cả mọi điều dữ, những điều ấy rất đáng sợ mà quý vị có thể tưởng tượng được. Đây là sói, là hổ, những thân người đầu trâu, mặt ngựa – đó là bọn quỷ vô thường, đều rất đáng sợ. Thân uẩn nhận ra những loài hung dữ ấy nên **sinh ra khiếp sợ vô cùng**. Họ phải chịu đựng nỗi sợ hãi ghê gớm ấy. **Hai là thấy tối, lặng yên chẳng thấy gì**. Chẳng nhìn thấy được gì, vì không có ánh sáng của mặt trời, trăng, sao, và đèn đuốc. Tất cả đều “lặng yên chẳng thấy gì”, từ đó mà **sinh ra sợ hãi vô hạn**. Khi ấy chỉ còn là nỗi sợ khủng khiếp. Nếu người đó có thấy một cô gái đẹp mà anh ta còn có ý ham muốn thì quả là rất lạ! Người ấy chỉ còn sợ và sợ trong cõi địa ngục ấy vì đã tạo nghiệp dâm dục.

Kinh văn:

Lửa thấy như thế đốt cái nghe thì có thể làm vạc dầu sôi, làm cột đồng nóng bỏng; đốt hơi thở thì có thể làm khói đen, lửa đỏ, đốt cái nếm thì có thể làm viên tròn nung đỏ, làm cơm sắt, đốt cảm xúc thì có thể làm tro nóng, lò than; đốt tâm ý thì có thể thành ra sao lửa rưới khắp làm rung động cả hư không.

Giải thích:

Phần này diễn giải về tình hình chịu khổ của sáu giao hóa. **Lửa thấy như thế đốt cái nghe thì có thể làm vạc dầu sôi, làm cột đồng nóng bỏng.** Khi lửa thiêu đốt tai và diệt cái nghe, vào nơi địa ngục nó thành ra vạc dầu và cột đồng nóng cháy. Dầu thì do quỷ đổ vào vạc. “Quỷ” ở đây chính là thần thức của người chết. Liệu người ấy trong vạc dầu sôi bỏng có nhớ được gì trước đó? Đôi tai là để nghe, mắt để nhìn, nhưng thay vì nghe lẽ phải, điều chính đáng, thì người đó chỉ lắng nghe lời dụ hoặc êm dịu, dẫn đến phạm tội, đến đời phải chịu khổ vì vạc dầu, vì cột đồng. **Đốt hơi thở thì có thể làm khói đen, lửa đỏ.** Khi lửa đốt mũi thì hơi thở thành khói đen, thành lửa đỏ. Đây là do người đó ưa thích ngửi lấy hương thơm. Nhưng tôi tin rằng loại khói đen đó, hít vào chẳng dễ chịu chút nào. Thực ra, đó là mùi hôi đáng sợ, nhưng quả báo phải chịu vậy.

Đốt cái nếm thì có thể làm viên tròn nung đỏ, làm cơm sắt. “Viên tròn” là viên sắt nhỏ, khi đưa vào miệng thì nó đốt lưỡi thành khô cháy. Người ấy thích “vị của nữ” – thích hôn họ, giờ đây, y phải điếm tâm hằng ngày bằng cơm sắt ấy. **Đốt cảm xúc thì có thể làm tro nóng, lò than.** Khi lửa đốt xúc giác thì nó biến thành tro, và là loại tro nóng.

Đốt tâm ý thì có thể thành ra sao lửa rưới khắp làm rung động cả hư không. Lửa đốt cháy người ấy tỏa ra khắp như sao trên bầu trời, nó làm thành bức tường nóng bỏng khắp cả không gian.

Kinh văn:

Hai là giao báo về nghe, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp nghe ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết rơi xuống theo dòng vào ngục Vô Gián.

Giải thích:

Hai – trong sáu giao báo, là **giao báo về nghe**. Về căn bản, nếu chúng ta quay trở lại với tính nghe để nghe tự tính thì tính nghe ấy thành đạo Vô thượng. Đàng này, con người chỉ muốn được nghe những gì ưa thích, nghe

những âm thanh không trong sạch, hoặc đòi trụ. Hoặc thích nghe người nữ nói năng, ca hát. Kinh văn nói: Đây là cả hai giới nam, nữ. Khi phạm tội họ đều chịu đựng hình phạt như nhau, đều **phải chiêu cảm ác quả** đã gây ra

Chiêu cảm là gọi lại: “*Nào, đến đây! Đến đây*” – giọng điệu rất thuyết phục. Đây là sự dẫn dụ. **Khi nghiệp nghe ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất.** Nghiệp nghe thuộc nhĩ căn. Khi chiêu dẫn quả báo thì chính nó là thủ phạm, còn năm căn khác là tông phạm. Quý - thân trung âm, sẽ nhìn thấy sóng dâng trào đầy khắp. Điều đó có thực không? Không. Đây chỉ là hình tượng biểu hiện vì nghiệp báo của người đó. Nó thư là thật khi mọi người chúng ta nhìn thấy núi, sông, mặt đất, cây cối, nhà cửa, San Francisco, New York, Nhật Bản và mọi thứ khác – tất cả đều là sự biểu hiện vì nghiệp lực của chúng ta. Không có nghiệp lực, tất cả chỉ như hư không. Nếu nghiệp của quý vị chấm dứt, tình của quý vị là rỗng không thì mọi sự khắp pháp giới đều là không. Nó hoàn toàn rỗng suốt, chẳng có gì. Chỉ vì chúng ta đeo đuổi, trước nhiệm nên thấy có hình thể, màu sắc.

Quý thấy sóng nước dâng tràn thì **thần thức người chết rơi xuống theo dòng vào ngục Vô Gian.** Người đó theo dòng và rốt cùng trở lại căn nhà của các anh em. Nơi đó ở đâu? Đây là địa ngục Vô gián. Và ai là anh em? Là cái thấy của người đó. Cả sáu anh em cùng hợp lại.

Kinh văn:

Phát ra hai tướng: Một là nghe tỏ, nghe các thứ ồn ào, tinh thần hoảng loạn. Hai là điếc hẳn, lạng lẽ chẳng nghe gì, u hồn chìm lạng.

Giải thích:

Rất nhiều người đã được nhắc nhở, khuyên giải, nhưng họ vẫn cố tình gây tội lỗi. Quý vị nói về điều hay để thành Phật, nhưng họ không thích làm Phật. Nói về những khủng khiếp nơi địa ngục – họ không tin. Thành một vị Phật là điều tốt đẹp, nhưng họ không chịu cố gắng: “*Chuyện đó để bàn sau nhé!*”. Có khi họ nói nghe âm thanh không trong sáng là tạo nghiệp, nhưng rồi họ lại say mê lắng nghe. Họ nghĩ: “*Tôi có nghe điều đó trong kinh, nhưng tôi không tin đó là thật*”.

Khi thân trung âm rơi vào ngục Vô gián, liền **phát ra hai tướng: Một là nghe tỏ, nghe các thứ ồn ào, tinh thần hoảng loạn.** Các địa ngục hiện ra rõ ràng. “Hoảng loạn” có nghĩa chẳng nhớ được gì. **Hai là điếc hẳn, lạng lẽ**

chẳng nghe gì, u hồn chìm lặng. Hoàn toàn điếc đặc. Hồn chẳng còn biết đâu là đâu, nó chìm hẳn đi.

Kinh văn:

Sóng nghe như thế, rớt vào cái nghe thì có thể làm trách cứ, làm hỏi han; rớt vào cái thấy thì có thể làm sấm, làm thét, làm hơi độc dữ; rớt vào hơi thở thì có thể làm mưa, làm mù, rưới các sâu độc lên khắp thân thể; rớt vào các vị thì có thể làm mủ, huyết, các thứ như nhọt; rớt vào cảm xúc thì có thể làm súc vật, làm quỷ, làm phân, nước tiểu; rớt vào ý nghĩa thì có thể làm chớp, làm mưa đá, đập nát tâm hồn.

Giải giảng:

Sóng nghe như thế, rớt vào cái nghe – tức nhĩ căn, thì có thể làm trách cứ, làm hỏi han; rớt vào cái thấy thì có thể làm sấm, làm thét, làm hơi độc dữ. Đây là địa ngục sấm chớp, có đầy khí độc. Rớt vào hơi thở thì có thể làm mưa, làm mù, rưới các sâu độc lên khắp thân thể. Đây là địa ngục lúc nào cũng mưa và sương mù dày đặc. Mưa là những sâu độc bám vào khắp người. Rớt vào các vị thì có thể làm mủ, huyết, các thứ như nhọt, rả đờ dơ dáy, bần thiu. Rớt vào cảm xúc thì có thể làm súc vật, làm quỷ, làm phân, nước tiểu. Phải chịu đựng nơi địa ngục đầy phân, nước tiểu. Rớt vào ý nghĩa thì có thể làm chớp, làm mưa đá, đập nát tâm hồn. Trong địa ngục này, mưa đá và sấm chớp dữ dội, tâm thức của quỷ bị đánh nát ra.

Kinh văn:

Ba là giao báo về người, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp người ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy khắp xa gần; thần thức người chết từ dưới đất trời lên, vào ngục Vô gián.

Giải giảng:

Quý vị sẽ đặt vấn đề: “Mùi chỉ để người, sao lại tạo nghiệp?”. Tuy nhiên, sự người cũng có thể tạo nghiệp đấy. Nghiệp của khứu giác chính là sự tham trước mùi hương, chẳng hạn ưa thích mùi hương phụ nữ. Với tà kiến như vậy thì mọi nghiệp ác đều có thể gây ra, sau đó phải nhận lấy quả báo. Do đó **ba là giao báo về người, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp người ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy khắp xa gần.** Khi sống, người đó thích người hương thơm, nhưng đến đây thì mọi thứ hương ấy đều biến thành khói độc. **Thần thức người chết từ dưới đất trời lên, vào**

ngục Vô gián. Khi thấy mọi thứ đều thắm độc, người ấy cố trồi lên mặt đất để lẩn trốn, nhưng rốt cùng cũng chỉ rơi vào ngục Vô Gián.

Kinh văn:

Phát sinh hai tướng: Một là ngủi thông, bị các hơi độc xông cùng tột, làm cho tâm rối loạn. Hai là ngạt mũi, hơi thở ngạt không thông, nằm chết giấc dưới đất.

Giảng giải:

Thân trung ám **Phát sinh hai tướng: Một là ngủi thông, bị các hơi độc xông cùng tột, làm cho tâm rối loạn, tâm thần người đó hoàn toàn hoảng loạn. Hai là ngạt mũi, hơi thở ngạt không thông.** Không sao thở được, đành **nằm chết giấc dưới đất.** Người đó rất đổi thất vọng và ngã ra chết ngất.

Kinh văn:

Hơi ngủi như thế, xông vào hơi thở thì có thể làm thông, làm ngạt; xông vào cái thấy có thể làm lửa, làm đuốc; xông vào cái nghe có thể làm chìm ngập, làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi; xông vào cái vị có thể làm cái tanh, cái ôi; xông vào cảm xúc có thể làm xấu, làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý nghĩ có thể làm tro, làm chướng khí, làm cát đá bay lên đánh nát thân thể.

Giảng giải:

Hơi ngủi như thế, xông vào hơi thở thì có thể làm thông, làm ngạt, thường xuyên phải chịu đựng điều như vậy. Xông vào cái thấy có thể làm lửa, làm đuốc. Đây là địa ngục của lửa, của đuốc. **Xông vào cái nghe có thể làm chìm ngập, làm chết đuối.** Đây là địa ngục tràn ngập máu, nước tiểu, hoặc nó làm nước lớn, làm nước sôi. Đây là các địa ngục khác. **Xông vào cái vị có thể làm cái tanh, cái ôi.** “Tanh” là mùi cá thối rữa, “Ôi” là mùi ương, tanh tửu – chỉ chung thức ăn đã hỏng, bốc mùi. **Xông vào cảm xúc có thể làm xấu, làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng.** Những người ấy phải ăn sống thịt, máu. **Xông vào ý nghĩ có thể làm tro, làm chướng khí, làm cát đá bay lên đánh nát thân thể.** Hơi ngủi xâm nhập vào ý nghĩ thì biến thành hơi độc, thành chướng khí, hoặc cát đá dồn dập bay lên, va, đập mạnh vào thân thể người ấy.

Kinh văn:

Bốn là giao báo về vị, chiêu cảm ác quả, khi nghiệp vị ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt cháy đỏ, che khắp thế giới, thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc vào lưới treo ngược đầu, vào ngục Vô gián.

Giảng giải:

Khi con người nuôi dưỡng thân mình bằng thịt động vật, họ trở nên thích ăn thịt và nghiên cứu về các mùi vị. Họ luôn tìm tòi những vị, những thức ăn mới lạ để thay đổi khẩu vị - cũng vì vậy mà tạo nên không ít nghiệp xấu. Họ tạo nghiệp bằng cách nào? Trong nghiên cứu, tìm hiểu, người Trung Quốc cho rằng thịt tươi là thức ăn dinh dưỡng tốt nhất, và họ ăn sống động vật – gọi đây là thịt tươi sống. Người phương Tây ướp lạnh thịt trước khi nấu ăn. Người Trung Quốc cho rằng thịt ướp lạnh mất đi nhiều bổ dưỡng, họ thích những loại thịt còn tươi sống hơn. Đặc biệt, người Trung Quốc có tài nấu nướng các thức ăn rất khéo léo. Hoặc, họ có lối ăn rất lạ. Đầu tiên, họ khoét một lỗ tròn giữa bàn, đoạn nhốt chặt con khỉ bên dưới bàn, đặt đầu con khỉ hơi nhô lên giữa bàn – khỉ vẫn còn sống. Kế đến người ta khéo léo vạt đỉnh đầu con khỉ, mọi người ngồi quanh bàn dùng muỗng múc lấy óc khỉ ăn sống. Đây là ví dụ về sự tạo nghiệp do vị giác. Vì tham ăn vị ngon lạ, người ta đã nghĩ ra mọi cách để rồi tự mình gây ra nghiệp chướng.

Bốn là giao báo về vị, chiêu cảm ác quả, khi nghiệp vị ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt cháy đỏ, che khắp thế giới. Nghiệp vị vẫn liên hệ chặt chẽ với năm giác quan khác. Khi người ấy chết, anh ta thấy lưới sắt nung đỏ che phủ khắp thế giới. Thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc vào lưới treo ngược đầu, vào ngục Vô gián. Thần thức người ấy bị treo ngược trong lưới sắt, đầu chúc ngược xuống, đoạn rơi thẳng vào ngục Vô gián.

Kinh văn:

Phát ra hai tướng – Một là hít vào thì kết thành giá lạnh, làm nứt nẻ thân thể. Hai là mưa ra thì bay lên thành lửa dữ, đốt rụi xương tủy.

Giảng giải:

Phát ra hai tướng – Một là hít vào thì kết thành giá lạnh, làm nứt nẻ thân thể. Hít hơi vào, đó là khí lạnh. Khí lạnh ấy thành băng, thành giá,

hơi lạnh ấy làm vỡ nát cả thân thể. **Hai là mưa ra thì bay lên thành lửa dữ, đốt rụi xương tủy.** Thở hơi ra thì nó thành lửa, đốt cháy cả xương tủy.

Kinh văn:

Vị báo như thế, qua cái nếm thì có thể làm chịu, làm nhận; qua cái thấy thì có thể làm kim thạch đốt cháy; qua cái nghe thì có thể làm binh khí sắc bén; qua hơi thở thì có thể làm lồng sắt lớn che khắp cõi nước; qua cảm xúc thì có thể làm cung làm tên, làm nổ, làm bắn; qua ý nghĩ thì có thể làm sắt nóng bay lên và từ trên không rơi xuống.

Giải thích:

Vị báo như thế, và nghiệp ác đã gây ra, qua cái nếm thì có thể làm chịu, làm nhận, “làm chịu” có nghĩa mặc dù không muốn nhưng cũng đành phải chấp nhận vì nghiệp ác đã tạo. “Làm nhận” là phải chịu đựng những điều khó chịu. Chúng ta không thể phủ nhận trách nhiệm. Qua cái thấy thì có thể làm kim thạch đốt cháy. Đây là địa ngục đầy lửa đun nóng các loại kim, thạch. **Qua cái nghe thì có thể làm binh khí sắc bén.** Địa ngục này có nhiều loại binh khí đâm, chém thân người. **Qua hơi thở thì có thể làm lồng sắt lớn che khắp cõi nước,** cả một khoảng rộng như khắp đất nước. **Qua cảm xúc thì có thể làm cung làm tên, làm nổ, làm bắn.** Cung và tên bắn vào thân người. **Qua ý nghĩ thì có thể làm sắt nóng bay lên và từ trên không rơi xuống.** Các mảnh kim thạch nóng cháy từ trên không rơi xuống đốt thân người.

Kinh văn:

Năm là giao báo về xúc, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp xúc ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn bốn mặt hợp lại, không còn đường ra; thần thức người chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, hùm, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la sát đầu ngựa, tay cầm thương, giáo, lửa vào cửa thành, hướng tới ngục Vô gián.

Giải thích:

Năm là giao báo về xúc, chiêu cảm ác quả. Nếu một người tham trước các đối tượng của xúc, ắt cũng sẽ phải trả quả ác. **Khi nghiệp xúc ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn bốn mặt hợp lại, không còn đường ra.** Nghiệp tạo từ xúc giác vẫn kết chặt với nghiệp của các quan năng khác. Người gây nghiệp như vậy sẽ bị nghiệp báo, thấy các núi lớn vây quanh và vây ép chặt lại, không còn đường để thoát. **Thần thức**

người chết thấy thành sắt lớn. Khi sương mù của núi vây phủ, người ấy nhận ra một thành sắt lớn. **Rắn lửa, chó lửa, hùm, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la sát đầu ngựa, tay cầm thương, giáo, lừa vào cửa thành, hướng tới ngục Vô gián.** Đây là những loài hung tợn, nhưng chúng là lửa. Ngục tốt đầu trâu có nhiệm vụ giữ thành. Quỷ la sát đầu ngựa và các ngục tốt cầm các loại binh khí xua đuổi các tội nhân vào thành, ngay khi vào thành họ đều bị rơi xuống ngục Vô gián.

Kinh văn:

Phát ra hai tướng – Một là hợp xúc thì núi khép lại ép thân mình, xương thịt nát ra máu. Hai là ly xúc thì gươm dao chạm thân mình, tim gan cắt xẻ.

Giải thích:

Phát ra hai tướng – Một là hợp xúc thì núi khép lại ép thân mình, xương thịt nát ra máu. Từ bốn phía, núi khép lại, nén ép thân người, các bộ phận cơ thể vỡ vụn ra, thành khối thịt nát. Khi người đó chết, tất nhiên sẽ có ngọn gió lạnh thổi đến, người đó sống lại. Một thân người mới và cũng lại tiếp tục chịu đựng những hình phạt ấy. Sống rồi chết, chết rồi sống, cứ liên tục như vậy. Đây là quả báo của xúc nghiệp.

Hai là ly xúc thì gươm dao chạm thân mình, tim gan cắt xẻ. Dao, gươm, thương, tấn công vào người, nội tạng hoàn toàn bị hủy diệt.

Kinh văn:

Xúc báo như vậy, qua cái xúc thì có thể làm đao, làm quán, làm sánh, làm án; qua cái thấy thì có thể làm đốt, làm nung; qua cái nghe thì có thể làm đập, làm đánh, làm đâm, làm bắn; qua cái thở thì có thể làm trùm, làm bọc, làm tra, làm trói; qua cái nếm thì có thể làm cày, làm kiếm, làm chém, làm chặt; qua ý nghĩ thì có thể làm rơi, làm bay, làm nấu, làm nướng.

Giải thích:

Xúc báo như vậy, qua cái xúc thì có thể làm đao, làm quán, làm sánh, làm án. “Đao” là xuất khi hiện hai vật va chạm nhau. “Quán” là trói buộc. “Sánh” là bị dao cắt, và “án” là tên bắn vào người. **Qua cái thấy thì có thể làm đốt, làm nung.** Khi cảm xúc bị cái thấy tác động, người đó phải chịu quả báo thiêu đốt như ở địa ngục nước sôi và than lửa vậy. **Qua cái**

nghe thì có thể làm đập, làm đánh, làm đâm, làm bắn. “Đập” là bị đưa tới trước tòa của địa ngục. “Đánh” – bị khảo sát, thẩm vấn trước khi qua công. “Bắn” là chịu đựng hình phạt đã gây nên tội. **Qua cái thử thì có thể làm trù, làm bọc, làm tra, làm trói.** “Trù” là đặt các thứ vào trong. “Bọc” – cái túi đựng. “Tra” – cho vào bọc, sau đó đánh đập. “Trói” – bị buộc chặt lại. **Qua cái ném thì có thể làm cày, làm kiếm, làm chém, làm chặt.** “Cày” là lưỡi bị móc sắt kéo dài ra làm lưỡi cày. “Kiếm” – lưỡi bị kiếm kẹp chặt đoạn kéo dài ra. “Chém” – lưỡi bị cắt đứt. “Chặt” – là lưỡi bị bằm nhỏ. **Qua ý nghĩ thì có thể làm rơi, làm bay, làm nấu, làm nướng.** “Rơi” là bị ném lên không và đổ xuống. “Bay”, người đó bị ném mạnh vào khoảng không, sau đó đâm sầm xuống đất. “Nấu”, dùng lửa nung, đốt. “Nướng” là đốt cháy thân mình.

Kinh văn:

Sáu là giao báo về ý nghĩa, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp ý ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước, thần thức người chết bị thổi lên không, xoay rơi theo gió, sa vào ngục Vô gián.

Giải:

Sáu là giao báo về ý nghĩa, chiêu cảm ác quả. Do ý thức tạo nghiệp nên chiêu cảm ác quả, **khi nghiệp ý ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước**, ý nghiệp nối liền với các quan năng khác, nên lúc lâm chung, cái thấy trước tiên là gió dữ thổi tung tất cả trong thế gian. **Thần thức người chết bị thổi lên không, xoay rơi theo gió, sa vào ngục Vô gián.** Hồn người chết bị thổi tung vào không gian, nhưng sau đó thì rơi xuống ngục Vô gián.

Kinh văn:

Phát ra hai tướng. Một là chẳng biết, tốt mê thì hoang mang, chạy rong không thôi. Hai là chẳng mê, hay biết thì khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn không sao chịu nổi.

Giải:

Phát ra hai tướng. Một là chẳng biết, tốt mê thì hoang mang, chạy rong không thôi. Đầu tiên là mất ý thức, khi ấy chẳng còn biết gì. Con người rơi vào trạng thái sững sờ như ngốc nghếch. Trong lúc hoảng loạn, kẻ mất ý thức ấy chỉ biết bỏ chạy, không dừng nghỉ. Quý vị thấy có đau khổ lắm không? **Hai là chẳng mê, hay biết thì khổ, bị đốt cháy không cùng,**

đau đớn không sao chịu nổi. Đây là trạng thái không hoảng loạn, ý thức nhận biết rõ những gì đang xảy ra. Nhưng sự nhận biết ấy là cảm nhận sự đau khổ. Mặc dù không hoảng loạn, nhưng mọi thứ đều là khổ não. Đau khổ vì lửa đốt, cả người như bị ngứa ngáy, rất khó chịu – đau đớn ấy liên tục kéo dài mãi.

Kinh văn:

Ý báo như thế, kết với ý căn thì có thể làm phương, làm sở; kết với cái thấy thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ; kết vào cái nghe thì có thể làm đại hợp thạch, làm giá, làm sương, làm đất, làm mù; kết vào hơi thở thì có thể làm xe lửa lớn, làm thuyền lửa, củi lửa; kết vào cái nắm thì có thể làm kêu gọi to, làm ăn năn, làm khóc lóc; kết vào cảm xúc thì có thể làm lớn, làm nhỏ, làm cho một ngày phải muôn lần sống muôn lần chết, làm nghiêng, làm ngửa.

Giải giảng:

Ý báo như thế, kết với ý căn thì có thể làm phương, làm sở là chỉ những suy nghĩ không chính đáng, sự buông thả ý tưởng – nghĩ về điều lạ lùng, khó hiểu. Khi tà ý chịu quả báo, nó rơi vào nơi thẩm tra, xét hỏi. **Kết với cái thấy thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ.** “Gương soi” là tấm gương phản ánh tội lỗi nơi địa ngục. Mọi người đến đây đều phải đi ngang qua gương, họ sẽ nhìn thấy các hành vi thiện, ác trong đời sống trước đó, không thể phủ nhận được. **Kết vào cái nghe thì có thể làm đại hợp thạch,** chung quanh bốn bên đều có đá vây kín, đều **làm giá, làm sương** lạnh buốt, cùng là **làm đất, làm mù.** Đây là địa ngục rất ô uế, sương mù màu vàng dày đặc khiến người rơi vào nơi ấy không thấy được điều gì, họ mất hết phương hướng.

Kết vào hơi thở thì có thể làm xe lửa lớn. Đây không phải loại tàu hỏa như quý vị đi nghỉ mát, mà là loại xe đẩy lửa đỏ, có sức đốt cháy người, **làm thuyền lửa,** đây là con tàu bốc lửa buộc phải leo lên. **Củi lửa,** củi giam tù nhân đầy lửa. **Kết vào cái nắm thì có thể làm kêu gọi to, làm ăn năn, làm khóc lóc.** Tiếng ồn trong địa ngục này thật ghê gớm, đây đây những tiếng kêu la, than khóc...

Kết vào cảm xúc thì có thể làm lớn, làm nhỏ tức địa ngục lớn, địa ngục nhỏ, **làm cho một ngày phải muôn lần sống muôn lần chết,** chỉ trong một ngày mà con người phải chịu đựng sự sống, chết hàng vạn lần, khiến cho phải **làm nghiêng, làm ngửa** – người ngã xuống, hoặc bò dậy, hoặc

đứng lên...mãi mãi như thế. Tóm lại, nơi đây chẳng dễ chịu chút nào, một nơi quá đau khổ, chẳng ai muốn đến cả.

Kinh văn:

A Nan, đây gọi là mười nhân và sáu quả của địa ngục, nhân quả ấy đều do mê vọng của chúng sinh tạo ra.

Giảng giải:

A Nan, đây gọi là mười nhân và sáu quả của địa ngục. Có nhiều địa ngục và tên gọi khác nhau, nhưng tất cả đều bắt nguồn từ mười tập nhân:

1. Dâm
2. Tham
3. Mạn
4. Sân
5. Trá
6. Cuồng
7. Oan
8. Kiến
9. Uổng
10. Tụng

Và sáu quả liên quan đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, cùng với sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, **nhân quả ấy đều do mê vọng của chúng sinh tạo ra.** Từ nghĩ tưởng sai lầm, vô minh khởi lên và sinh ra nghiệp. Nhưng nếu chúng ta quay trở lại tánh nghe, lắng nghe tự tính của chính mình thì mọi nghiệp chướng đều tan biến.

Kinh văn:

Nếu các chúng sinh, sáu căn đồng tạo nghiệp dữ thì vào ngục A Tỳ, chịu khổ vô cùng trong vô lượng kiếp.

Giảng giải:

Nếu các chúng sinh, sáu căn đồng tạo nghiệp dữ thì vào ngục A Tỳ. Nếu chúng sinh tạo nghiệp ác từ mười tập nhân và sáu giao báo tất sẽ đi thẳng vào ngục A Tỳ. Đây là ngục Vô gián, nhưng rất đổi khốc liệt nên có tên gọi đặc biệt như vậy. Về căn bản, các ngục Vô gián đều có thể gọi là A

Tỳ, nhưng do tính chất khủng khiếp hơn nên gọi vậy. Trong địa ngục ấy, các chúng **chịu khổ vô cùng trong vô lượng kiếp.**

Kinh văn:

Nếu từng mỗi căn trong sáu căn tạo ra, và nghiệp dữ đã làm gồm cả cảnh và căn thì người đó vào tám ngục Vô gián.

Giải thích:

Nếu từng mỗi căn trong sáu căn tạo ra. Nếu từng bộ phận mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tự tạo nghiệp – đối với mười tập nhân, từng hành vi ấy không diễn ra cùng lúc, và **nghiệp dữ đã làm gồm cả cảnh và căn thì người đó vào tám ngục Vô gián.** “Cảnh”, tức đối tượng của các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ở đây các căn gây ra các tập nhân nhưng không cùng lúc. Khi cả sáu căn và cảnh cùng tạo nghiệp thì người đó phải chịu quả báo – vào tám ngục Vô gián. Đó là tám ngục nóng, tám ngục lạnh.

Kinh văn:

Nếu cả thân, khẩu, ý làm việc sát, đạo, dâm thì người ấy vào mười tám địa ngục.

Giải thích:

Nếu cả thân, khẩu, ý làm việc sát, đạo, dâm. Đây là ba điều ác của thân:

1. Sát sinh
2. Trộm cắp
3. Tà dâm

Bốn điều ác của miệng:

1. Vọng ngữ
2. Ỗ ngữ
3. Lưỡng thiệt
4. Ác khẩu.

Ba điều ác của ý:

1. Tham

2. Sân
3. Si

Nếu nghiệp của thân, khẩu, ý không trong sạch, sẽ gây ra mười điều ác, **thì người ấy vào mười tám địa ngục.** Đây là mười tám địa ngục rất đáng sợ.

Kinh văn:

Không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoặc chỉ làm một việc sát, hoặc một việc đạo, thì người ấy vào trong ba mươi sáu địa ngục.

Giảng giải:

Phần trên nói về các nghiệp nặng. Nay nói về ba tạo nghiệp không đầy đủ. **Không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoặc chỉ làm một việc sát, hoặc một việc đạo.** Có thể người đó gây nghiệp sát sinh, hoặc trộm cắp, hoặc chỉ sát sinh và trộm cắp, hoặc sát sinh và tà dâm, hoặc trộm cắp. Tóm lại, người đó không gây đủ cả ba nghiệp, do đó, nghiệp ác có phần nhẹ hơn, **thì người ấy vào trong ba mươi sáu địa ngục.** Mặc dù phải qua nhiều ngục, nhưng vì tội nhẹ nên ác địa ngục ấy không khốc liệt lắm.

Kinh văn:

Chỉ có một căn, riêng làm một nghiệp, thì người ấy vào một trăm lẻ tám địa ngục.

Giảng giải:

Chỉ có một căn nhưng cũng là nguyên nhân gây ra tội lỗi. Cho nên:

Nếu mắt không thấy, miệng chẳng thèm ăn.

Nếu tai không nghe, ý đâu có vọng động

Nếu quý vị không thấy thức ăn ngon, miệng ắt sẽ không phạm tội thèm ăn. Nếu tai không nghe lời yêu thương dịu dàng thì ý đâu có khởi lên tham dục. Chính cái thấy bắt nguồn cho mọi lỗi lầm. Do đó, Kinh văn nói: **Chỉ có một căn, riêng làm một nghiệp,** có thể người đó chỉ phạm phải một trong ba nghiệp về thân, sát sinh, hoặc trộm cắp, hoặc tà dâm, **thì người ấy vào một trăm lẻ tám địa ngục.**

Kinh văn:

Do các chúng sinh ấy riêng gây ra nghiệp, nên vào chỗ đồng phận trong giới ấy, đó là do vọng tưởng sinh ra, không phải xưa nay vốn có như vậy.

Giảng giải:

Do các trường hợp như đã nói qua, **các chúng sinh ấy riêng gây ra nghiệp**. Các chúng sinh vì tạo nghiệp khác nhau nên quả báo cũng có khác, **nên vào chỗ đồng phận trong giới ấy**. Mọi người vì riêng tạo nghiệp nên vào chỗ đồng phận. Mỗi tội đều có báo, các chúng gây ra tội thì đều chịu quả báo nơi địa ngục - **đó là do vọng tưởng sinh ra, không phải xưa nay vốn có như vậy**. Đây là các địa ngục sinh khởi từ tội lỗi. Tội lỗi gây ra từ vô minh, chúng dẫn khởi từ những suy nghĩ sai lầm. Về căn bản, thực ra chúng đều không có thật, căn bản của nó vốn là thanh tịnh và vô trước – chẳng có gì cả, chỉ vì:

Đi sai một nước, thua cả ván cờ

Hoặc như nói:

Sai một ly, đi một dặm.

---o0o---

PHẬN QUỶ

Kinh văn:

Lại nữa, A Nan, các chúng sinh đó nếu không phá luật nghi, phạm Bồ tát giới, hủy báng Niết bàn của Phật, mà chỉ phạm những nghiệp phức tạp khác, thì sau khi bị đốt cháy nhiều kiếp, đền hết tội lỗi thì chịu những hình trạng quỷ.

Giảng giải:

Giải thích về mười tập nhân và sáu giao báo, dù chưa dứt, Đức Thích Ca Mâu Ni bảo: **Lại nữa, A Nan**, ta sẽ nói thêm cho ông biết, **các chúng sinh đó**, những kẻ đã tạo nghiệp, **nếu không phá luật nghi** – có người nói, như: Đạo Phật là đạo Phật, cần gì phải có giới luật ràng buộc? Con người

cần tự do, nhất là nước Mỹ thì càng được tự do, nếu không tự do thì chết đi cho rồi! Họ phản đối giới luật Phật, thậm chí còn nói, một người xuất gia, là thành viên của Tăng già thì thọ giới hay không thọ giới cũng không sao. Đây là lời nói bất chính nhằm mê hoặc chúng – là nguyên nhân dẫn tới địa ngục. Họ **phạm Bồ tát giới**, họ không giữ trọn mười trọng cấm và bốn mươi tám khinh cấm Bồ tát giới. Họ **hủy báng Niết bàn của Phật**, cho rằng Niết bàn là không thật có, như vậy họ càng dẫn sâu vào tội lỗi, và **chỉ phạm những nghiệp phức tạp khác** – đó đều là nghiệp xấu. Do gây ra các tội **thì sau khi bị đốt cháy nhiều kiếp** là quãng thời gian rất lâu dài, **đền hết tội lỗi**. Họ phải chịu đựng hết mọi hình phạt báo ứng nơi địa ngục, và tội lỗi gột sạch **thì chịu những hình trạng quý**. Khi dứt tội, các chúng sinh ấy tái sinh làm quý.

Có người tự nhận là người học Phật, nhưng họ lại không tin những quý nói đến trong kinh Lăng Nghiêm. Có nhiều loại quý chứ không phải một. Thực ra, xin nói với quý vị điều này: chú Lăng Nghiêm, xét chung, đây chính là tên của các quý. **La She Pwo, Ju La Bwo Ye**, là tên của quý. Lý do chúng ta tụng chú gọi tên của quý vương. Khi tụng danh hiệu của quý chúa, các loại quý thường khác không dám gây hại, phá rối mình. Chú là tên của quý, thần vậy.

Luận về việc tái sinh làm quý, vậy đó là loại quý nào? Có mười loại quý ứng với mười nghiệp gây ra từ mười tập nhân, nhưng thực ra đó chỉ là mười loại tượng trưng, còn có rất nhiều loại quý khác.

Kinh văn:

Nếu do vì tham vật mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là Quái quý.

Giải thích:

Nếu do vì tham vật, tức nguyên nhân, **mà làm ra tội**. Đối tượng tham đó là gì? Đây là lòng tham muốn đắm dục. Một người tham luyến, đeo đuổi theo đối tượng và gây nên tội ắt phải vào địa ngục. Sau khi đền hết tội, ra khỏi địa ngục, nhưng tập khí tham luyến chưa dứt, khi ấy, nếu gặp đối tượng vật nào đó, người ấy sẽ hình thành tinh, thành quái, gọi là **Quái quý**.

Kinh văn:

Do tham sắc mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp gió mà thành hình, gọi là Bạt quý.

Giải thích:

Do tham sắc mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp gió mà thành hình. Khi đền tội xong, người ấy ra khỏi địa ngục, nhưng tập khí tham dâm chưa dứt, tính lãng du phóng đãng vẫn còn, nên gặp gió thành hình, gọi là Bạt quỷ. Bạt quỷ tức là Hạn quỷ, hoặc còn gọi là Nữ yêu, loài quỷ này đến đâu thì nơi đó khô hạn, không có mưa. Nhân vì đa dâm nên làm cho âm dương không thuận, mây mưa bất thành. Và đây là sự thực: Nghe kinh Lăng Nghiêm, quý vị có thể khám phá ra nhiều bí ẩn của thế gian, những vấn đề khoa học vật lý được nêu rõ trong bản kinh này. Nếu không nghe Lăng Nghiêm, quý vị sẽ không hiểu tại sao có khô hạn và hoang mạc. Về căn bản, nơi ấy có nhiều Bạt quỷ.

Kinh văn:

Do tham dối trá mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp súc thành hình, gọi là Mỹ quỷ.

Giải thích:

Đây là loại quỷ hình thành khi gặp một động vật, có thể đó là con cáo, con sói, hoặc là mèo, chó – những con vật ấy có thể tiềm tàng trong chúng tính chất kỳ lạ, siêu tự nhiên. Tôi từng thấy một con mèo có tính cách của quỷ. Nó có động tác rất khác thường, như nhảy lên nóc nhà cao ba mét, đoạn từ trên cao nhảy xuống đất, hoặc chạy xuyên suốt từ đường này qua đường khác. Loài cáo cũng vậy, nó có thể nhập hồn vào một người và nói năng bình thường. Có rất nhiều hiện tượng lạ như vậy. Đây gọi là Mỹ quỷ. Khi loài quỷ này nhập vào người, thì tâm ý người đó thất tán, mất hết nhận thức – như là họ ngủ say đi vậy.

Kinh văn:

Do tham giận mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con sâu thành hình, gọi là Cổ độc quỷ.

Giải thích:

Do tham giận mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con sâu thành hình. Tất cả mười loại quỷ đã thuật qua đều là do lòng tham của họ. Chính lòng tham khiến họ thành hình dạng như quỷ. Ở đây là lòng tham tức giận. Lòng chất chứa đầy tức giận, họ tấn công kẻ khác mà không cần lý do, chính vậy nên tạo thành nghiệp chướng tức giận. Nguyên nhân đó khiến

họ vào địa ngục. Khi đền hết tội, họ thành quý, thay đổi hình dạng khi gặp sâu, gọi là **Cổ độc quý**. Loại cổ độc này thấy có ở Quảng Đông, Trung Quốc. Người ta dùng nó để hại người khác. Cổ độc trích lấy từ một loài sâu, hòa với thảo dược chế biến thành loại thuốc. Họ pha vào tra cho ai đó uống, uống xong sẽ trở thành kẻ phục thù mệnh của chủ nhân Cổ độc; nếu trái lệnh sẽ chết. Ở các quốc gia Đông Nam Á như Singapore, Thái Lan, Việt Nam...đều có các loại Cổ độc. Đây là loại quý rất độc hại.

Kinh văn:

Do tham thù oán mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp vận suy mà hình thành, gọi là Lệ quý.

Giải thích:

Do tham thù oán mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp vận suy mà hình thành. “Thù oán”, là luôn nghĩ đến điều đã xảy ra trong quá khứ và lòng căm tức giận mãi. Vì muốn trả cho được thù nên phạm tội; sau khi đền hết tội, người ấy ra khỏi ngục Vô gián, nhưng tập khí oán giận chưa dứt, gặp phải vận suy nên thành hình. Đó có thể là vận suy của kẻ thù, hoặc loại động vật suy nhược, già yếu – và kẻ đó nương theo hình dạng thành hình, gọi là Lệ quý. Đây là loại quý rất dữ dằn, đáng sợ. Nó có thể hại mạng người cách dễ dàng như lấy đồ trong túi.

Kinh văn:

Do tham ngạo mạn mà làm ra tội, thì người đó đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Ngạ quý.

Giải thích:

Do tham ngạo mạn mà làm ra tội, thì người đó đền tội xong, gặp khí thành hình. Một kẻ cao ngạo sẽ chẳng coi ai ra gì. Chúng ta không nên cao ngạo, ngã mạn hoặc khiếm nhã đối với người khác. Một người chẳng muốn biết gì về đối tượng khi tiếp xúc thì thật là mất lịch sự.

Thời Tam Quốc ở Trung Quốc, có một danh sĩ tên Nễ Hoàn, ngày nọ ông ta đến viếng Tào Tháo. Khi ấy quyền lực Tào Tháo rất lớn, và ông ta rất đồi kiêu ngạo, chẳng coi ai ra gì. Biết Nễ Hoàn đến, Tào Tháo dặn dò các quan thân cứ ngồi yên lặng, đừng màng đến khách để xem tài năng kẻ sĩ kia thế nào. Khi Nễ Hoàn đi vào, thấy mọi người ngồi yên lặng, chẳng ai đứng

lên chào hỏi hoặc nói năng gì. Nễ Hoàn thấy thế bèn khóc lên. Tào Tháo hỏi: “*Tại sao ông khóc?*”.

Nễ Hoàn đáp: “*Tôi thấy mọi người ngồi chết lặng trong triều, vậy sao chẳng đau lòng mà không khóc được?*”. Tào Tháo bị Nễ Hoàn mắng khéo, ông ta chỉ biết lặng thinh nuốt giận.

Người gây nên tội, sau khi đền hết tội và ra khỏi địa ngục, gặp khí thì thành hình. Đây là loại khí làm cho thần thức người đó thành hiển hiện, **gọi là Nga quý**. “Nga quý” là tên gọi chung, chỉ các quý chẳng có gì để ăn. Chúng có hình dạng: Bụng to như cái trống, cổ họng nhỏ như cây kim, do đó, chúng chẳng nuốt được thức ăn. Nếu thấy loại quý như thế, quý vị thấy có đáng sợ không?

Kinh văn:

Do tham lừa gạt mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp u ẩn thành hình, gọi là Yểm quý.

Giải thích:

Do tham lừa gạt mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp u ẩn thành hình. Chỉ vì tham lam, dối gạt nên gây ra tội chướng, người ấy phải vào ngục Vô gián chịu tội. Trải qua hàng trăm ngàn kiếp chịu đựng ác báo, nghiệp báo trả xong, người ấy ra khỏi địa ngục, nhưng vì tập khí dối gạt chưa dứt, thích đeo đuổi những tội tã, ỉn khuất, gặp u ẩn nên thành hình, **gọi là Yểm quý**. Quý vị còn nhớ quý Cư bàn trà (Kumbhanda) đã nói qua? Chính là loại quý này. Một người học trò của tôi nói, anh ta từng gặp loại quý này nhiều lần, có khi ra sức xua đuổi chúng, dĩ nhiên, anh ta không mất mạng.

Mỗi nguy hại là sống lẫn cùng chúng, và loại Yểm quý nào có thể hại người bằng kỹ thuật của chúng. Nhưng ngày nay, người học trò tôi đã tin Phật, và tôi tin loài quý ấy không dám quấy phá anh ta nữa.

Kinh văn:

Do tham tà kiến mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng Lượng quý.

Giải thích:

“Tà kiến” là quan điểm, nhận thức của riêng mình. Với kiến thức, con người nhận xét sự việc rất tinh tế, khéo léo, nhưng cũng chính từ sự thông minh đó, chúng ta lại phạm phải nhiều hành động sai trái. Như biết rõ giết người là phạm tội, thế mà họ vẫn chẳng nương tay. Biết trộm cắp là có lỗi, họ vẫn lấy cắp. Có thể đó là người giỏi, là người thông minh, lời nói có sức thuyết phục, nhưng hành động thì bất chính. Có người **Do tham tà kiến** – người đó thông minh nhưng hành động hồ đồ, sai trái **mà làm ra tội**. Do phạm tội, người đó phải vào ngục Vô gián, chịu đựng khổ não qua trăm ngàn kiếp. Đền tội xong, được thoát khỏi địa ngục – vậy điều gì sẽ xảy ra tiếp theo? Tập khí cũ chưa dứt, tà kiến vẫn còn, thế nên **gặp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng Lượng quý**. Nếu thần thức người đó gặp người mạnh mẽ, đầy năng lực, hoặc tinh hoa của nhật, nguyệt tất sẽ theo đó hiện hình. Quý Vọng Lượng như thế nào? Có khi chúng hiện thành trẻ con nhưng chỉ có một chân, hoặc một thiếu niên nhưng có đầu giữa đôi chân – Đây là những hình dạng rất đáng sợ.

Ở nhiều nơi rừng núi có hồ dữ, mọi người sẽ không dám đi qua đấy. Nhưng loài quỷ này sẽ hóa hiện thành người và đi lại nơi ấy, nhiều người thấy vậy, nghĩ là hồ đã đi xa nên tiếp tục lên núi. Rốt cục họ bị hồ giết hại. Như vậy, chính Quý Vọng Lượng đã giúp cho hồ ăn thịt người.

Kinh văn:

Do tham vu vạ mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp tinh linh thành hình, gọi là Dịch Sử quý.

Giải thích:

Do tham vu vạ mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp tinh linh thành hình. Đây là tập khí đối trá. Vì muốn được nên dùng mọi cách dối gạt người. Hành động ấy khiến người phạm tội đi vào địa ngục. Sau hàng trăm ngàn kiếp chịu tội, người ấy ra khỏi địa ngục, nhưng tập khí đối trá chưa dứt, thần thức người ấy vẫn muốn gạt người. Do đó khi gặp tinh linh – tức là loại chú thuật, thì thành hình, **gọi là Dịch Sử quý**, nó giúp con người làm những điều họ muốn.

(Tại Trung Quốc có người tên Kỷ Hiếu Đường, dưới tay ông ta có năm con quỷ Dịch Sử. Loài quỷ này cũng có năm thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ, thần túc, túc mạng và tha tâm thông, không có lậu tận thông. Loài quỷ này thuộc âm, không phải thuần dương nên sức thần thông không lớn. Kỷ Hiếu Đường dùng quỷ này đi truyền đạt tin tức, nơi nào có tai họa, ông sai bọn

chúng đến cứu giúp người lương thiện. Đương thời, người trong xóm đều gọi ông là thần tiên sống).

Kinh văn:

Do tham bẻ phái che giấu mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống quý.

Giảng giải:

Do tham bẻ phái che giấu mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con người thành hình. “Bẻ phái che giấu” – hàm ý kéo nhau ra tòa kiện tụng. Có khi ra tòa, họ kết bẻ phái vu vạ hại người, nói trái thành phải, phải thành trái để giành lấy chiến thắng. Người phạm tội như vậy ắt phải chịu quả báo, khi đền tội xong, thần thức của họ gặp người thành hình, **gọi là Truyền Tống quý.** Loài quý này nương vào hình dạng con người, nói năng như một người bình thường. Có khi kẻ đó giả dối tự xưng mình là Phật, là Bồ tát, xuất hiện trong đời để cứu nhân độ thế, y đoán biết được mọi sự lành dữ sẽ xảy ra, rất linh nghiệm. Như vậy làm sao phân biệt được thật giả, chính tà? Nếu chẳng có ý đồ gì, mà là do tu hành chân chính, đạt được thần thông, thì đó là chính. Như nương vào người mà thành hình, muốn người khác cúng dường, phụng sự, dối gạt kẻ khác thì đó là tà.

Tại Trung Quốc, có người bị quý hoặc thần nhập vào người, thường gọi là ông đồng, bà bóng. Họ có thể chữa trị bệnh. Như trước đây tôi có nói đến, những kẻ như vậy có thể tự mình cầm dao đâm vào đầu, vào người của chính mình. Đây là người của quý Truyền Tống.

Kinh văn:

A Nan, những người đó đều vì thuần tình phải đọa lạc, khi lửa nghiệp đốt sạch xong thì lên làm quý. Như vậy đều là do cái nghiệp vọng tưởng tự mình chuốc lấy; nếu ngộ được đạo Bồ đề thì nơi tích tụ viên minh, vốn chẳng có gì.

Giảng giải:

Đức Phật tiếp tục giảng giải: **A Nan**, ông biết không? **Những người đó đều vì thuần tình phải đọa lạc.** Vì họ chìm đắm trong tình. Căn bản là vì tình dục, thiếu đi lý trí suy nghĩ chính đáng, họ hành động vì tình, vì dục, điều đó đưa họ vào địa ngục. Tình thuộc “**âm**”, và suy nghĩ chân chính là “**dương**”. Sau khi vào địa ngục và **khi lửa nghiệp đốt sạch xong** họ rời

khỏi địa ngục **thì lên làm quý**. Mặc dù nơi địa ngục đã đốt sạch nghiệp chướng, nhưng sau khi trở lại thế gian, tập khí cũ vẫn chưa dứt hẳn, nên người đó làm thành quý.

Tình trạng **như vậy đều là do cái nghiệp vọng tưởng tự mình chuốc lấy**. Sự thực, chính tự thân người ấy khởi vọng tưởng, sinh ra vô minh. Vô minh này vọng khởi từ Như Lai tạng tính, tạo ra nghiệp ác, chiêu cảm ác quả khổ não, **nếu ngộ được đạo Bồ đề thì nơi tích tụ viên minh, vốn chẳng có gì**. Nếu người đó tỏ ngộ được đạo Bồ đề tất sẽ thấy tự mình vốn thanh tịnh, bản lai tự tính viên minh trong Như Lai tạng tính là hoàn toàn vắng lặng, sáng tỏ, vậy thì có đâu là hoặc nghiệp khổ não?

---o0o---

PHẬN THỨ

Kinh văn:

Lại nữa, A Nan, khi nghiệp quý đã hết, tình và tướng – cả hai đều thành không mới nơi thế gian, cùng với người mắc nợ cũ, oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để đáp trả nợ cũ.

Giải thích:

Lại nữa, A Nan, ta sẽ giảng điều chính yếu để ông hiểu sâu hơn. Khi nghiệp quý đã hết, tình và tướng – cả hai đều thành không. Người ấy đã dứt sạch cả tình và tướng. Khi ấy **mới nơi thế gian, cùng với người mắc nợ cũ, oán đối gặp nhau.** Người ấy phải trả những điều đã vay. Nếu trước kia ăn thịt các động vật, thì nay sẽ bị chúng ăn thịt. Nếu trước kia giết người thì nay người giết lại,, **thân làm súc sinh để đáp trả nợ cũ.** Người ấy phải trả cho hết những nợ nần đã gây ra trong quá khứ. Nếu giết người, tất sẽ bị người giết hại. Nếu nợ một con heo, người ấy sẽ thành heo để trả cho người. Nợ một con chó, con bò, con gà...cũng phải trả. Hẳn nhiên, biết bao nhiêu nợ không thể trả cho hết trong thế gian này. Nếu quý vị gây ra lầm lỗi, chắc chắn điều đó sẽ làm quý vị phiền muộn, bận lòng. Nếu hành động chính đáng thì chẳng có gì phải bận tâm cả.

Kinh văn:

Quái quỷ theo vật, vật tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kiêu.

Giải thích:

Loài quái quỷ tham vật nên nương theo vật thành hình. “Vật tiêu”, là thoát ra khỏi hình hài sở hữu, nghiệp báo đã trả xong, đoạn chúng tái sinh làm con chim kiêu. Điều này hay xảy ra, song không phải là tất cả. Kinh Thi có câu: “*Con chim kiêu, con chim kiêu. Mi là con chim bất hiếu*”. Vài loại chim kiêu có thể ấp một viên đất và nở ra con. Điều này phải giải thích như thế nào nhỉ? – Vâng, thực ra là điều kỳ lạ. Khi chim kiêu nở ra, chúng ăn thịt chim mẹ. Đây là loài chim hay mang đến điềm gở.

Kinh văn:

Bạt quỷ theo gió, gió tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả những loài cừu trung kỳ dị

Giải thích:

Bất cứ nơi nào Bạt quỷ xuất hiện, nơi đó sẽ không mưa, nơi nào chúng đi qua, chỗ ấy sẽ khô hạn. Đây là những kẻ tham dâm nên tạo nghiệp, gặp gió thành hình Bạt quỷ. Khi nghiệp báo đã dứt, chúng trở lại thế gian, nhưng tập khí dâm chưa dứt, nên thay vì làm người, chúng trở thành quỷ. Tại sao phải chịu đựng như vậy? – sau khi gây ra nghiệp dâm, bị vào địa ngục, sau đó tái sinh làm Bạt quỷ, tập khí cũ vẫn chưa dứt, chúng lại tái sinh làm những loài vật lạ. Chúng có thể sinh làm loài chim có sắc lông sặc sỡ, hoặc các loài thú khác, trong chúng tập khí dâm vẫn chưa dứt.

Kinh văn:

My quỷ theo súc, súc chết báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hồ.

Giải thích:

Loài My quỷ sau khi dứt nghiệp làm quỷ, chúng tái sinh làm loài hồ (cáo).

Kinh văn:

Cổ quỷ theo sâu, sâu diệt báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài có độc.

Giảng giải:

Cổ độc quỷ thành hình là khi gặp loài sâu. Khi mạng quỷ dứt tận và nghiệp báo đã hết, nó sinh nơi thế gian, làm các loài có độc, như bò cạp, rắn...

Kinh văn:

Lệ quỷ theo vận suy, suy tột báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun.

Giảng giải:

Lệ quỷ theo vận suy, suy tột báo hết, sinh nơi thế gian. Bất cứ người nào gặp phải loài quỷ này đều phải lánh xa. Chúng có nhiều uy lực rất đáng sợ. Khi trả báo xong, **phần nhiều làm loài giun.** Đây là loài giun trong ruột chúng ta. Tôi không biết căn bệnh này ở phương Tây, nhưng ở Trung Quốc, loài giun này có thể truyền tin, chúng nói chuyện được đấy. Từ trong bụng, chúng có thể trò chuyện với người đang mang chúng. Không có thuốc để chữa bệnh như vậy, ngoại trừ người bệnh không biết là mình đang được chữa loại thuốc nào. Nếu người bệnh biết mình đang điều trị bằng thuốc nào đó thì bọn giun cũng sẽ biết. Có thể diễn đạt ý đó như sau: “*Ông không phải là con giun trong bụng tôi, vậy làm sao ông hiểu tôi nghĩ gì?*”

Không chỉ có giun, mà còn nhiều loại hữu thể khác hiện hữu trong bụng con người có thể trò chuyện. Tôi xin kể câu chuyện về một tín đồ của tôi ở Hồng Kông. Có thể năm nay bà ấy đã tám mươi tuổi, lúc đến tôi nghe đạo, bà ấy chừng sáu mươi tuổi, tai đã điếc. Tôi giảng kinh, bà ấy thực sự không nghe, bà đến chỉ với lòng tin là tôi đang giảng giải Phật pháp. Người tín đồ ấy chỉ biết tiếng Quảng Đông, và dù có người phiên dịch, bà cũng không nghe được. Muốn lên đến tự viện phải qua hơn ba trăm bậc thang. Tôi giảng từ bảy đến chín giờ, và bà ta đều đặn đến dự, lên xuống các nấc thang. Đường đi không có đèn, dù có tuổi, bà vẫn đi lại, không sợ vấp ngã. Một người rất nhiệt thành. Ngày nọ, khi nghe tụng về Hội Liên Trì của chư Phật, Bồ tát, đột nhiên đôi ta bà ta nghe tỏ tường trở lại. Bà không còn điếc. Điều ấy khiến bà càng thêm tin tưởng Phật đạo.

Đến một đêm nọ, bà nằm mơ, trong mơ bà thấy ba đứa bé độ hai đến ba tuổi. Sau giấc mơ đó bà ngã bệnh. Tự nhiên sao lại bệnh? Bà ăn uống

nhiều hơn, ăn đến hàng chục lần trong ngày. Nghĩ là mình ngã bệnh bà đi khám cả Đông Y, Tây Y, nhưng các bác sĩ nói bà chẳng bệnh gì cả. Tình trạng như vậy kéo dài suốt hai đến ba năm. Cuối cùng đến một chiều ngày mùng Bảy tháng Hai Âm lịch, trước ngày lễ Thích Ca thành đạo, khi tôi từ núi Da Yu trở về, bà đến nói với tôi:

- *Thưa thầy, tại sao có người trong bụng con nói chuyện với con?*

- *Nói gì thế? Tôi hỏi.*

Bà đáp:

- *Hôm nay con dùng mấy cái bánh bột gạo. Ăn xong, nghe trong bụng có tiếng nói: “Tôi không thích ăn món dở tệ này?”.*

- *Bà nói sao?*

- *Con bảo, các người đã được đầy đủ, nếu không ăn thì muốn ăn thứ gì? Bà ấy nói chuyện với chính cái bụng của mình.*

Tôi bảo:

- *Đừng lo, tối nay tôi sẽ giúp bà. Bà về nhà, nửa đêm nay thắp hương trên bàn thờ, sau đó niệm danh hiệu Phật.*

Bà ấy trở về làm theo lời dặn. Khi ấy bà chợt thấy ba đứa bé từ trong bụng mình thoát ra. Mấy đứa bé bà từng mơ thấy. Cùng lúc, bà thấy Bồ tát Uy Đầu hiện ra, lấy thức ăn trong bình bát cho ba đứa bé ăn. Chúng ăn xong, Bồ tát bèn xách tai cả ba đi ra khỏi nhà. Sau đó, bà cảm thấy bụng mình như trống rỗng. Từ đó bà không còn bệnh ăn nhiều nữa.

Loài giun cũng vậy, chúng có thể từ trong bụng người trò chuyện. Nhưng trong trường hợp tin đồ kia không phải là giun – đó là ba con yêu tinh, hai con ếch và một con thần lằn. Bọn chúng là nga quý. Tại sao bà ấy vướng phải căn bệnh như vậy? Từ sau khi bà trở thành Phật tử, tôi xét thấy nhân duyên bà rất tốt, chân thành và trong sạch. Nhưng trước đó, bà có quen biết một người mắc phải bệnh tương tự vậy, khi người đó thuật lại chuyện, bà không tin, nói: *“Tôi không tin. Có ai lại nghe quý đỏi từ trong bụng mình nói chuyện đâu”*. Vì nói không tin, rốt cục chính tự thân bà phải trải nghiệm căn bệnh lạ lùng như vậy. Tại Hồng Kông, có nhiều người nghe biết chuyện, họ đều không tin – cho đó là chuyện tức cười! Người Tây Phương thì càng khó tin. Và, tôi tin rằng những người Hồng Kông biết chuyện nhưng không

tin, trong tương lai họ sẽ vương phải bệnh trạng như vậy. Cái vòng nhân quả rất mạnh.

Kinh văn:

Ngạ quỷ theo khí, khí tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp thức ăn.

Giải thích:

Trong quá khứ do tham ngạ mạn, phạm phải tội ác. Khi tội báo trả xong thì chuyển sinh nơi thế gian, nhưng tập khí kiêu mạn chưa dứt nên sinh làm các động vật cung cấp thức ăn, như heo, gà, vịt...

Kinh văn:

Yêm quỷ theo u ám, u ám tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều là làm loại phục vụ

Giải thích:

Gặp u ám nên hình thành Yêm quỷ, tội chướng dứt tận, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài phục vụ. Phục vụ có hai loại: Một là cung cấp y phục, như con tằm, cáo... Một loại trợ giúp người như ngựa, bò, chó, mèo...

Kinh văn:

Vọng lượng quỷ theo tinh hoa, tinh hoa tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài chim mùa.

Giải thích:

Vọng lượng quỷ theo tinh hoa, tinh hoa tiêu báo hết. Các vọng lượng quỷ thành hình khi gặp tinh hoa, đến khi tinh hoa tán, báo dứt thì **sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài chim mùa.** Đây là các động vật sinh hoạt theo mùa. Chẳng hạn loài ngỗng hoang dã, chúng bay thành từng đàn, mùa xuân trú ở phương Bắc, đến mùa thu bay đến phương Nam. Vào mùa xuân, loài chim én bay đến các hang động làm tổ, sau đó đẻ trứng, nuôi con rồi bay đi. Đây là các loài chim di trú.

Kinh văn:

Dịch sử quỷ tinh linh, tinh linh diệt báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả các loài hư trung.

Giảng giải:

Đây là loại Dịch sử quỷ. Khi trở lại thế gian, chúng tái sinh làm tất cả động vật mang lại điềm lành cho con người, như kỳ lân, phượng hoàng.

Kinh văn:

Truyền Tống quỷ theo người, người chết báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài thuần phục.

Giảng giải:

Đây là các loại động vật dễ thuần phục, như chó, mèo, ngựa...

Kinh văn:

A Nan, bọn ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sinh làm loài vật, trả hết nợ cũ, như vậy đều do những nghiệp hư vọng của chính mình chuốc lấy, nếu ngộ được tính Bồ đề thì các vọng duyên đó vốn chẳng có gì.

Giảng giải:

A Nan, tất cả các loại tái sinh đã nói đến, bọn ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sinh làm loài vật, trả hết nợ cũ, như vậy đều do những nghiệp hư vọng của chính mình chuốc lấy. Do nghiệp đã gây ra trong quá khứ, nếu ngộ được tính Bồ đề thì các vọng duyên đó vốn chẳng có gì. Nếu tỏ ngộ đạo Bồ đề thì mọi vọng tưởng sẽ tan biến hết. Nó hoàn toàn trống rỗng.

Kinh văn:

Như lời ông nói, bọn Bảo Liên Hương, Lưu Ly vương, Thiện Tinh tỳ kheo, đều vốn tự mình gây ra nghiệp dữ, nghiệp ấy không phải từ trời rơi xuống, từ dưới đất phát ra, cũng chẳng phải do người đưa tới, mà là do chính mình gây ra, rồi tự mình chịu quả báo. Nơi tâm Bồ đề, đó chỉ là sự kết đọng của vọng tưởng không thật.

Giảng giải:

Như lời ông nói, bọn Bảo Liên Hương. Quý vị còn nhớ Tỳ kheo Ni này chứ? Lưu Ly vương, Thiện Tinh tỳ kheo, đây là những người đã thuật

qua. Họ đều vốn tự mình gây ra nghiệp dữ. Họ đi vào địa ngục, đây là do chính họ. Nghiệp ấy không phải từ trời rơi xuống, từ dưới đất phát ra, cũng chẳng phải do người đưa tới, những nghiệp xấu ấy là do chính mình gây ra, rồi tự mình chịu quả báo. Nơi tâm Bồ đề. Trong tâm Bồ đề, nghiệp khác nào ảnh tượng giả tạo, rất phù du, nó không có thật, đó chỉ là sự kết đọng của vọng tưởng không thật, chính sự kết đọng vọng tưởng sinh ra nghiệp như vậy.

---o0o---

PHẬN NGƯỜI

Kinh văn:

Lại nữa, A Nan, các súc sinh ấy đến trả nợ trước, nếu khi trả nợ, trả quá nợ cũ, thì những chúng sinh ấy trở lại làm người, đòi lại chỗ thừa.

Giải thích:

Kẻ ấy sống đòi súc sinh để trả lại nợ đã gây ra trong quá khứ. Nếu như trả quá số nợ cần thiết, kẻ ấy sẽ lại tái sinh làm người để đòi lại chỗ thừa đã trả.

Kinh văn:

Nếu như bên kia có súc, lại có cả phúc đức, thì ở trong loài người, không rời bỏ thân người, mà hoàn trả lại chỗ thừa đó, nếu không có phúc đức, thì phải làm súc sinh để đền lại chỗ thừa.

Giải thích:

Nếu như bên kia có súc, lại có cả phúc đức, thì ở trong loài người, không rời bỏ thân người. “Súc” là năng lực của nghiệp tốt. Nếu bên tích lũy nhiều phúc đức, họ sẽ không đánh mất thân người, mà hoàn trả lại chỗ thừa đó, hoàn trả xong dư nợ, kẻ đó vẫn trong hình dạng súc sinh. Nếu không có phúc đức, thì phải làm súc sinh để đền lại chỗ thừa. Phải tái

sinh làm súc sinh để trả lại nợ đã gây ra. Thật ra chẳng dễ gì lừa đảo, lấy cắp của người. Mặc dù con người không tham gia tiến trình phân xử này, nhưng chính sức mạnh của nghiệp tự thân người đó tác động như vậy.

Kinh văn:

A Nan nên biết, nếu như dùng tiền của, hoặc công sức người, thì đền đủ là xong.

Giảng giải:

A Nan nên biết, nếu như dùng tiền của, hoặc công sức người, thì đền đủ là xong. Khi đã trả đủ nợ nần, mọi việc coi như xong.

Kinh văn:

Còn như trong ấy có giết thân mạng, hoặc ăn thịt kẻ khác, như thế thì ăn nhau, giết nhau, trải qua nhiều kiếp, số như vi trần, cũng như bánh xe xoay vần, thay đổi bên cao, bên thấp, không có dừng nghỉ.

Giảng giải:

Còn như trong ấy – trong sự nợ nần người khác, có giết thân mạng, hoặc ăn thịt kẻ khác, như thế thì ăn nhau, giết nhau, trải qua nhiều kiếp, số như vi trần, cũng như bánh xe xoay vần, thay đổi bên cao, bên thấp, không có dừng nghỉ. Cái vòng xoay luân lưu bất tận – ăn thịt người, bị người ăn thịt, giết người, bị người giết, cứ thế mà diễn ra mãi mãi, giống như bánh xe xoay vòng, không dừng lại được. Đó là điều rất nguy hiểm.

Kinh văn:

Trừ khi được pháp Xa ma tha, hoặc gặp Phật ra đời, thì không sao thôi được.

Giảng giải:

Xa ma tha (Shamatha) là tên gọi thiền định, có nghĩa là Chỉ, Tịch tĩnh. Từ khi tu hành pháp thiền ấy và hành pháp thiền Lăng Nghiêm để đạt được đại định, hoặc gặp được Phật ra đời, giải thoát con người thì mọi nghiệp chướng ấy mới dừng dứt được.

Kinh văn:

Nay ông nên biết, các loài chim kiêu kia, trả hết nợ trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngoan cố.

Giảng giải:

“Các loài”, chỉ những loài chim khác có tính xấu như chim kiêu. Sau khi trả xong nghiệp báo, chúng trở lại làm hình dạng người. Mà dù làm người nơi nhân gian, nhưng tập khí cũ vẫn tiềm tàng chưa dứt, do đó, kẻ ấy ưa thích ngao du, tập hợp cùng bọn người ngoan cố, ương bướng, bất chấp lý lẽ phải trái. Con người thường ưa thích những ai có cùng khuynh hướng, cùng quan điểm như mình, chẳng hạn sinh viên giao du với sinh viên, công nhân làm bạn với công nhân...

Kinh văn:

Giống cửu trung kia, trả xong nợ lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng quái dị.

Giảng giải:

Sau khi trả xong nghiệp quái, họ được sinh trở lại nhân gian, nhưng rất quái dị. Loại tái sinh này kỳ lạ vẫn thường thấy đăng trên báo. Như có người đàn bà sinh ra đứa bé có hai cái đầu, hoặc hai thân mình liền nhau, có một đầu. Hoặc sáu quan năng trên thân đứa bé sai lệch, như mắt ở tai, tai ở mắt; hoặc mũi ở miệng, miệng nằm ngay mũi. Thường, những quái thai ấy sau khi sinh ra đều không sống được.

Kinh văn:

Những loài hồ kia, trả xong nợ cũ trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngu dại.

Giảng giải:

Loài hồ (cáo) rất tinh khôn, nhưng là loại tinh khôn của quý. Chính vì sự sai lầm, giả dối ấy nên khi tái sinh làm người, kẻ ấy thành người dung tục, ngu ngốc. Quý vị có nói điều gì, người ấy cũng không hiểu. Nếu để y lại một mình, anh ta sẽ tự thấy mình là đúng, nhưng nếu có hỏi tại sao, người ấy sẽ hoàn toàn mù mịt.

Kinh văn:

Những loài có độc kia, trả xong nợ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp bọn nham hiểm.

Giảng giải:

Những loài có độc kia, bao hàm các loài như rắn độc, thú dữ, **trả xong nợ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp bọn nham hiểm**. Đền xong nghiệp quả, chúng trở lại nhân gian sinh làm người, dù vậy, tập khí xấu ác cũ vẫn chưa dứt. Những kẻ đó rất đổi hung dữ, độc ác. Nếu họ nói giết người, họ sẽ làm cho được. Tánh hung bạo ấy chính là tập khí độc ác của loài rắn còn tiềm tàng, chưa dứt đi được.

Kinh Lăng Nghiêm luận về tính người và tính loài vật rất rõ ràng, tinh xác. Nếu quý vị tìm hiểu cẩn thận, ắt sẽ rõ điều đó.

Kinh văn:

Những loài giun kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng hèn nhất.

Giảng giải:

Những loài giun kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo. Quý vị có nhớ loài giun có thể nói chuyện? Lạ lắm đây chứ? Khi loài vật này trả xong nợ từ quá khứ, chúng sẽ trở lại làm người. Và mặc dù là người, họ lại sống không đúng với đời người, mà **tham hợp hạng hèn nhất**. Họ là những kẻ vô dụng, chỉ biết làm theo những gì người khác sai bảo – hạng người rất tầm thường, thấp kém, chẳng quan trọng gì.

Kinh văn:

Những loài cung cấp thịt ăn kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược.

Giảng giải:

Những loài cung cấp thịt ăn kia. Những kẻ tái sinh làm động vật cung cấp thức ăn cho người, **trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược**. Khi đền xong nghiệp chướng, trở lại hình người, nhưng lại sinh làm người nhu nhược, yếu đuối, vì họ vẫn chưa dứt những tập khí xấu trong quá khứ. Họ không thể sống tự lập, mà phải nương náu, nhờ vào người khác mà tồn tại.

Kinh văn:

Những loài cung cấp đồ ăn mặc kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng lao lụy.

Giải thích:

Những loài cung cấp đồ ăn mặc kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo. Những chúng sinh dùng tự thân cung cấp đồ mặc cho người, khi trả nợ xong, trở lại sinh làm người, tham hợp hạng lao lụy, tức người có đời sống lao khổ, nhọc nhằn, chẳng đặng an nhàn.

Kinh văn:

Những loại chim mùa kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa.

Giải thích:

Những loại chim mùa kia – như ngỗng hoang dã, vịt, các loài chim di trú, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa, nhưng văn hoa của họ không nhiều. Họ chỉ có một ít khả năng nào đó, họ tham gia văn hóa, nhưng chẳng có tài năng gì nổi trội.

Kinh văn:

Những loài hư trung kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông minh.

Giải thích:

Sự thông minh của họ không sâu xa, tuy nhiên, họ rất khéo về biện luận.

Kinh văn:

Những loài tuân phục kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông đạt.

Giải thích:

Những người ấy tỏ ra hiểu biết mọi điều đang xảy ra. Họ hiểu các vấn đề xã hội, nhưng thiếu đi nhận thức sâu xa về quá khứ và hiện tại. Họ thiếu

đi nền tảng giáo dục thực sự, nhưng họ vẫn đạt được những thành công đặc biệt trong công việc.

Kinh văn:

A Nan, bọn ấy trả xong nợ cũ, trở lại hình người, đều do từ vô thủy đến nay điên đảo gây nghiệp, vay trả thừa thiếu, sinh nhau, giết nhau, nếu chẳng gặp Như Lai, không nghe chính pháp thì ở trong trần lao cứ tạo nghiệp xoay vần mãi mãi, bọn ấy thật đáng thương xót.

Giảng giải:

A Nan, bọn ấy trả xong nợ cũ, trở lại hình người. Ngay khi trả xong nghiệp báo, họ trở lại làm người, đây đều do từ vô thủy đến nay điên đảo gây nghiệp, vay trả thừa thiếu, sinh nhau, giết nhau. Nhân vì điên đảo gây nghiệp, giết người và bị người giết. **Nếu chẳng gặp Như Lai.** Họ không bao giờ được gặp Như Lai, hoặc không nghe chính pháp thì ở trong trần lao cứ tạo nghiệp xoay vần mãi mãi, phải mãi mãi hiện hữu trong cõi trần. “Xoay vần” là chỉ sự trở đi trở lại không dứt. **Bọn ấy thật đáng thương xót.** Đức Phật nói các chúng sinh như thế đều rất đáng thương xót.

---o0o---

PHẬN THẦN TIÊN

Kinh văn:

A Nan, lại có chúng sinh từ loài người, không nương theo chính giác tu Tam ma đề, lại riêng tu theo vọng niệm, để tâm củng cố hình hài, đến nơi rừng núi, những chỗ người ta không đến được, thành mười thứ tiên.

Giảng giải:

A Nan, lại có chúng sinh từ loài người, không nương theo chính giác tu Tam ma đề. Từ loài người, họ không tu hành chính định, tu đại định Lăng Nghiêm, chẳng hành công phu quay trở lại tánh nghe để lắng nghe tự tánh, mà tu tập theo vọng tưởng. Có thể họ sẽ nghĩ, như: “*Bây giờ ta tu*

hành, khi thành công mọi người sẽ thấy pháp thuật của ta; lúc đó họ sẽ tin ta, khâm phục ta, nghe theo lời của ta.” Đây không phải là mục đích tu hành để thành Phật, họ chỉ muốn phát triển khả năng khéo léo để được mọi người khâm phục, phụng sự. Đây là cách thể hiện lòng tham và ngu ngốc của chính mình như vậy, **để tâm củng cố hình hài, đến nơi rừng núi, những chỗ người ta không đến được, thành mười thứ tiên.** Họ vọng tưởng mình sẽ được trường sinh bất tử, thế nên họ đi vào rừng sâu, nơi không ai đến được.

Kinh văn:

A Nan, các chúng sinh kia, kiên cố dùng đồ bổ dưỡng mà không dùng nghỉ, khi đạo ăn được thành tựu thì gọi là Địa hành tiên.

Giảng giải:

A Nan, các chúng sinh kia, kiên cố dùng đồ bổ dưỡng mà không dùng nghỉ. Họ dùng thức ăn, các dược chất, mục đích để được bất tử. “Kiên cố” – chỉ sự kiên trì thực hiện. Có người giải thích đó là lòng tin tuyệt đối khi thực hiện. Họ rất chuyên cần, ngày này qua ngày khác, luôn phát huy khả năng, luyện tập và dùng thuốc, chỉ mong được sống mãi. **Khi đạo ăn được thành tựu thì gọi là Địa hành tiên.** Kết quả, họ có được thân hình rất nhẹ khi đi đây đó. Họ có thể chạy cực nhanh, nhanh hơn cả đà điều Australia. Các thần tiên di hành như bay trên mặt đất như thế nên gọi là Địa hành tiên.

Kinh văn:

Kiên cố dùng cỏ cây mà không dùng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là Phi hành tiên.

Giảng giải:

Kiên cố dùng cỏ cây mà không dùng nghỉ. Họ quyết định kiên trì và thực hiện cho bằng được. Nếu ai đó khuyên bảo thôi đi, họ không màng đến. Lòng họ cứng rắn hơn sắt đá. Họ tin vào cách thức tu luyện của chính mình – đây là luyện thảo dược, làm thức ăn hàng ngày. **Khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là Phi hành tiên.** Thân thể họ nhẹ nhàng như khói thuốc, họ có thể đi trên mây, bay lơ lửng như sương.

Kinh văn:

Kiên cố dùng kim thạch và không dùng nghỉ, khi đạo hóa chất được thành tựu, gọi là Du hành tiên.

Giảng giải:

Kiên cố dùng kim thạch và không dùng nghỉ. Tâm ý quyết định kiên trì thực hiện cho được việc. Họ trộn lẫn thủy ngân và chì, hoặc vàng và bạc, sau đó nấu đi nấu lại, luyện liên tục suốt bốn mươi chín ngày, hoặc hai mươi một ngày, thành một loại linh dược, gọi là thuốc trường sinh. Mục đích thành công của họ là trường sinh bất tử, *thoát thai hóa cốt*. **Khi đạo hóa chất được thành tựu, gọi là Du hành tiên.** Tu luyện được siêu thoát, họ có thể đi khắp đó đây theo ý muốn.

Kinh văn:

Kiên cố làm những động tác mà không dùng nghỉ, khi khí tinh thành tựu thì gọi là Du hành tiên.

Giảng giải:

Kiên cố làm những động tác mà không dùng nghỉ, “làm những động tác”, chẳng hạn như luyện quyền thuật, tập Thái cực đạo, và tu hành tinh công, như luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư. Họ luyện tinh hóa khí cách nào? Họ ngồi thiền và không để tinh khí thoát ra ngoài. Họ không gằn gỏi đàn bà. Khí tinh không thoát nó ngược trở lại, người hành công ohu làm cho tinh hóa khí, thành luồng khí. Luồng khí này sẽ hòa quyện khắp châu thân. Đoạn tập trung tư tưởng biến hóa khí thành thần (tinh thần), từ thần lại trở về với hư không – cho đến khi chính mình như hư không. Sách Đạo Gia Ngọc Hoàng Tâm Ấn Kinh, viết: “*Thượng dược có ba phẩm: thần và khí, tinh mơ hồ phảng phất, thăm thăm mông mênh*”. **Khi khí tinh thành tựu thì gọi là Du hành tiên.**

Kinh văn:

Kiên cố luyện nước bọt mà không dùng nghỉ, khi nhuận đức được thành tựu, thì gọi là Thiên hành tiên.

Giảng giải:

Các giai đoạn trên nói về sự bất tử du hành trong không gian, ở đây sẽ thuật sự việc con người có thể đi lên cõi trời. **Kiên cố luyện nước bọt mà không dùng nghỉ.** Đặt lưỡi cong lên đốc họng để tiết ra nước bọt – nước bọt

ấy, Đạo gia gọi là Ngọc dịch, là Cổ thiên trì. Khi nước bọt tiết ra nhiều thì nuốt vào bụng. Lão giáo cho rằng đó là linh đan bất diệt. Họ bảo:

Nếu muốn trường sinh và bất lão

Tất phải hồi tinh để nuôi dưỡng lão

Họ tập trung tâm ý chuyển tinh lên đỉnh đầu, tăng sức mạnh cho não. **Khi nhuận đức được thành tựu, thì gọi là Thiên hành tiên.** Khi thành công, mặt của họ sẽ hồng hào trẻ lại như đứa bé, mặc dù đã lớn tuổi. Đây là các Thiên hành tiên.

Kinh văn:

Kiên cố hấp thụ tinh hoa mà không dừng nghỉ, khi hấp thụ được thành tựu, gọi là Thông hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố hấp thụ tinh hoa mà không dừng nghỉ. Tâm ý của họ rất kiên định, vững chãi. Họ chuyên tâm hấp thụ tinh hoa của nhật, nguyệt để luyện pháp trường sinh. **Khi hấp thụ được thành tựu, gọi là Thông hành tiên.** Thông hành tiên có thể lên đến cõi trời, hoặc đi bất cứ nơi nào họ muốn. Họ thực hiện pháp ấy như thế nào? Có thể ví dụ: Buổi sáng, họ ngẩng nhìn mặt trời và hít thở ba trăm sáu mươi lần, buổi chiều tối, họ nhìn mặt trăng cũng làm như vậy. Họ dành hết thời gian để tu luyện cái bọc da của họ. Hòa thượng Hư Vân có viết: “Bài ca Cái Bọc Da” diễn tả điều ấy. Tu luyện để được bất diệt chính là vận dụng năng lực tự thân để phát triển khả năng khéo léo, tinh tế. Họ không biết đó cũng là năng lực tự tính. Sự khác biệt giữa Lão giáo và Phật giáo là Lão giáo muốn hiển bày cái khả năng đó, còn Phật thì không. Một đàng là trước nhiệm, vương mắc, một đàng thì chủ trương vô trước. Sự trước nhiệm chính là trở ngại, chướng ngại, nó khiến người ta không sao thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử được. Họ không đạt được chân lý tuyệt đối, không giải thoát được chính mình.

Năm hạng thần tiên như trên đã thuật qua và đều nói về sự “di hành”, chủ yếu là trên mặt đất, họ không vượt đến tầm cao hơn. Năm hạng tiên trình bày sau có tính cách khác hơn, mục đích hướng đến của họ cao xa hơn.

Kinh văn:

Kiên cố làm thuật phù chú mà không dừng nghỉ, khi thuật pháp được thành tựu thì gọi là Đạo hành tiên.

Giảng giải:

Kiên cố làm thuật phù chú mà không dừng nghỉ. Đây là những kẻ kiên tâm trì tụng chú thuật. Chẳng hạn Lạt Ma ở Tây tạng, họ hành pháp rất tinh tế, khéo léo. **Kiên cố làm thuật phù chú mà không dừng nghỉ.** Họ trì tụng chú và luôn giữ giới cấm. **Khi thuật pháp được thành tựu thì gọi là Đạo hành tiên.**

Kinh văn:

Kiên cố chuyên chú tư niệm mà không dừng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu thì gọi là Chiêu hành tiên.

Giảng giải:

Kiên cố chuyên chú tư niệm mà không dừng nghỉ. Họ quay trở lại chính mình và tập trung tư tưởng – không dừng nghỉ, chủ yếu là phát triển tư tưởng. **Khi chuyên niệm được thành tựu thì gọi là Chiêu hành tiên.** Khi tu luyện thành công thì thần có thể ra vào tự tại, khí có thể giao thông trên dưới, hình và thần tương chiếu nhau, hóa ra ánh sáng.

Kinh văn:

Kiên cố về thủy hỏa giao cầu mà không dừng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu, thì gọi là Tình hành tiên.

Giảng giải:

Thông thường, “giao cầu” là nói đến sự làm tình của nam và nữ, nhưng ở đây không có nghĩa như vậy. Hơn nữa, sự giao cầu lại xảy ra tự chính mình. Đạo Lão gọi điều ấy là “*bé trai và bé gái*”. Trong cá nhân người nào cũng có khả năng như vậy. Đây không phải là vấn đề có thể tìm kiếm từ ngoại tại. Mỗi người đều có một đứa con trai và một bé gái trong chính mình. Theo kinh Dịch, con trai thuộc quẻ ly, con gái thuộc quẻ khảm. Quẻ ly là “Trung hư”, quẻ khảm là “Trung mãn”.

Tám quẻ trong kinh dịch như sau:

Số TT	Quẻ	Tên	Tượng
1		CÀN	Trời
2		KHẨM	Nước
3		CẤN	Núi
4		CHẤN	Sấm
5		TỐN	Gió
6		LY	Lửa
7		KHÔN	Đất
8		ĐOÀI	Đám

Đầu tiên là quẻ Càn, gồm có ba vạch dài (-----), tức vạch dương. Càn thuộc yếu tố nam. Khôn có ba vạch đứt (--- ---), tức vạch âm, thuộc yếu tố nữ. Quẻ Càn tượng trưng người đàn ông ba mươi sáu tuổi, là cực thịnh. Sau đó dần suy yếu và trở thành quẻ Ly. Từ quẻ Ly, các vạch âm dương thay đổi, biến ra thành quẻ Khôn, quẻ Khảm.

Quẻ Ly thuộc tâm, quẻ Khảm thuộc thân. Vậy, giao cầu là chỉ sự giao cầu giữa thân và tâm, sự hòa hợp của thân và tâm. Quẻ Ly thuộc dương, nhưng trong dương có âm. Quẻ Khảm trong âm có dương.

Bé trai bé gái gặp nhau, tại sân vàng.

Sân vàng là gì? Đây là tâm, và pháp môn tu luyện của Đạo gia chủ yếu là hòa hợp, là giao cầu như vậy.

Kinh văn;

Kiên cố tập luyện biến hóa mà không dừng nghỉ, khi giác ngộ được thành tựu thì gọi là Tuyệt hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố tập luyện biến hóa mà không dừng nghỉ. Đây là chuyên tâm tu luyện, nghiên cứu sự biến hóa vật lý. Khi thành công sẽ phát sinh kỳ ngộ. **Khi giác ngộ được thành tựu thì gọi là Tuyệt hành tiên.** Đây là thần tiên có khả năng dời non lấp biển. Họ có thể di chuyển ngọn núi từ nơi này sang nơi khác, hoặc chuyển đổi biển cả từ Đông sang Tây. Các tiên còn có quyền năng thay đổi mùa màng, thời tiết, biến mùa Xuân thành mùa

Thu...Họ biết được huyền cơ của trời đất, họ trở thành đấng sáng tạo từ chính họ, đây gọi là Tuyệt hành tiên.

Kinh văn:

A Nan, bọn ấy ở trong loài người mà luyện tâm, mặc dù không tu chính giác, nhưng riêng được lẽ sống, thọ ngàn vạn tuổi, nghỉ nơi núi sâu, hoặc trên đảo trong biển cả, cách tuyệt chỗ người ở, đây cũng là vọng tưởng luân hồi lưu chuyển. Nếu như không tu pháp Tam muội thì khi quả báo hết rồi, quay trở lại tẩn vào trong các nẻo.

Giải thích:

A Nan, bọn ấy ở trong loài người mà luyện tâm, mặc dù không tu chính giác. Những người tu ấy tu luyện thân tâm, họ không tu pháp thiền Lăng Nghiêm của Như Lai – họ không tu hành theo chính giác, **nhưng riêng được lẽ sống, thọ ngàn vạn tuổi.** Có nhiều pháp môn khác nhau, nhưng họ chọn pháp dưỡng sinh, nắm được đạo lý trường sinh, thọ mạng rất lâu dài, sau khi thành công, họ **nghỉ nơi núi sâu, hoặc trên đảo trong biển cả, cách tuyệt chỗ người ở,** những nơi ấy người thường không đến được. Đây là cảnh non bồng nước nhược, nơi có bảy ngọn núi vàng, chung quanh núi là biển cả, đặc biệt, nước biển ở đây rất mềm, không có ghe thuyền nào đi được, cả một cọng lông chim rơi xuống nước cũng chìm sâu xuống. Nơi đây chỉ có hàng phi tiên mới đến được. Tuy nhiên, **đây cũng là vọng tưởng luân hồi lưu chuyển. Nếu như không tu pháp Tam muội.** Mặc dù thọ mạng có kéo dài hàng nghìn năm, họ vẫn ở trong vòng luân hồi, chưa chấm dứt con đường sinh tử. Lý do luân hồi là vì con trước nhiệm, còn tham muốn, đặc biệt là muốn trường sinh bất lão. Đây là vọng tưởng, và họ cũng không tu hành chính định, **thì khi quả báo hết rồi, quay trở lại tẩn vào trong các nẻo.** Khi thọ mạng chấm dứt, họ lại tái sinh, trở thành người bình thường, hoặc quý A Tu La, hoặc chư Thiên, hoặc sa vào địa ngục. Đây là những nơi họ phải đến.

---o0o---

PHẬN CHƯ THIÊN

Kinh văn:

A Nan, các người thế gian, không cầu đạo thường trụ, chưa có thể rời bỏ sự ân ái với vợ mình.

Giảng giải:

A Nan, các người thế gian, không cầu đạo thường trụ, người trong đời muốn tu đạo, nhưng không biết cầu chứng nhân tính thường trụ, chẳng biết pháp bất sinh bất diệt, lại chưa có thể rời bỏ sự ân ái với vợ mình.

Kinh văn:

Nhưng tâm chẳng buông lung trong việc tà dâm, do tâm dừng lặng sinh ra sáng suốt, sau khi mệnh chung, ở gần với mặt trời, mặt trăng, một loài như vậy gọi là Tứ Thiên vương thiên.

Giảng giải:

Nhưng tâm chẳng buông lung trong việc tà dâm. Việc hành dâm với người khác, không phải vợ, hoặc chồng, gọi là tà dâm; còn giữa vợ chồng với nhau thì không gọi là tà. Tuy nhiên trong sinh hoạt vợ chồng cũng không nên quá buông lung, phóng túng. Khi một người đã bước vào đường tu thì mọi việc đều có liên quan đến vấn đề đạo đức. **Do tâm dừng lặng sinh ra sáng suốt.** Không buông lung tính dâm, con người sẽ được trong sạch, và ánh sáng thanh tịnh sẽ hiện đến, đây là ánh sáng tự nhiên của đạo đức.

Trong vô số điều xấu xa tệ hại, dâm là trên hết.

Đừng đi vào con đường chết chóc ấy!

Một người không tà dâm, tinh, khí và thần người ấy sẽ được đầy đủ. Từ sự đầy đủ đó, ánh sáng đạo đức xuất hiện, **sau khi mệnh chung, ở gần với mặt trời, mặt trăng, một loài như vậy gọi là Tứ Thiên vương thiên.** Đây là loại tái sinh của rất nhiều người.

Cõi trời Tứ thiên vương tọa lạc lưng chừng núi Tu Di – hoàn toàn cách biệt với thế gian. Chư Thiên nơi đây thọ mạng đến năm trăm tuổi. Một ngày đêm nơi đây bằng năm mươi năm của thế gian. Tính theo thời gian của chúng ta, họ sống đến chín triệu tuổi.

Kinh văn:

Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, không được toàn vị, sau khi mệnh chung, vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng ở trên đỉnh nhân gian, một loại như thế, gọi là Dao lợi thiên.

Giải giải:

Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, không được toàn vị, sau khi mệnh chung, vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Các chúng tái sinh vào cõi Tứ Thiên Vương, không còn vướng vào sự tà dâm, nhưng họ vẫn chưa dứt ràng buộc với vợ mình. Tuy nhiên, họ cũng chỉ giữ lòng với vợ của mình, không bận lòng với người đàn bà nào khác. Đối với người đàn bà cũng vậy. Chúng sinh ở cõi này không có tình yêu giống như chốn nhân gian.

Đoạn kinh văn trên nói đến việc giảm thiểu sự ân ái trong sinh hoạt vợ chồng. “*Dâm ái ít ỏi*” có nghĩa là rất ít, rất hiếm, có thể hạn chế việc hành dâm trong cả một năm, hoặc nhiều năm. Họ xem việc đó không quan trọng.

Tại sao con người lại nặng sự dâm dục? Đây là vì nghiệp chướng nặng nề. Nghiệp chướng nặng khiến họ nghĩ tưởng nhiều về dâm dục, họ có thể chỉ nghĩ về điều đó từ sáng đến tối, không dừng nghỉ. Nếu quý vị nào có nghiệp chướng nặng nề như thế, quý vị nên tỉnh thức để nhận ra chính mình đang chịu nghiệp, đừng để nó chủ động sai sử mình; tránh trong tương lai sẽ trở thành bò, thành ngựa, heo hoặc chó. Đây là một loại tái sinh không dừng nghỉ. Tại sao? Vì tình dục của mình quá mạnh, và đó là nguyên nhân đưa đẩy chúng ta sa ngã.

Phản luận này mặc dù nói tâm chẳng buông lung trong việc tà dâm, nhưng họ vẫn chưa được hoàn toàn trong sạch. Họ không biết tu hành thế nào, cuối cùng thì mệnh chung, thần thức vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng và **ở trên đỉnh nhân gian**. Họ không có nhiều tình dục, nên ánh sáng tự tính của họ luôn hướng về phía trước. Bất cứ người nào không có tình dục đều sẽ có ánh sáng và có thể tái sinh lên cõi trời.

Một loại như thế, gọi là Dao lợi thiên. Dao lợi thiên – Trayastrimshe, có nghĩa ba mươi ba cõi trời, cõi thiên này phân chia làm bốn hướng Đông Tây Nam Bắc, mỗi hướng có tám cõi trời, Thiên chủ ngụ tại trung tâm, tức trên đỉnh núi Tu Di.

Thiên chủ ba mươi ba cõi trời này nguyên là một người đàn bà nghèo khó, bà thấy một phật tháp thờ Phật bị hư hỏng nặng, bèn bỏ công làm lụng, hoặc đi xin, quỳên góp tiền bạc để sửa chữa. Cùng lúc ấy, bà có thêm ba

mười hai người bạn, tất cả đều ra sức xây dựng lại tháp. Sau khi họ mất, tất cả cùng về cõi trời, riêng người đàn bà trở thành Thiên chủ.

Thọ mạng của chư Thiên cõi Đao lợi kéo dài hàng nghìn năm. Một ngày đêm nơi đây bằng một trăm năm chốn nhân gian, vậy một ngàn năm trong cõi trời này bằng ba nghìn sáu trăm vạn năm nhân gian.

Kinh văn:

Gặp cảnh dục tạm theo, bỏ đi không nhớ nghĩ, ở trong nhân gian, động ít tĩnh nhiều, thì sau khi mệnh chung, sáng rõ ở yên trong cõi hư không, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi đến được; những người ấy tự mình có ánh sáng, một loại như thế, gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

Giảng giải:

Đây là cảnh giới của những người **gặp cảnh dục tạm theo, bỏ đi không nhớ nghĩ**, đó là hành động của các đôi vợ chồng. Mặc dù vẫn hành ân ái, nhưng khi bỏ đi thì thôi không nhớ nghĩ đến. Họ **ở trong nhân gian, động ít tĩnh nhiều**. Tức họ dành phần lớn thời gian để tu tập hành thiền. Như vậy **thì sau khi mệnh chung, sáng rõ ở yên trong cõi hư không, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi đến được**. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng không chiếu ánh sáng tới những người ấy được. **Những người ấy tự mình có ánh sáng**. Khi đến cõi hư không, tự thân họ là một luồng ánh sáng, và nơi đây cũng chẳng có ngày có đêm mà luôn luôn sáng tỏ. Vậy làm sao biết thời gian trôi? Họ dùng hoa sen, khi sen nở thì biết là ngày, sen khép lại là đêm. **Một loại như thế, gọi là Tu Diệm Ma Thiên**. Thọ mạng các chúng nơi đây là hai ngàn tuổi. Tu diệm ma – Suyama, có nghĩa là khéo phân chia thời gian, vì nơi đây đêm ngày đều sáng rõ.

Kinh văn:

Mọi lúc đều tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến bên mình, chưa chống đối được, thì sau khi mệnh chung, lên đến chỗ tĩnh vi, không tiếp với những cảnh nhân thiên cõi nước, cho đến gặp kiếp hoại, tam tai cũng chẳng đến nơi; một loại như thế, gọi là Đâu Suất Đà Thiên.

Giảng giải:

Nơi cõi trời này có Nội Viện và Ngoại Viện. Ngoại Viện là chúng thiên cư ngụ, bên trong là các thánh. Hiện tại, Bồ tát Di Lạc đang ngụ trong cung Đâu Suất, và Ngài đang giảng Thiên Duy thức. **Mọi lúc đều tĩnh,**

nhưng khi có cảm xúc đến bên mình, chưa chống đối được, thì sau khi mệnh chung, lên đến chỗ tinh vi, không tiếp với những cảnh nhân thiên cõi nước. Trong mọi lúc, mọi cảnh họ đều luôn bất động, rất tĩnh lặng. Tuy nhiên cảm xúc giao cấu có khi bột khởi, họ chưa chống đối được, nhưng dứt khoát không buông mình theo cảm xúc. Có khi họ cũng chiều theo cảm xúc, nhưng điều đó rất hiếm. Sau khi qua đời, họ có rất ít dục, thần thức họ bay thẳng đến chỗ tinh vi, không còn rơi trở xuống.

Cho đến gặp kiếp hoại, tam tai cũng chẳng đến nơi; một loài như thế, gọi là Đâu Suất Đà Thiên. Tam tai – ba loại tai họa lớn là:

1. Hỏa tai
2. Thủy tai
3. Phong tai

Lửa thiêu đốt Sơ thiên thiên, nước nhấn chìm Nhị thiên thiên, gió đánh mạnh vào Tam thiên thiên. Nhưng tại cung trời Đâu Suất có Bồ tát an trụ nên Tam tai không phá hoại được. Đâu Suất – Tushita, có nghĩa là “*Tri túc, thiếu dục*”. Các chúng thiên nơi đây không có lòng tham, tránh xa sự dâm dục. Nếu quý vị muốn tái sinh vào cõi trời ấy, cần thiết là biết đủ và ít ham muốn.

Kinh văn:

Chính mình không có tâm dâm dục, chỉ vì đáp ứng người khác mà làm, trong lúc phô bày, thấy vô vị như ăn sáp, thì sau này mệnh chung, vượt lên sinh vào cảnh biến hóa, một loài như thế gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

Giải thích:

Chính mình không có tâm dâm dục, chỉ vì đáp ứng người khác mà làm, trong lúc phô bày, thấy vô vị như ăn sáp, thì sau này mệnh chung, vượt lên sinh vào cảnh biến hóa. “*Tôi không có một chút ham muốn, nhưng người ấy cứ năn nỉ muốn cả hai làm chuyện đó*”. Đây là chuyện xảy ra giữa đôi vợ chồng – một người muốn hành dâm, người kia thì không. Quý vị có bao giờ nhai lấy sáp? Vâng, quý vị có thể nhai mãi, nhưng không bao giờ biết được vị của nó. Đó là trường hợp một người không cảm thấy thích thú gì khi làm tình. Họ không có ý dâm. Sau khi nghe giảng, quý vị chắc chắn sẽ hết sức cố gắng tự chủ, đừng đánh mất đi chính mình, đừng lao vào con đường chết chóc.

Sau khi mạng chung, họ tái sinh vào cảnh biến hóa, **một loài như thế gọi là Lạc Biến Hóa Thiên**. Chúng thiên nơi đây có thể tự mình biến hóa và hưởng thụ mọi điều hỷ lạc, sự hỷ lạc đó là tự nhiên, khác hẳn niềm vui thú nơi cõi trần. Tuy nhiên, cõi trời này cũng thuộc dục giới. Thọ mạng các thiên nơi đây là tám ngàn năm, một ngày đêm cõi trời này bằng tám trăm năm dưới cõi trần.

Kinh văn:

Không có tâm thế gian, chỉ đồng với thế gian mà làm việc ngũ dục, khi làm việc ấy, rõ ràng là siêu thoát, thì sau khi mệnh chung, vượt trên tất cả những cảnh biến hóa và không biến hóa; một loài như thế, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Giải thích:

Không có tâm thế gian, chỉ đồng với thế gian mà làm việc ngũ dục, khi làm việc ấy, rõ ràng là siêu thoát. Đây là những người chán sự dâm dục trong đời sống vợ chồng. Chẳng những họ cảm thấy việc ân ái vô vị như nhai sáo, mà cả những điều ấy cũng không xảy đến. Như vậy, **thì sau khi mệnh chung, vượt trên tất cả những cảnh biến hóa và không biến hóa.** Thần thức họ siêu việt lên cõi hỷ lạc vô cùng. **Một loài như thế, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.** Đây là cõi trời thứ sáu trong sáu cõi trời, gọi là Lục Dục Thiên. Chúng thiên nơi đây cực kỳ hỷ lạc. Họ không dùng lạc cụ của mình hóa hiện, mà chỉ thọ dụng khoái lạc từ các thiên khác hóa hiện. Thọ mạng các thiên cõi Tha Hóa là sáu mươi ngàn năm, một ngày đêm ở đây bằng một nghìn năm trăm năm ở cõi trần.

Các chư Thiên trong sáu cõi dục vẫn còn ý dục, cách thỏa mãn ý dục của họ đại để như sau:

Ở cõi Tứ Thiên vương và Đạo Lợi Thiên, thỏa dục bằng cách ôm nhau.

Cõi Dạ Ma Thiên thì nắm tay nhau.

Cõi Đâu Suất thì mỉm cười.

Cõi Lạc Biến Hóa Thiên, chi nhìn nhau là thỏa mãn.

Chúng Thiên trong cõi Tứ Thiên vương và Đạo Lợi thiên, nam nữ luyến ái bằng cách ôm nhau, giống như người ở thế gian. Trong cõi Dạ Ma

thì nắm tay nhau, ở Đâu Suất thì cười với nhau. Các chúng ở cõi Dạ Ma thì hòa hợp tại tâm chứ không phải thực thể. Họ hành dâm chỉ bằng cách nắm tay nhau. Cõi trời Đâu Suất là cái cười, thực thể cũng không đụng chạm. Ở Lạc Biến Hóa Thiên, họ chỉ nhìn và cảm thấy đã đầy đủ. Nam và nữ ở cõi này chỉ cần nhìn vào người khác – họ cũng chẳng cười nhau. Cái nhìn của họ kéo dài độ ba phút, hoặc năm phút, họ giao cấu như thế là đủ. Chư Thiên càng ở cõi cao thì ý dục càng ít đi.

Phật pháp nhắc nhở chúng ta, say mê tình dục là một điều hết sức nguy hiểm và đáng sợ. Kinh có nói Bồ tát xem tình dục khác nào con rắn độc. Đụng đến là nó cắn chết. Người thường mắt thịt chúng ta không nhận ra điều ấy. Đây cũng là lý do tại sao các vị ấy dành nhiều thời gian nghĩ ngợi về sự nhơ nhớp tệ hại như vậy. Họ không muốn sa ngã, và tôi nghĩ quý vị cũng sẽ nhận thức được, tránh sa ngã vào con đường nguy hiểm ấy.

Kinh văn:

A Nan, sáu cõi trời như thế, hình thức tuy chẳng động, nhưng tâm tính còn dính dấp, từ các cõi ấy trở xuống, gọi là Dục giới.

Giải thích:

A Nan, sáu cõi trời như thế, hình thức tuy chẳng động, nhưng tâm tính còn dính dấp. Mặc dù đã vượt thoát hình hài, nhưng tâm vẫn còn dính dấp ái niệm, chưa hoàn toàn dứt hẳn. **Từ các cõi ấy trở xuống, gọi là Dục giới.** Đây là các cõi Thiên, từ Tứ Thiên vương thiên đến Tha Hóa Thiên, gọi chung là Lục Dục Thiên. Chư Thiên nơi đây vẫn thuộc Dục giới, vì họ vẫn chưa hoàn toàn trong sạch. Họ vẫn còn nghĩ đến tình dục.

---o0o---

HẾT QUYỂN VIII